



# Mục Lục



|   |            |                    |
|---|------------|--------------------|
| <i>Đức Phật Di lặc.....</i>                           | <i>4</i>   | <i>___/___/___</i> |
| <i>Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát.....</i>                | <i>10</i>  | <i>___/___/___</i> |
| <i>Chùa Báo Quốc .....</i>                            | <i>16</i>  | <i>___/___/___</i> |
| <i>Chùa Thuyền Tôn.....</i>                           | <i>24</i>  | <i>___/___/___</i> |
| <i>Chùa Viên Giác .....</i>                           | <i>32</i>  | <i>___/___/___</i> |
| <i>Lý Nhân Duyên Sanh .....</i>                       | <i>40</i>  | <i>___/___/___</i> |
| <i>Lý Nhân Quả .....</i>                              | <i>46</i>  | <i>___/___/___</i> |
| <i>Lý Luân Hồi .....</i>                              | <i>58</i>  | <i>___/___/___</i> |
| <i>Mười Điều Thiện .....</i>                          | <i>70</i>  | <i>___/___/___</i> |
| <i>An Cư Kiết Hạ.....</i>                             | <i>76</i>  | <i>___/___/___</i> |
| <i>Năm Uẩn .....</i>                                  | <i>82</i>  | <i>___/___/___</i> |
| <i>Lịch Sử Đạo Phật Ở Việt Nam.....</i>               | <i>90</i>  | <i>___/___/___</i> |
| <i>Đạo Phật Tại Hoa Kỳ .....</i>                      | <i>102</i> | <i>___/___/___</i> |
| <i>Vua Trần Nhân Tông<br/>và Trúc Lâm Yên Tử.....</i> | <i>132</i> | <i>___/___/___</i> |
| <i>Phù Hiệu GDPT Việt Nam-Hoa Kỳ .....</i>            | <i>140</i> | <i>___/___/___</i> |
| <i>Cơ Cấu Tổ Chức.....</i>                            | <i>147</i> | <i>___/___/___</i> |

# Table of Content



|   |            |                    |
|---|------------|--------------------|
| <i>Di Lạc Buddha .....</i>                    | <i>5</i>   | <i>___/___/___</i> |
| <i>Superior Wisdom Bodhisattva.....</i>       | <i>11</i>  | <i>___/___/___</i> |
| <i>Bao Quoc Pagoda.....</i>                   | <i>17</i>  | <i>___/___/___</i> |
| <i>Thuyền Tôn Pagoda .....</i>                | <i>25</i>  | <i>___/___/___</i> |
| <i>Vien Giac Temple .....</i>                 | <i>33</i>  | <i>___/___/___</i> |
| <i>The Law of Causality .....</i>             | <i>41</i>  | <i>___/___/___</i> |
| <i>The Law of Cause and Effect.....</i>       | <i>47</i>  | <i>___/___/___</i> |
| <i>The Re-birth .....</i>                     | <i>59</i>  | <i>___/___/___</i> |
| <i>Ten Good Deeds.....</i>                    | <i>71</i>  | <i>___/___/___</i> |
| <i>The Summer Retreat.....</i>                | <i>77</i>  | <i>___/___/___</i> |
| <i>The Five Aggregates .....</i>              | <i>83</i>  | <i>___/___/___</i> |
| <i>The History of Buddhism in Vietnam ...</i> | <i>91</i>  | <i>___/___/___</i> |
| <i>Buddhism In The United States.....</i>     | <i>103</i> | <i>___/___/___</i> |
| <i>King Tran Nhan Tong And</i>                |            |                    |
| <i>Truc Lam Yen Tu Chan Sect.....</i>         | <i>133</i> | <i>___/___/___</i> |

# ***Đức Phật Di Lặc***

## ***I. Thân Thế Ngài:***

*Ngài người dòng Bà La Môn ở Nam Thiên Trúc. Cha mẹ tên là Ba Bà Lợi. Ngài họ A Dật Đa, tên Di Lặc.*

## ***II. Ý Nghĩa Tên Ngài:***

*A Dật Đa dịch là Vô Năng Thắng, có nghĩa là sự tu hành và lòng từ bi ngài không ai sánh kịp. Di Lặc dịch là Từ-thị. Trước kia mẹ ngài là một người tâm địa không tốt, nhưng sau khi thọ thai ngài thì tâm trở nên hiền từ. Và lại trong kiếp trước ngài đã từng tu phép tu tâm tam muội, Ngài tu pháp ấy đến khi thành Phật, nên gọi Ngài là Từ-thị.*

## ***III. Tiền Thân Của Ngài:***

*Trong một kiếp trước đời Đức Phật Đại Thông Trí Thắng, Ngài cùng Đức Phật Thích Ca đồng thời phát Bồ Đề tâm tu các pháp lành. Đến đời Đức Phật Nhựt Nguyệt Đăng, Ngài cũng xuất gia tu hành. Ngài có lòng Từ Bi, nhưng thiếu hạnh Tinh Tấn, nên khi Đức Phật Thích Ca thành Phật Ngài mới lên địa vị Bồ Tát Bồ Xú, nghĩa là sẽ thành Phật trong một đời sau. Ngài được Đức Phật Thích Ca thọ ký sẽ thành Phật Di Lặc sau này tại Hội Long Hoa.*

- 1. Hạnh Tu :*** *Ngài tu theo pháp Duy Thức, không chấp vào danh tướng giả hợp, chỉ tin vào nhân duyên giả hợp mà phát sanh.*
- 2. Hạnh Nguyện:*** *Hiện nay Ngài ở cung trời Đâu Suất Nội Viện thuyết pháp độ chúng sanh. Nhờ hạnh nguyện rộng lớn của Ngài nên những ai sanh lên cung trời Đâu Suất Nội Viện thì không*

# *Di Lặc Buddha*

## *I. Biography:*

*He was a Brahman. He was named Di Lặc with a last name A Dật Đa. His parents were Ba Bà Lợi.*

## *II. The meaning of his name:*

- *A Dật Đa - Most compassionate; diligent in practicing religion*
- *Di Lặc - He practiced the Wisdom Seal (Tam Muội) method in his past life and attained enlightenment in the past live.*

*In addition, his mother became benevolent and generous since the day he was conceived.*

## *III. Past lives:*

*In one of his past lives, he and Gautama Buddha engaged in the practice of enlightenment. Since he lacked self-perseverance he only became a Buddha to Be when Gautama actually became a Buddha. He will be the future Buddha when the time is right for him.*

1. ***His Beliefs:** His method of practice was Conciousness-only which he did not believe in the true existence of all things. He believed in the chain of causes and effects in which a thing existed.*
2. ***His Wishes:** He is now living in the highest level of the Heaven and teaches his methods to the beings who live there. Due to his pledge, anyone who lives there will advance and will not receive punishment. Until a person on earth reaches 80,000 years old, Di Lặc Buddha will then become a Buddha.*

*còn thoát đạo. Đến khi nhân loại sống đến tám vạn tuổi, ngài mới hiện sanh và thành Phật dưới Hội Long Hoa.*

- 3. Một Hóa Thân Của Ngài:** Ngài hiện thân làm vị Hòa Thượng tại đất Minh Châu huyện Phụng Hóa và lấy tên là Khê Tử. Minh Ngài rất to lớn, tánh tình hoan hỷ, nói năng khác thường, ngủ nghỉ không chọn sang hèn. Ngài thường mang túi vải đi khát thực, đem về nuôi trẻ con. Người ta thường gọi Ngài là Bố Đại Hòa Thượng (Hòa Thượng mang túi vải). Trước khi qua đời, Ngài có để lại bài kệ rằng:

*“Di Lạc thiết là ta  
Phân thân như hăng sa  
Thường hiện làm thường dân,  
Mắt phàm không thấy ta”.*

#### **IV. Biểu Tượng Và Lòng Quy Ngưỡng Của Phật Tử:**

*Hiện nay các chùa đều thờ tượng Ngài bên phía tay phải của Đức Phật Thích Ca. Rất nhiều nơi tạc hình Ngài thân thể to lớn, mặt mày vui vẻ, lại có sáu đứa con nít leo trên mình. Sáu đứa con nít biểu hiệu cho sáu thức (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý) luôn luôn khuấy phá Ngài. Nhưng vì Ngài đã tu phép Duy Thức nên Ngài vẫn luôn luôn tự tại (thường chỉ thấy có 5 đứa trẻ trên tượng tượng trưng cho mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, còn Ý thì không thấy được).*

#### **V. Niệm Danh Hiệu Ngài:**

*Niệm danh hiệu hoan hỷ, vui tươi.  
Cầu mong được Ngài hóa độ.  
Mong được dự Hội Long Hoa để được Ngài Giáo Hóa.*

**3. *One Of His Appearances:*** *He appeared in Minh Châu, China and played as a venerable Khê Tử. His physique was huge. He was always happy. He spoke differently. He could rest at almost any place that rest could be found. He usually begged for food to feed the children in town. People usually called him “Bố Đại Hòa Thượng”. Before he passed away, he left behind a few words:*

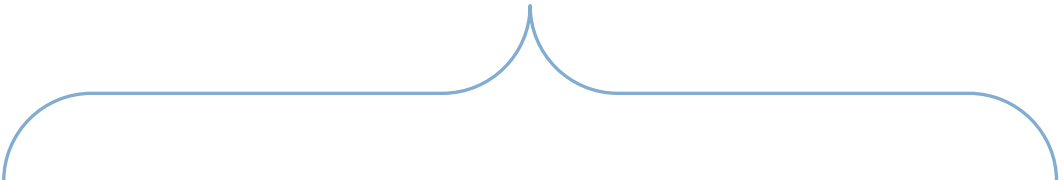
*“I am truly Di Lặc.  
My appearances are infinite  
I usually appear as a common citizen.  
Nobody actually sees the image of me”.*

#### ***IV. His Images in Buddhism:***

*His statue stands on the right side of Gautama Buddha. It has been mold with a huge body and a happy face with six kids hanging from his body. These kids are symbolic of the trouble caused by the six senses (eye, ear, nose, tongue, body, thought). Since he had achieved Duy Thúc, he remained calm and happy.*

#### ***V. Vowing His Name means:***

*Learn how to forgive  
Learn how to stay happy  
Try to be his follower.*



*Let us rise up and be  
thankful, for if we didn't  
learn a lot today, at least  
we learned a little, and if  
we didn't learn a little, at  
least we didn't get sick,  
and if we got sick, at least  
we didn't die; so, let us all  
be thankful.*

*Gautama Buddha*





*Huynh Trưởng Phụ Trách*\_\_\_\_\_

*Ngày:*\_\_\_\_\_

Handwriting practice lines consisting of 30 horizontal dotted lines.

# ***Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát***

## ***I. Ý Nghĩa Tên Ngài:***

***Văn Thù: Diệu***

***Sư Lợi : Cát tường, đức, trí tuệ không ai bằng.***

## ***II. Hành Tướng và Địa Vị Ngài:***

- 1. Ngài là một vị Phật hiện thân làm vị Tỳ-Kheo giúp Đức Phật Thích Ca giáo hóa chúng sanh.*
- 2. Ngài thường đứng bên tay trái của Đức Phật Thích Ca, bên kia là Ngài Phổ Hiền. Ngài tượng trưng cho Trí Tuệ của Chư Phật và Bồ Tát.*

## ***III. Ngài là Thầy của các Đức Phật:***

*Các Đức Phật đều nhờ vào trí tuệ mà thành Phật cho nên người ta thường gọi ‘Văn Thù là mẹ của Chư Phật’.*

## ***IV. Biểu Tướng của Ngài:***

- 1. Trên đầu có năm nhục kế thể hiện cho 5 tướng hay 5 đức của Phật.*
- 2. Tay mặt Ngài cầm kiếm thể hiện cho sự cắt đứt phiền não.*
- 3. Tay trái cầm hoa sen, thể hiện cho trí tuệ thanh tịnh, không nhiễm trước. Chúng nhập vào chỗ vô tướng, thể hiện trí kim cang uốn dẻo tất cả phiền não.*
- 4. Ngài cỡi sư tử xanh. Sư tử là chúa của loài thú, ý nói trí tuệ sắt bén của Ngài chiếu sáng khắp mọi nơi.*
- 5. Ngài cầm hoa sen xanh. Màu xanh là màu của phương Đông, hướng mặt trời mọc, ý nói ánh sáng trí tuệ xóa tan bóng tối của vô minh.*

## *Superior Wisdom Bodhisattva*

### *I. The meanings of his name:*

*Văn Thù: Superior*

*Sử Lợi: The most virtuous, wisest person.*

### *II. His role:*

*He was a Buddha but in the past he existed as a venerable monk in helping Gautama Buddha by spreading Gautama Buddha's teachings. He usually stood on the left side of Gautama Buddha and faced Ngài Phổ Hiền. He was honored for having the most wisdom in the Bồ Tát class.*

### *III. His Wisdom was the guidance for all Buddhas:*

*All Buddhas achieve enlightenment through the practice of Wisdom. Therefore, his wisdom served as a symbol of a mother to all Buddhas.*

### *IV. His features:*

- 1. There were 5 special features on his head which represented the virtues of a Buddha.*
- 2. His right hand held a sword which represented the slashing of sufferings.*
- 3. His left hand held a lotus which represented Wisdom and annihilation of suffering.*
- 4. He rode a green lion. Since the lion is the king of all animals, it signifies that his wisdom is above all.*

## **V. Tiền Thân Của Ngài:**

*Trong Kinh Pháp Hoa có chép: Trước khi Đức Phật Nhật-Nguyệt-Đăng-Minh thành Phật, Ngài là một ông vua có 8 người con, sau Ngài xuất gia tu hành và chứng quả thành Phật. Sau khi Ngài nhập Niết Bàn, 8 người con đều phát tâm xuất gia, nhận Ngài Bồ Tát Diệu Quang làm thầy và dần dần đều chứng được đạo quả. Người thành Phật sau cùng hiệu là Nhiên Đăng.*

*Như vậy ngài là thầy của Đức Phật Thích Ca. Ngài Bồ Tát Diệu Quang là tiền thân Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát.*

## **VI. Một câu chuyện Trạo hóa của Ngài:**

***Ngài Văn Thù cầm kiếm hại Đức Phật.***

*Trong thời Đức Phật ra đời, có 500 vị La Hán chứng được Túc Mạng Thông, thấy tội lỗi của mình quá nhiều, liền sanh lòng chán nản. Ngài Văn Thù đứng hầu Đức Phật thấu rõ tâm ý các vị La Hán, liền cầm kiếm đến trước Đức Phật như muốn hại Ngài. Đức Phật thản nhiên nói rằng: “Ta đã chứng vô nhân, vô pháp, không thấy ta bị sát, không thấy có người đến sát hại, thì làm sao người sát hại ta được”. 500 vị La Hán hiểu ngay sự giả dối của pháp, sự không thật của tội ác nên chứng được Vô Sanh pháp nhẫn.*

## **VII. Lòng quy ngưỡng của Phật tử và kết luận:**

- *Tưởng nhớ đến trí huệ cùng tột của ngài*
- *Hiểu trí huệ là trí cần thiết cho người Phật Tử*
- *Đạo Phật là đạo của Trí Tuệ*
- *Trí Huệ của Ngài Văn Thù Sư Lợi còn được gọi là mẹ của các Đức Phật.*
- *Cầu sự giúp đỡ của Ngài để trí tuệ được sáng suốt.*

5. *He held a green lotus and rode a green lion. Green is the color of the East, where the sun rises, and emphasizes that his wisdom is as bright as the sun rays and will end all darkness.*

## ***V. His past life:***

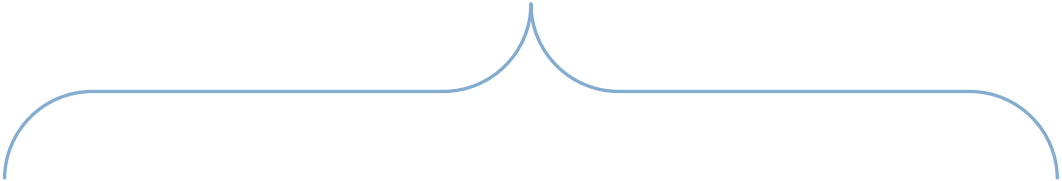
*In the Pháp Hoa sutra it had been written: Before Nhật Nguyệt Đăng Buddha achieved Enlightenment, Ngài Văn Thù Sư Lợi was a king with 8 children. He sought enlightenment and became a Buddha. After he passed away, his children sought for enlightenment with help from Ngài Bồ Tát Diệu Quang and eventually achieved this goal. Therefore, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát was Gautama Buddha's past teacher.*

## ***VI. One of his memorable stories in teaching the followers was the use of his sword with the intention of hurting the Buddha.***

*During Gautama Buddha's years, there were 500 chiefs (A La Hán) who achieved the Power of Full Understanding of Life (Túc Mạng Thông). Knowing there were too many problems within themselves they surrendered to the problems. Ngài Văn Thù Sư Lợi knew their thoughts and confronted the Gautama Buddha with his sword and pretended to hurt the Buddha. The Gautama Buddha calmly said: “I have achieved the non-self, I don't see myself being hurt or anyone that can carry out such action.” The 500 A La Hán then awakened and realized the method of Non-Self, the true cause of troubles. Therefore they achieved the Non Self Method.*

## ***VII. His images in Buddhism:***

- *Look up to his Absolute Wisdom.*
- *Wisdom is needed of a Buddhist.*
- *Buddhism is a Wisdom religion.*
- *His Wisdom can be called “The Mother of All Buddhas.”*
- *Wish for his help in the process of achieving wisdom.*



*Everything is based on  
mind, is led by mind, is  
fashioned by mind. If you  
speak and act with a  
polluted mind, suffering  
will follow you, as the  
wheels of the oxcart follow  
the footsteps of the ox*



*Gautama Buddha*

*Huynh Trưởng Phụ Trách*\_\_\_\_\_

*Ngày:*\_\_\_\_\_

Handwriting practice lines consisting of multiple horizontal dashed lines for text entry.

## *Chùa Báo Quốc*

*Tổ đình Báo Quốc nguyên thủy có tên là Hàm Long Sơn Thiên Thọ Tự do Hòa thượng Pháp Hàm hiệu Giác Phong Lão Tổ khai sơn vào cuối thế kỷ XVII. Nơi đây, năm đầu tiên ra Huế (1690), tổ Liễu Quán đã đến cầu đạo. Lão tổ thuộc phái Tào Động. Ngài viên tịch năm 1714, kim cốt của ngài được cải táng tôn trí trong ngôi Niết bàn tháp, cùng di cốt của các Tổ khác. Hai bên có hai ngôi tháp mới của Hòa Thượng Trí Thủ và Hòa thượng Thanh Trí.*

*Năm 1747, chúa Nguyễn Phước Hoạt đã mở rộng quy mô chùa và đổi tên là Báo Quốc tự. Hòa thượng Tế Nhân Viên Giác, một cao túc của Tổ Liễu Quán, đảm nhận trú trì trong thời gian này. Đến năm 1753, ngài viên tịch. Đại sư Hàn Chất kế tục trú trì cho đến năm 1766.*

*Hai mươi hai năm sau, chùa trở thành kho chứa diêm tiêu và xưởng làm súng của quân đội Tây Sơn. Tăng chúng xiêu lạc, chùa chiến hoang phế suốt hai chục năm. Đến năm 1808, Hiếu Khương hoàng thái hậu, thân mẫu của vua Gia Long đã cho tái thiết, gọi tên là chùa Thiên Thọ, Hòa thượng Đạo Minh Phổ Tịnh được cử làm trú trì trong buổi trùng hưng. Ngài là pháp tử của Hòa thượng Đại Huệ Chiếu Nhiên chùa Thuyền Tôn. Đệ tử nổi pháp của Ngài có 29 vị đặc pháp đại sư, pháp tự hàng chữ Nhất, trong đó nổi bật các sư: Nhất Chơn chùa Từ Quang, Nhất Đắc chùa Thiên Hưng, Nhất Nguyên chùa Huệ lâm, Nhất Định tăng cang chùa Giác Hoàng, Nhất Trí tăng cang chùa Thiên Mục, Nhất Niệm chùa Báo Quốc, Nhất Thể chùa Bảo Lâm, Nhất Xương chùa Thiên Hòa.*

*Tám năm sau (1816), Hòa Thượng Đạo Minh Phổ Tịnh viên tịch, tháp mộ kiến lập ở nghĩa địa cạnh chùa Vạn Phước ngày nay. Sau đó, Hòa thượng Tánh Thiên Nhất Định kế tục trú trì khoảng 14 năm.*



## *Bao Quoc Pagoda*

*Bao Quoc Patriarchal Pagoda, with its original name Ham Long Son Thien Tho Tu, was founded by Most Venerable Phap Ham, with the honorable name Giac Phong Lao To, in the late 17th century. It was the celebrated Patriarch Lieu Quan of the Tao Dong sect who came to this pagoda for his religious lessons during his first visit to Hue in 1690. This monk died in 1714. His remains were finally laid at peace inside the stupa Nirvana together with the remains of the other patriarchs. There are at present two new stupas here dedicated to Most Venerable Tri Thu and Venerable Thanh Trí.*

*In 1747, Lord Nguyen Phuc Hoat enlarged the pagoda and recognized it as national pagoda. The pagoda was renamed Bao Quoc. Most Venerable Te Nhan Vien Giac, one of Lieu Quan best disciples, was officially appointed headmonk of the pagoda. This monk died in 1753 and the senior monk Han Chat took his place to preside over the pagoda until 1766.*

*Then twenty two years later, the Tây Sơn Family's army turned the pagoda into an arsenal. The staff of monks as a result, was dispersed, the pagoda left in neglect for 20 years. In 1808, Queen Hiếu Khương, Mother of king Gia Long, had the pagoda restored renaming it, Thiên Thọ. Most Venerable Đạo Minh Phổ Tịnh was appointed as a headmonk of the renewed pagoda. He was dharma successor to Most Venerable Đại Huệ Chiếu Nhiên who came from Thiên Lâm Pagoda. Twenty nine disciples of this monk were venerable monks of high religious achievements, honored with Buddhist names beginning with the word “Nhất”. Of these monks, the most outstanding were Nhất Chơn from Từ Quang Pagoda, Nhất Đắc from Thiên Hưng Pagoda, Nhất Nguyên from Huệ Lâm Pagoda, Nhất Định from Thiên Mục Pagoda, Nhất Niệm from Báo Quốc Pagoda, Nhất Thể from Bảo Lâm Pagoda, and Nhất Xương of Thiên Hoa Pagoda.*

*Năm 1824, vua Minh Mạng đã ngự lên thăm chùa và sắc lấy lại tên là chùa Báo Quốc. Nhân lễ Vạn thọ tứ tuần đại khánh năm 1830, nhà vua đã cử hành một đại trai đàn ở đây, cấp giới đao độ điệp cho Hòa thượng Nhất Định, cử làm tăng cang quán Linh Hựu. Hòa Thượng Hải Thuận Diệu Giác là cao túc đã thay thế làm trú trì, cho đến năm 1895 Ngài viên tịch. Ngài đồng thời cũng là tăng cang chùa Diệu Đế.*

*Năm 1858, Vua Tự Đức, Hoàng Thái hậu Từ Dũ đã ban tiền trùng tu chính điện, hậu đường, đông tây đường, trù gia. Năm 1868 lại tu bổ với số tiền vua ban là 700 quan. Năm 1873 trùng tu cổng tam quan vốn đã được xây dựng từ năm 1808. Các năm 1882, 1890 lại tiếp tục tu bổ. Vào năm 1898, xây dựng Ngũ Công Đức đường.*

*Sau khi Hòa thượng Diệu Giác viên tịch, các đệ tử của Ngài là Hòa thượng Tâm Quảng, Tâm Truyền và Tâm Khoan kế tục trú trì, và từ năm 1928 đến 1953 là Hòa thượng Phước Hậu. Ngài là một pháp tử của Hòa thượng Tâm Truyền, từng kiêm trú trì chùa Linh Quang. Ngài là một thiền sư lại có khiếu làm thơ. Tiếc thay, qua bao nhiêu biến cố, thơ văn của ngài bị thất lạc, chỉ còn lại áng thơ Di ngôn thấm nhuần đạo vị:*

*Kinh điển lưu truyền tám vạn tư  
Học hành không thiếu cũng không dư,  
Năm nay tính lại chùng quên hết  
Chỉ nhớ trên đầu một chữ NHƯ !*

*Trong phong trào chấn hưng Phật giáo thập niên 30 thế kỷ 20, chùa Báo Quốc đã có những chuyển mình đáng kể.*

*Tháng 10 năm 1935, tăng trưởng Sơ đẳng của Hội An Nam Phật học vốn tạm trú ở chùa Vạn Phước đã chính thức được xây dựng ở bên hữu khuôn viên chùa. Trưởng được thầy Trí Độ đảm trách. Cùng với Phật học đường Tây Thiên của sơn môn, trường đã đào tạo được một thế hệ tăng sĩ mới không những cho miền Trung mà còn cho cả nước. Năm 1944,*

*Most Venerable Đại Minh Phổ Tịnh died 8 years later. His tomb and stupa is now in the cemetery in front of Vạn Phước Pagoda. Most Venerable Tánh Thiên Nhất Định succeeded him to take care of the pagoda for about 14 years.*

*In 1824, king Minh Mang paid a visit to the pagoda and gave an edict for its name to be changed back to Bao Quoc. Then, on the occasion of the 40th royal birthday anniversary in 1830, the king held a great worship ceremony here, and officially designated Most Venerable Nhat Dinh as royal-recognized monk of “quan Linh Huu”.*

*As a result, Most Venerable Hai Thuan Dieu Giac, Nhat Dinh's best disciple, took over Bao Quoc Pagoda. He was also royal-recognized monk of Dieu De Pagoda. He died in 1895.*

*In 1858, king Tu Duc and his Mother, Tu Du, granted funds for reconstruction of the main hall, the back house, the two eastern and western lateral houses and the kitchen. The pagoda was once more reconstructed in 1868 with a grant of 700 “quan” from the throne. In 1873, the three-entrance gate dating from 1803 was restored. Further reconstruction was carried out in 1822 and 1890. In 1898, the Ngu Cong Duc House was erected.*

*After Most Venerable Dieu Gia's death, his disciples, Most Venerable Tam Quang, Tam Truyen and Tam Khoan successively took over. Then from 1928 to 1953 Most Venerable Phuoc Hau was in charge of the pagoda. He was dharma successor of Venerable Tam Truyen, one headmonk of Linh Quang Pagoda. This monk was both a dhyana master and a poet. It is regrettable that now, after so many changes all that remains of his works is merely a poem, as his last words imbued with Buddhist thoughts:*

*trường dời lên Đại Tông Lâm Kim Sơn. Nhưng đến năm 1948, Phật học đường của sơn môn lại chuyển đến đây. Báo Quốc vẫn là một nơi un đúc tăng tài cho mãi đến nay.*

*Sau khi Hòa thượng Phước Hậu viên tịch, sơn môn đã suy cử ban Quản trị Tổ đình Báo Quốc, gồm có Hòa thượng Trí Thủ, Hòa thượng Mật Hiển, Hòa thượng Vĩnh Thừa. Mà Hòa thượng Trí Thủ là trú trì kiêm giám đốc Phật Học đường Báo Quốc.*

*Những trang sử hiện đại của chùa Báo Quốc gắn liền với quảng đời hoằng pháp hóa đạo của Ngài Trí Thủ. Vốn là pháp tử của đại sư Viên Thành, Ngài đã nung nấu tâm nguyện hoằng pháp độ tha. Ngài đã từng lao tâm khổ tứ với trách vụ Viện trưởng Viện Hóa Đạo của Giáo hội, vừa trông coi Phật học đường Báo Quốc, vừa trú trì chùa Ba La Mật, Chùa Báo Quốc, vừa chăm lo tu viện Quảng Hương Già Lam ở Sài Gòn.*

*Trọng trách đè nặng trên vai, ngài đã nhuốm bệnh và viên tịch đầu năm 1984.*

*In whom there is no sympathy  
for living beings: know him as  
an outcast.*

*Gautama Buddha*

*Buddhist Sutra are not few.  
My learning cannot be said to be satisfactory or poor.  
I have forgotten all, it seems, now looking back  
There only remains in my heart the word “Nhu” \*\*.*

*Together with the common tendency advocating enhancement of Buddhism, Bao Quoc Pagoda also turned over a new leaf itself.*

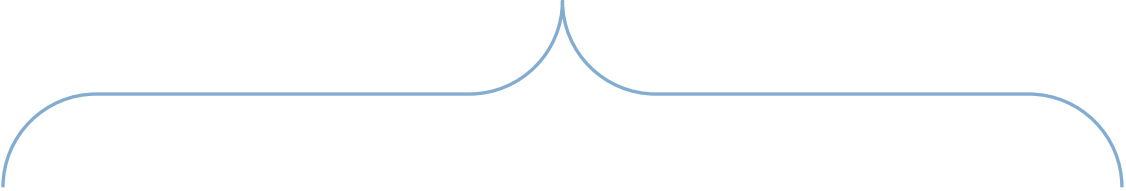
*In October 1953, the Buddhist School for beginners of the Association of Annam Buddhism which had temporarily been positioned at Van Phuoc Pagoda before, was officially established at Bao Quoc Pagoda. It was under the direction of a monk named Tri Do, along with the Tay Thien Buddhist School, for Central Vietnam, but also for the whole nation. In 1944, it was moved to “Dai Tong Lam Kim Son”. Then in 1948, the Buddhist school at Tay Thien was transferred to Bao Quoc. The pagoda has been a training center for Buddhist monks ever since.*

*After Most Venerable Phuoc Hau's death, the Buddhist Clergy appointed a board of management for Bao Quoc Patriarchal Pagoda, consisting of Most Venerable Tri Thu, Mat Hien and Vinh Thua.*

*The contemporary history of the pagoda was closely linked with the Most Venerable Tri Thu's life who devoted efforts to disseminate Buddhism. As dharma successor of the senior monk named Vien Thanh, he set his heart on popularizing Buddha's teachings among the people and initiating them into the wonderful way taught by the Buddha. He was burdened with the various positions of President of Institute for dissemination of Buddhism, Director of Bao Quoc Buddhist School, headmonk of Ba La Mat Pagoda and Bao Quoc Pagoda and, at the same time, supervisor of Quang Huong Gia Lam Monastery in Sai Gon.*

*Worn out by his trying duties, he was ill and died later in early 1984.*

*(\*\*) A Buddhist term referring to the ultimate non-existent nature of things.*



*Let us rise up and be  
thankful, for if we didn't  
learn a lot today, at least we  
learned a little, and if we  
didn't learn a little, at least  
we didn't get sick, and if we  
got sick, at least we didn't  
die; so, let us all be thankful.*

*Gautama Buddha*



Huynh Trưởng Phụ Trách\_\_\_\_\_

Ngày:\_\_\_\_\_

Handwriting practice lines consisting of 30 horizontal dotted lines.

## *Chùa Thuyền Tôn*

*Chùa Thuyền Tôn là một tổ đình lớn gắn liền với sự khai sáng của Tổ Liễu Quán. Vào khoảng 1708, chùa chỉ là một thảo am nhỏ bé do Ngài tạm dựng để tu chứng thiền quán. Sau khi tổ viên tịch, nền thảo am trở thành nơi xây tháp mộ và chùa được xây dựng qui mô cách đó lui vào khoảng 500m vào năm 1746 do công quả của Chưởng Thái Giám Mai Văn Hoan đời chúa Nguyễn Phước Hoạt và thập phương tín chúng hai phủ Triệu Phong xứ Thuận Hóa và phủ Quảng Ngãi xứ Quảng Nam đương thời. Đại hồng chung cũng được chú tạc trong thời kỳ này, đề niên hiệu Cảnh Hưng thứ 8.*

*Chùa tọa lạc tại ấp Ngũ Tây làng An Cựu, bên trái núi Thiên Thai, nên có tên là Thiên Thai Thuyền Tôn tự, hay còn gọi là Thiên Thai nội tự, để phân biệt với Thiên Thai ngoại tự ở làng Dương Xuân. Các vị cao túc đặc pháp của Tổ Liễu Quán đã kế tục trú trì chùa trong buổi đầu như Tế Hiệp Viên Minh, Tế Hải Viên Giác. Tế Mẫn Tổ Huấn và Tế Ân Lưu Quang đều thuộc đời thứ 36 Lâm Tế chánh tông. Tiếp theo là các hòa thượng Đại Huệ Chiếu Nhiên, Đại Nghĩa Trí Hạo. Lúc này chùa được trùng tu lần thứ nhất do sư Đại Huệ chủ trì.*

*Cuối thế kỷ XVIII, vào thời Tây Sơn, tăng chúng xiêu lạc, chùa bị tiêu điều. Nhưng các thiền sư Đạo Minh Phổ Tịnh, Đạo Tâm Trung Hậu vẫn còn cố gắng chống chọi cho có ngôi chùa.*

*Năm 1808, Ngài Phổ Tịnh được Hoàng Hậu Hiếu Khương phong làm trú trì chùa Thiên Thọ. Ngài Đạo Tâm Trung Hậu thay thế làm trú trì, đã được tín nữ Lê Thị Ta phát tâm cúng dường trùng tu chùa. Sau đó trú trì là Ngài Đạo Tại Sở Trí, Đại sư Tánh Thiện và Hòa Thượng Hải Nhuận kế tục cho đến cuối thế kỷ XIX. Đầu thế kỷ XX là sư Tâm Thiền. Dần dà qua thời gian chùa đã lâm vào cảnh hư hỏng đổ nát.*



## *Thuyền Tôn Pagoda*

*This great pagoda was founded by the patriarch Liễu Quán. In 1708, it was merely a small thatched pagoda temporarily built for his meditation. After his death, his tomb and stupa were built on the ground of the pagoda. The new pagoda was built approximately 500 meters behind his tomb in 1746 with the aids of the Head of Eunuchs Mai Van Hoan, who served in Lord Nguyễn Phước Hoạt's court, and of the believers in Trieu Phong District of Thuận Hóa Province and Quảng Ngãi District of Quang Nam Province at the time. The great-size bell was casted at this time, dating the 8th year of Cảnh Hưng reign.*

*The pagoda is located in Ngu Tay hamlet, An Cuu Village. To its right is the Thien Thai Mountain; hence its name is Thien Thai Thuyen Ton Pagoda. It is also called Thien Thai Noi Pagoda in order to distinguish it from another one with the same name, Thuyen Ton Ngoai Pagoda, in Duong Xuan Village.*

*Te Hiep Vien Minh, Te Hai Vien Giac, Te Man To Huan, and Te An Luu Quang, who were Lieu Quan's senior disciples, succeeded in taking charge of the pagoda after his death. These four disciples belonged to the 36th generation of the Lam Te sect. The Most Venerable Dai Hue Chieu Nhien and Dai Nghia Tri Hao were the next successors in taking care of the pagoda. The pagoda was first reconstructed during the Most Venerable Dai Hue's time. During the reign of Tay Son in late 18th century, the staff of monks had to be separated under his order therefore the pagoda was left unattended. However, the two Dharma masters, Dao Minh Pho Tinh and Dao Tam Trung Hau, kept up their efforts to preserve the pagoda.*

*Mãi đến năm 1937, Hòa thượng Trừng Thủy Giác Nhiên, là pháp tử của hòa thượng Tâm Tịnh, đang giữ cương vị tăng cang chùa Thánh Duyên đã được sơn môn suy cử kiêm chức trú trì Thuyền Tôn. Hòa thượng đã ra sức phục hồi, đại trùng tu toàn diện: chính điện, tiền đường, đông phòng, tây xá, tạo nên quy mô như ngày nay.*

*Hơn 40 năm an trú tại của Thuyền Tôn, Hòa thượng đã tiếp độ tăng chúng, chấn chỉnh thanh quy, trùng tu tự vũ, lại còn góp phần trong công cuộc chấn hưng Phật Giáo và từ năm 1973 đảm nhận chức vụ Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Đến năm 1979 Ngài viên tịch, thọ thế 102 tuổi. Tháp mộ kiến lập trong vườn chùa.*

*Thuyền Tôn vẫn còn bảo lưu được đường nét kiến trúc cổ cũng như hệ thống thờ tự truyền thống. Chính điện thiết ba án thờ. Án giữa, trên hết là tượng Phật Tam Thế, phía trước là tượng Phật Thích Ca. Tiền án là tượng Bồ Tát Phổ Hiền, Chuẩn Đề và Văn Thủ. Án tả thờ ba tượng: Trưởng Lão Xá Lợi Phất, Bồ Tát Quán Thế Âm và Tôn Giả Ca Diếp. Án hữu thờ Địa Tạng Vương Bồ Tát. Lại thêm hai án tả hữu tòng tự thiết trí mỗi bên 5 tượng Thập Điện Minh Vương. Mặt tiền của hai gian tả hữu thiết hai bàn thờ: bên tả là Quan Thánh, bên hữu là án thờ Thổ địa, Thổ công, Táo quân, Giám trai sứ giả và thần bốn địa Già Lam Hỏa nường.*

*Phía sau chánh điện tôn trí long vị của lịch đại tổ sư và các hương linh có công đức.*

*Nhà thơ Nguyễn Du trong thời gian làm quan dưới triều Nguyễn đã từng lên viếng chùa. Hình ảnh ngôi chùa cổ lấp ló dưới lá vàng mùa thu, vị sư già trong mây trắng và quả đại hồng chung thời Cảnh Hưng vẫn nung nấu trong nỗi lòng hoài vọng của nhà thơ qua bài:*

*In 1808, Master Pho Tinh was officially designated headmonk of Thien Tho Pagoda by Queen Hieu Khuong which then left the monk, Dao Tam Trung Hau, in charge of overlooking the Thuyen Ton Pagoda. At this time, the pagoda underwent a second reconstruction with the donation of Le Thi Ta.*

*Masters Dao Tai So Tri, Tanh Thien, and Most Venerable Hai Nhuan, consecutively succeeded in taking charge of the pagoda until the end of the 19th century. Entering the early years of the 20th century, Master Tam Thien took on the responsibility of tending the Thuyen Ton Pagoda. As time passed by, the pagoda slowly deteriorated.*

*In 1937, while being the headmonk of Thanh Duyen Pagoda, the Most Venerable Trung Giac Nhien was also appointed headmonk of Thuyen Ton Pagoda. He was the disciple of the Most Venerable Tam Tinh. Most Venerable Trung Thuy Giac Nhien put all his effort into restoring the pagoda with an overall reconstruction plan for the main hall, the front hall, and the side rooms, giving the pagoda its shape today.*

*During his 40 years at Thuyen Ton Pagoda, Most Venerable Trung Thuy Giac Nhien made several contributions, such as: enlightening members of the staff and fellow citizens, restoring discipline and order in the pagoda, improving its design, and also participated in taking part in the reorganization of Buddhist branches. In 1973, he took over the position of Supreme Monk of The United Buddhist Congregation of Vietnam. He died in 1979 at the age of 102 and his stupa was builded in the pagoda's garden.*

*To this day, Thuyen Ton Pagoda still preserves its ancient architectural features as well as the traditional system of worshipping. Its main hall is divided into three sections. In the middle section, the statues of the three Buddhas of the Past, Present, and Future are set at the highest level. The main statue of Shakyamuni Buddha is placed in front of those statues.*

## ***Vọng Thiên Thai Tự***

*Thiên Thai sơn tự đế thành đông  
Cách nhất điều giang tự bất thông  
Cổ tự thu mai hoàng điệp lý  
Tiền triều tăng lạ bạch vân trung  
Kha liên bạch phát cung khu dịch,  
Bất dữ thanh sơn tương thủy chung  
Ký đắc niên tiền tăng nhất đá,  
Cảnh Hưng do quả cội thời chung.*

*Dịch thơ:*

### ***Trông chùa Thiên Thai***

*Thành vua, đông có núi Thiên Thai  
Cách dải sông khó tới nơi  
Chùa cổ lá vàng thu phủ kín  
Triều xưa mây trắng sãi già rồi.  
Thương cho đầu bạc còn vương lụy,  
Cùng với non xanh trót phụ lời,  
Chuông cũ Cảnh Hưng treo vẫn đó  
Nhớ hồi năm trước đã lên chơi.*

*(Phan Khắc Hoan và Lê Thuớc dịch)*

*Hiện nay Hòa thượng Thích Thiện Siêu đang giữ cương vị trú trì chùa  
Thuyền Tôn, đã và đang ra sức tôn tạo cảnh chùa, xứng đáng với uy vọng  
của một ngôi tổ đình Thiền phái Liễu Quán.*

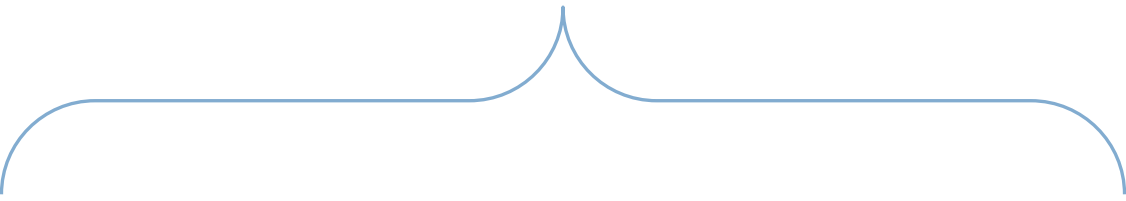
*xFinally, the foremost statues of the Three Bodhisattvas, Samantabhadra, Cundi, and Manjusri, are put at a lower level from that of the Shakyamuni Buddha. The left section is dedicated to the three statues of Sariputta, Avalokitesvara Bodhisattva, and Kasyapa. The right altar is dedicated to Kshitigarbha.*

*There are 2 subordinate altars to the left and right of the main hall, each with 5 statues of the Ten Kings of Hell. Then in front of the two subordinate altars are two smaller ones. The left has the statue of Quan Thanh and the right has the statues of the Spirit of the Earth, Spirit of the Kitchen, Emissary Giam Trai, and the Spirit of Fire. The back of the main hall is used for worshipping all of the late masters of the pagoda as well as the deceased people who contributed considerably to the pagoda's welfare.*

*The famous poet Nguyen Du, who served as a courtier for the Nguyen's Dynasty, paid a visit to the pagoda. From the sight of the pagoda half hidden behind the Autumn leaves, an elderly man seemingly standing among the white clouds, and the ancient great-sized bell symbolizing Canh Hung's reign, Nguyen Du began to recall such memories of his past. This in turn gave him the inspiration to compose this famous poem:*

*East of the royal citadel stands the pagoda on Thien Thai Mountain.  
The paths seems harder with the river between.  
The ancient form is concealed in the yellow leaves of Autumn.  
White clouds obscure the shape of the monk from the former dynasty.  
How I regret to be bound in ties of life at an advanced age,  
Not with Nature can I keep my promise.  
The ancient bell still remains there the other year when I came,  
Reminding me about my old dear memories.*

*Presently, Most Venerable Thich Thien Sieu is the headmonk of the Thuyen Ton Pagoda and has been improving the pagoda to uphold its reputation of Lieu Quan's Meditation branch.*



*To enjoy good health, to  
bring true happiness to one's  
family, to bring peace to all,  
one must first discipline  
and control one's own mind.  
If a man can control his mind  
he can find the way to  
Enlightenment, and all  
wisdom and virtue will  
naturally come to him*

*Gautama Buddha*



Huynh Trưởng Phụ Trách \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Handwriting practice area with 30 horizontal dotted lines.

## *Chùa Viên Giác*

*Sau cuộc biến chuyển của đất nước, số người tỵ nạn Việt Nam đến định cư tại Oklahoma City và vùng phụ cận càng ngày càng đông. Đáp ứng nhu cầu Phật sự, tháng 8 năm 1981, Đại Đức Thích Giác Sơn cùng một số Phật Tử đã vận động kiến tạo một địa điểm để Phật tử có thể đến lễ Phật và tu học hàng tuần. Ngày 4/10/81, sau khi được Phật Tử La Long Phát chuyển nhượng địa điểm với các điều kiện dễ dàng, các Phật tử bắt đầu khởi công sửa chữa ngôi nhà cháy thành chánh điện của Chùa và lấy tên là Viên Giác.*

*Ngày 25/2/1982, chính quyền tiểu bang cấp giấy phép cho Chùa hoạt động và sở bưu điện cũng chấp thuận cho Chùa hưởng quy chế giảm bưu phí. Ngày 22/2/82, Đại Đức Thích Giác Sơn rời Chùa để tiếp tục Phật sự nơi khác. Ban Hộ Trì Tam Bảo tạm thời thành lập để điều hành các công tác đang dở dang.*

*Ban Hộ Trì Tam Bảo qua sự giúp đỡ của Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam (PGVN) tại Hoa Kỳ và luật sư Campbell xúc tiến việc bảo trợ Đại Đức Thích Trí Hòa hiện đang tỵ nạn tại Tây Đức về Oklahoma và cung thỉnh Thầy vào trách nhiệm hướng dẫn Phật tử tại đây.*

*Ngày 2/5/1982 phần chánh điện hoàn tất và lễ An-vị Phật được tổ chức dưới sự chứng minh và chủ lễ của Thượng Tọa Thích Pháp Nhân và Thượng Tọa Vjeckananda (Thái Lan) và chùa bắt đầu mở cửa cho khách thập phương mỗi ngày Chủ Nhật. Nhân dịp này Thượng Tọa phát động chương trình Cấp Cô Độc I, nhằm kêu gọi Phật tử đóng góp trong vòng 2 năm với số tiền là \$14,000.00 Mỹ Kim để trả cho Phật Tử La Long Phát nói trên.*



## *Vien Giac Temple*

*Due to the facility's need to accomodate the increasing number of Buddhist Vietnamese in Oklahoma City, a Buddhist monk named Thích Giác Sơn and several other Buddhists began to look for a new facility in August, 1981. After they received unconditional resale from a Vietnamese Buddhist, Mr. La Long Phát, in October 4, 1981, they began to remodel a burned-down house into a main hall chamber. They named it Viên Giác Temple.*

*On February 22, 1982, Thầy Thích Giác Sơn left the Temple to continue his Buddhist activities in another place. A Board of Directors was temporarily organized to manage the unfinished projects.*

*On February 25, 1982, Oklahoma City issued a permit for the Temple's activities. The post office, at the same time, granted a permit for reducing the mailing cost.*

*On May 2, 1982, the main hall was completed and the An Vị Phật ceremony was organized under the guidance of the Venerables Thích Pháp Nhãn and Vjeckananda (a Thái Buddhist monk). Since that time the Temple has been open for service to all local Buddhists on Sundays.*

*On August 21, 1982, a major Buddhist occasion named Vu Lan (Veska) and a Praying ceremony were first held at the Temple. The ceremony was led by Venerable Thích Mãn Giác, President of The Buddhist Congregation in The United States, and three other Buddhist monks: Thích Minh Đạo, Thích Minh Châu and Thích Thiện Huệ.*

*September 18, 1982, due to a request from the Board of Directors, Venerable Thích Tịnh Từ accepted the position, a spiritual leader until the arrival of Venerable Thích Trí Hòa. Venerable Thích Tịnh Từ stayed at this Temple for three months.*

*Ngày 21/8/1982, Đại lễ Vu-Lan đầu tiên cùng lễ ký tự vong linh của những người quá cố đã được tổ chức do Thượng Tọa Thích Mãn Giác Hội Chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ cùng ba Đại Đức Thích Minh Đạo, Thích Minh Châu và Thích Thiện Huệ chủ lễ chứng minh.*

*Ngày 18/9/82, Đại Đức Thích Tịnh Từ nhận lời mời của Ban Hộ Trì Tam Bảo chấp thuận nhận làm lãnh đạo tinh thần cho Phật tử tại đây trong khi chờ đợi Đại Đức Thích Trí Hòa về hướng dẫn. Đại Đức đã lưu lại hơn ba tháng.*

*Ngày 23/3/1983, Đại Đức Thích Trí Hòa từ Tây Đức đến Viên Giác và lễ cung cử Đại Đức Thích Trí Hoà vào trách nhiệm trụ trì Chùa đã được cử hành trọng thể dưới sự chủ lễ và chứng minh của Thượng Tọa Thích Mãn Giác vào ngày 8/5/1983.*

*Để có thêm đất đai sinh hoạt, mùa Vu Lan 1983, Đại Đức Viện chủ đã phát động chương trình Mục Kiền Liên nhằm có được \$20,000.00 Mỹ Kim để mua thêm hơn 2.5 mẫu đất ngay phía trước Chùa.*

*Nhu cầu Phật sự mỗi ngày gia tăng, ngày Phật Đản 2530 (5/1986), Chùa phát động chương trình Cấp Cô Độc II xây Chánh điện mới. Vì địa điểm hiện tại không đầy đủ cho các tiện nghi, ngày 9/5/1990, chùa mua 7.5 mẫu đất tại địa điểm mới với giá \$50,000.00 Mỹ kim để chuẩn bị cho việc xây cất Chánh Điện. Lễ Động đất cử hành ngày 3/6/90 và lễ đặt viên đá đầu tiên được cử hành vào ngày 16/9/90 do Hòa Thượng Thích Mãn Giác chủ lễ và chứng minh. Hãng kiến trúc HTB lo thiết kế và hãng Pendulum xây cất. Công tác xây cất khởi công từ 1/4/1991 và hoàn tất ngày 31/6/1992. Chi phí lên đến gần \$400,000.00 Mỹ kim. Chùa bắt đầu mở cửa cho Phật tử và khách thập phương kể từ tháng 7 năm 1992.*

*Chùa Viên Giác tọa lạc tại 5101 đường North East 36, phía Đông Bắc thành phố Oklahoma City, cách trung tâm thành phố khoảng năm dặm, March 23, 1983, Venerable Thích Trí Hòa arrived from West Germany;*

*under the direction of Venerable Thich Man Giac a ceremony to honor him as a resident monk of the Temple was solemnly held on May 8, 1983.*

*The number of members increased weekly; therefore, during the celebration of Buddha's birthday held on May of 1983 (2530 of Buddhist calendar), a Cấp Cô Độc II fund raising program was established to build a bigger Service hall and facilities at a new location. It was bought for \$50,000.00 for 7.5 acres. A ground-breaking ceremony was held on September 16, 1990, under the direction of Venerable Thích Mãn Giác. And the constructions of these facilities began on January 4, 1991 and finished on June 31, 1992 by two companies HTB and Pendulum. The cost for these constructions was \$400,000.00. The new facilities were opened for all Buddhists on July 1992.*

*Viên Giác Temple located on 5101 Northeast 36th, about 5 miles to Northeast from downtown. Since the opening, many well known Buddhist monks in The United State and other countries have come to the Temple to teach Buddhism. Viên Giác Temple is also a very convenient place where many training camps and conferences of the Vietnamese Buddhist Youth Association at central region were held.*

*There is a meditation program opened for all Buddhist on a bi-monthly basis.*

*Viên Giác Temple is a very special facility of the Vietnamese Buddhist in the United States.*

*đã được nhiều vị Cao Tăng tại Hoa Kỳ và nhiều nơi khác quang lâm và thuyết giảng. Viên Giác cũng là nơi đã được chọn lựa cho nhiều khóa huấn luyện A-Dục Lộc-Uyển và Đại Hội cho Gia Đình Phật Tử miền Tịnh Khiết và khóa huấn luyện Huỳnh Trưởng Cấp II Huyền Trang cho Ban Hướng Dẫn Trung Ương.*

*Các khóa tu Bát Quan Trai thường tổ chức mỗi 2 tháng cho tất cả các Phật tử.*

*Viên Giác là một dấu tích đặc biệt của Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ.*



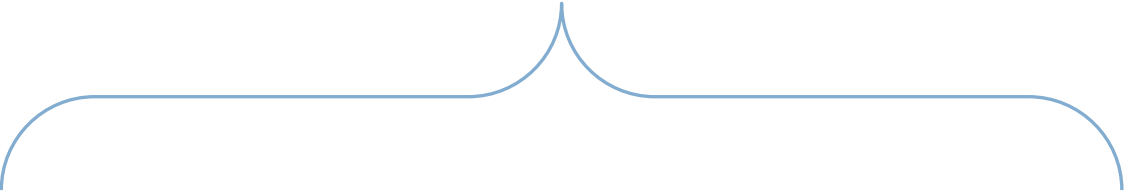
*March 23, 1983, Venerable Thích Trí Hòa arrived from West Germany; under the direction of Venerable Thich Man Giac a ceremony to honor him as a resident monk of the Temple was solemnly held on May 8, 1983.*

*The number of members increased weekly; therefore, during the celebration of Buddha's birthday held on May of 1983 (2530 of Buddhist calendar), a Cấp Cô Độc II fund raising program was established to build a bigger Service hall and facilities at a new location. It was bought for \$50,000.00 for 7.5 acres. A ground-breaking ceremony was held on September 16, 1990, under the direction of Venerable Thích Mãn Giác. And the constructions of these facilities began on January 4, 1991 and finished on June 31, 1992 by two companies HTB and Pendulum. The cost for these constructions was \$400,000.00. The new facilities were opened for all Buddhists on July 1992.*

*Viên Giác Temple located on 5101 Northeast 36th, about 5 miles to Northeast from downtown. Since the opening, many well known Buddhist monks in The United State and other countries have come to the Temple to teach Buddhism. Viên Giác Temple is also a very convenient place where many training camps and conferences of the Vietnamese Buddhist Youth Association at central region were held.*

*There is a meditation program opened for all Buddhist on a bi-monthly basis.*

*Viên Giác Temple is a very special facility of the Vietnamese Buddhist in the United States.*



*The external world is only a  
manifestation of the activities  
of the mind itself, and the  
mind grasps it as an external  
world simply because of its  
habit of discrimination and  
false-reasoning. The disciple  
must get into the habit of  
looking at things truthfully*

*Gautama Buddha*



*Huynh Trưởng Phụ Trách* \_\_\_\_\_

*Ngày:* \_\_\_\_\_

Handwriting practice lines consisting of 30 horizontal dotted lines.

# ***Lý Nhân Duyên Sanh***

## ***I. Định nghĩa:***

***Nhân:*** Những gì có năng lực phát sanh. Yếu tố chính của sự phát sanh.

***Duyên:*** Những yếu tố phụ giúp cho nhân phát sanh.

## ***II. Định lý Nhân Duyên:***

*Mọi vật hình thành do kết quả của sự tác dụng giữa nhân và duyên. Ví dụ:*

- 1. Cái bàn thì được tạo thành do gỗ là yếu tố chính (Nhân) và công làm là yếu tố phụ (Duyên).*
- 2. Ngôi chùa được tạo thành do gạch, xi-măng, gỗ, đinh v.v. là yếu tố chính (Nhân) và công xây cất là yếu tố phụ (Duyên).*

## ***III. Những đặc điểm của Lý Nhân Duyên:***

- 1. Tất cả sự hiện hữu trong vũ trụ đều có thể giải thích trong Lý Nhân Duyên .*
- 2. Lý Nhân Duyên chi phối tất cả: Tất cả các sự vật khác nhau (hình tướng, tánh tướng, thể tính, khí tính, v.v...) đều do nhiều Nhân-Duyên khác nhau mà hình thành. Không một vật gì hình thành ngoài sự hội hợp của Nhân Duyên.*
- 3. Lý Nhân Duyên là một sự thật. Đức Phật chỉ là người phát hiện sự thật ấy. Lý nhân duyên sanh còn gọi là Lý duyên khởi:*
  - Cái này có vì cái kia có.*
  - Cái này sinh vì cái kia sinh.*
  - Cái này không vì cái kia không.*
  - Cái này diệt vì cái kia diệt.*



# ***The Law of Causality***

## ***I. Definition:***

***Cause:** Anything that is capable of producing/ happening/ forming. It's the main factor of the result.*

***Supporting Factor / constituent:** Any factor that contributes to the cause to produce result.*

## ***II. Definition of the Law of Causality:***

*Everything happening or created or formed result from the interaction between the cause and supporting factors. Examples:*

- 1. A table is composed of wood (main cause) and labor to build it (supporting factors / components).*
- 2. A temple is composed of bricks, cement, wood, nails, etc..., (main causes) and labor to build it (supporting factors/ components).*

## ***III. The characteristics of the Law of Causality:***

- 1. All existence in the Universe can be explained in terms of the Law of Causality.*
- 2. All existence is formed differently due to different causes and supporting factors. The Law of Causality engages in every single element being formed.*
- 3. The Law of Causality is a true principle. Buddha was just a person who cited it.*

## ***IV. The application of the Law of Causality in daily life:***

- 1. The Law of Causality helps one understand every existence depending upon the main cause and supporting factors. In the*

#### *IV. Áp dụng Lý Nhân Duyên vào đời sống hàng ngày:*

- 1. Lý Nhân Duyên cho chúng ta rõ mọi sự vật đều do nhân duyên tụ hội mà thành. Khi nhân duyên thay đổi thì sự vật ấy cũng thay đổi; cho nên chúng ta đừng quá nâng chiều sự vật ấy vì một ngày nào đó nó cũng sẽ thay đổi khi nhân duyên tan rã. Không nên quá vui khi có nó và cũng đừng khi mất nó. Đừng để sự vui buồn của chúng ta lệ thuộc vào những thứ tạm có đó.*
- 2. Lý Nhân Duyên cho chúng ta rõ mọi vật khác nhau đều do nhiều nhân duyên khác nhau tạo thành. Không nên buồn khi gặp những gì mình không thích và cũng đừng quá vui khi gặp những gì vừa ý. Vì làm như thế, dù trước hay sau mình cũng phải có một lần buồn vì được nó hoặc mất nó.*
- 3. Lý Nhân Duyên cho chúng ta hiểu rằng mình hãy bình thản sống với những gì mình có. Đừng vì đua đòi những thứ tạm có ấy để rồi làm khổ cuộc đời mình.*
- 4. Lý Nhân Duyên cho chúng ta thấy rằng: Không có một vật gì tự nhiên mà có, và không một nhân nào có thể phát sanh khi không có những duyên phụ. Vì thế, con người và các sự vật có đều do nhiều nhân duyên tạo thành chứ không phải do một vị Thượng Đế nào sáng tạo ra.*
- 5. Lý Nhân Duyên cũng cho chúng ta thấy rằng tương lai của chúng ta nằm trong tay chúng ta. Chúng ta muốn đẹp hay xấu, giàu hay nghèo, vui hay buồn đều do những nhân duyên tự bản thân ta tạo ra.*

*absence of one or the other, that existence will be changed accordingly; therefore one should not feel too pampered over any existence. One should neither be too happy nor too sad when having or losing such existence. One should not base affections on the temporary existence of anything.*

- 2. The Law of Causality helps one understand that different causes and different supporting factors can yield different results. One should neither be too happy nor too sad when one encounters it. Practicing the Law of Causality will eliminate the sadness in one's life.*
- 3. Practicing the Law of Causality will help one feel pleased and delighted for what one is presently experiencing. Do not follow the material influence of the society which may bring misery to one's life.*
- 4. The Law of Causality helps one understand that nothing exists without the correlation between cause and supporting factors. Therefore, all existences result from the correlation between cause and constituents. God does not create them.*
- 5. The Law of Causality helps one understand that one's future is in one's hands. How one chooses one's destination depends upon one's daily activities.*

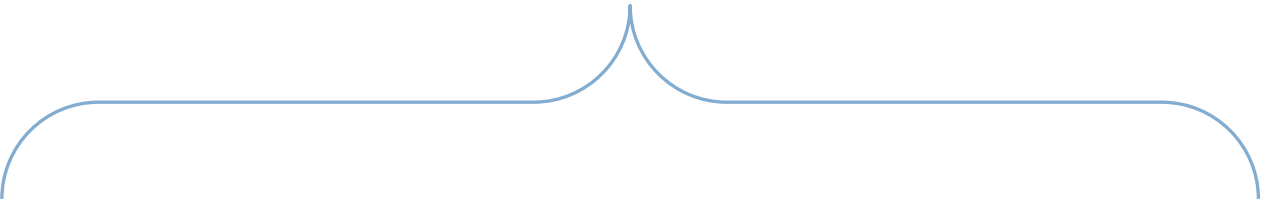
## ***V. Conclusion:***

*The correlation between different causes and factors can yield different results. The existence of any form depends upon the constant changing of interactions between causes and constituents; nothing last forever. A full understanding and practicing of the Law of Causality will help one stays happy in one's life.*

## V. Kết Luận

*Mọi sự vật hình thành khác nhau đều do nhiều nhân duyên khác nhau tụ hợp mà sanh ra.*

*Chính vì nhân duyên biến đổi không ngừng nên không có vật gì có thể tồn tại mãi mãi được. Hiểu được như vậy, chúng ta không nên quá vui hoặc quá buồn khi được nó cũng như khi mất nó. Trái lại, hiểu được như vậy sẽ giúp bản thân chúng ta sống an vui, hạnh phúc.*



*We are formed and molded by  
our thoughts. Those whose minds  
are shaped by selfless thoughts  
give joy when they speak or act.  
Joy follows them like a shadow  
that never leaves them*

*Gautama Buddha*



Huynh Trưởng Phụ Trách\_\_\_\_\_

Ngày:\_\_\_\_\_

Handwriting practice lines consisting of 30 horizontal dotted lines.

# ***Lý Nhân Quả***

## ***I. Định Nghĩa Chữ Nhân Quả:***

***Nhân:*** Nguyên nhân, năng lực phát động

***Quả:*** Kết quả, sự hình thành của năng lực phát động

## ***II. Định Lý Nhân Quả:***

*Lý Nhân Quả là một định luật nêu rõ sự tương quan tương duyên giữa nhân và quả; có nhân duyên phối hợp tất có quả hình thành.*

## ***III. Những Đặc Điểm Về Lý Nhân Quả:***

- 1. Nhân Quả Là Định Luật Hiện Thật:*** Đức Phật không phải là người sáng chế đạo lý Nhân Quả, Ngài chỉ là người đã giác ngộ sự tương quan, tương duyên giữa nguyên nhân và kết quả của sự vật. Đức Phật căn cứ trên đời sống thực tại để thuyết giảng Lý Nhân Quả cho chúng ta hiểu và áp dụng.
- 2. Nhân Quả Chi Phối Tất Cả:*** Sở dĩ mọi thứ trên đời khác nhau vì được cấu tạo bởi nghiệp nhân khác nhau. Vì thế định luật Nhân Quả chi phối tất cả sự vật. Định luật Nhân Quả không thiên vị, không bênh vực một ai. Không ai có thể phủ nhận hoặc sửa đổi định lý tất nhiên này.
- 3. Nhân Quả Là Một Định Luật Rất Phức Tạp:*** Lý Nhân Quả không phải giản dị như chúng ta thường hiểu. Sự liên hệ, tương quan, tương duyên, tương phản giữa nhân và quả thường tạo nên phức tạp và khó hiểu. Chính vì vậy, những ai chưa nhận rõ sự tương quan này thường khó nhận thức được sự chính xác của Lý Nhân Quả và gây nên những ngộ nhận.

# ***The Law of Cause and Effect***

## ***I. Definition:***

***Cause:** Anything that generates a result*

***Effect:** Anything produced by a cause.*

## ***II. Definition of the Law of Cause and Effect:***

*The Law of Cause and Effect is an axiom which cites the relationship between an action and its corresponding result. An effect cannot be produced without cause.*

## ***III. The characteristics of the Law of Cause and Effect:***

- 1. **Cause and Effect is a universal law:** Buddha did not invent the Law of Cause and Effect; however, He was the person who fully understood the relationship between cause and effect. Buddha taught this law based upon real-life experience.*
- 2. **The Law of Cause and Effect controls all entities:** Every existence varies due to different causes. The Law of Cause and Effect governs all existence. This Law is impartial, meaning that it takes no sides. No one can deny or change the inevitable Law of Cause and Effect.*
- 3. **Cause and Effect is a complex law:** The Law of Cause and Effect is not easy to understand. The close connections and domino-relationships between cause and effect are what make the law difficult to understand. Anyone who uses simple knowledge to make a judgment on the Law of Cause and Effect usually ends up with a misconception of what the Law really is.*

#### ***IV. Sự Tương Quan Giữa Nhân Và Quả:***

*Đức Phật dùng đạo Lý Nhân Quả để giải thích sự tương quan tương duyên giữa nhân và quả. Sự tương quan này rất mật thiết, nhưng cũng rất phức tạp và khó nhận định.*

- 1. Một Nhân Tự Nó Không Thể Sinh Ra Quả:*** Sự vật được hình thành giữa vũ-trụ này đều do sự tổng hợp của nhiều nhân duyên. Một nhân không thể nào tự nó phát sanh ra quả được. Ví dụ cây lúa không phải chỉ do hạt lúa tạo thành mà cần phải có các nhân khác giúp vào hạt lúa mới nảy mầm được như đất, nước, v.v...
- 2. Nhân Nào Quả Nấy:*** Nhân thế nào thì kết quả cũng như vậy chứ không bao giờ tương phản, mâu thuẫn nhau. Ví dụ người học đàn chỉ biết đàn, chứ không thể biết đánh trống.
- 3. Trong Nhân Có Quả, Trong Quả Có Nhân:*** Nhân, chính nó cũng là quả đồng thời của sự thuận thực của nhiều nhân duyên trước nó. Quả, chính nó cũng là nhân đồng thời cho sự phát sanh của quả khác. Ví dụ: Tốt nghiệp đại học là kết quả của nhiều năm tháng học hành nhưng sự tốt nghiệp đó cũng là nhân chính cho sự tìm kiếm việc làm, và ngược lại.

#### ***V. Sự Liên Hệ Giữa Nhân Và Quả Qua Thời Gian:***

- 1. Nhân Quả Một Thời:*** Nhân quả nối liền nhau. Nghĩa là vừa tạo nhân, quả liền phát khởi. Như đánh chuông liền nghe tiếng. Quả theo liền với nhân, chứ không cần chờ đợi một thời gian mới thuận thực.
- 2. Nhân Quả Trong Hiện Tại:*** Tạo nhân đời này thì kết quả cũng trong đời này. Như trồng lúa thì chừng sáu tháng đã có lúa, không cần phải đợi một thời gian lâu xa.



#### ***IV. The interrelationship of cause and effect:***

*Buddha used this Law to explain the association between cause and effect. This close collaboration is very hard to perceive because of its complexity.*

- 1. **A cause by itself can not generate an effect:** All existence on the universe is composed of cause and other contributed factors to form an effect. A cause by itself can not form an effect. Example: A wheat grain itself can not grow if it lacks of other supporting factors (sun, water, etc.).*
- 2. **It is what it is:** Whatever the characteristics of the cause are, its effect will have the corresponding characteristics. For example, a guitar learner will only know how to play guitar and will not know how to play the drums.*
- 3. **Cause and effect are interrelated:** The present cause itself is generated from the effect the previous causes. The effect itself can be the cause for future effect. For example: a college degree is the result (effect) of many years in school (cause) and the degree brings about employment or advanced degree.*

#### ***V. The interrelationship of cause and effect through time:***

- 1. **Cause and Effect happening at the same time:** Cause and effect follow each other, meaning that an effect is immediately resulted from the cause. For example, sound is produced after the bell is rung. The effect immediately follows the cause; there is no waiting for the effect to be produced.*

3. **Nhân Quả Trong Hai Đời:** Nhân tạo đời trước, đời này mới có kết quả, nhân tạo đời này đến đời sau mới có kết quả; nghĩa là cần đợi một thời gian khá lâu quả mới thuần thực. Ví dụ, trong đời sống hiện tại biết bố thí cúng dường thì đời sau sẽ được giàu sang.
4. **Nhân Quả Trong Nhiều Đời:** Nhân tạo từ các đời trước đến đời này mới có kết quả. Nhân tạo trong đời này, đến nhiều đời sau mới có kết quả. Ví dụ, muốn thoát khỏi sanh tử luân hồi phải cần trải qua nhiều kiếp tu hành.

## **VI. Những Ví Dụ Về Lý Nhân Quả:**

1. **Nhân Quả Nơi Hiện Cảnh:** Rừng rậm (Quả) là kết quả của nhiều cây hợp lại (Nhân).
2. **Nhân Quả Nơi Tự Thân:** Thân thể cường tráng (Quả) là do sự kết hợp đầy đủ của các tế bào (Nhân).
3. **Nhân Quả Nơi Tự Tâm :** Tánh tình tư tưởng và trí thức con người cũng chịu sự chi phối của định lý Nhân Quả. Làm điều độc ác thì trí tưởng thấp hèn, nghĩ điều lành thì tánh tình thuần thực. Học nhiều nhớ rộng thì kiến thức mở mang, thông thái uyên bác.

## **VII. Sự Ứng Dụng Lý Nhân Quả:**

1. **Lý Nhân Quả Làm Cho Chúng Ta Thấy Rõ Sự Thật:** Khi đã hiểu rõ sự tương quan giữa nhân và quả, chúng ta có thể thấu hiểu thực trạng của sự vật đúng như sự thật, chứ không vọng tưởng sai lầm.

2. ***Cause and Effect in same life cycle:*** The cause that is created in this lifetime will have an effect in this lifetime. For example, wheat cultivation requires only about six months to yield wheat grains.
3. ***Cause and Effect in two consecutive lives:*** The effect in this life is brought about by the cause from previous life. The cause in this life will effect the next life. This means that there is a waiting period for the effect to take place. For example, if one make meaningful contribution in this life, one will be successful in one's next life.
4. ***Cause and Effect resulted within many lives to come:*** The cause that is created in one of the past lives is taking the effect in this life. The cause that is created in this life will take effect in many of the subsequent (not preferring to the next life time but to those after) lives to come. For example, to be free from the cycle of reincarnation it takes many life times of practicing Buddhism.

## ***VI. Several examples of the Law of Cause and Effect:***

1. ***Cause and effect in nature :*** A forest is the result (effect) from many trees (cause).
2. ***Cause and effect within oneself:*** A physically fit body (effect) is the result of formed tissues (cause).
3. ***Cause and effect within one's mind:*** The personality, the thoughts are influenced by the Law of Cause and Effect. Evil actions eventually lead to immoral thinking. Having high morals will make a person well mannered. The knowledge will expand due to studying diligently.

2. ***Không Tuân Theo Thuyết Thượng Đế Thần Quyền:*** Căn cứ vào định lý Nhân Quả, đạo Phật phủ nhận thuyết vũ trụ do một đấng Thượng-Đế sanh ra, và phủ nhận sự thưởng phạt do thượng đế ban bố. Vì thế, một Phật tử hiểu được Lý Nhân Quả không mê tín dị đoan, không y lại thần thế và quyền hành của một ai.
3. ***Người Hiểu Nhân Quả Đặt lòng tin tưởng ở chính mình:*** Đã biết cuộc đời của mình do nghiệp nhân của chính mình tác thành, như thế thì tự mình là chúa tể và có đặc quyền cải tạo đời sống của mình hiện tại để trở thành trong đẹp thanh cao.
4. ***Người Tin Lý Nhân Quả Không Chán Nản, Không Trách Móc:*** Đã hiểu rõ tất cả hoàn cảnh hưởng thọ đều do chính mình gây ra, người hiểu nhân quả, dù gặp thất bại hay nghịch cảnh cũng không chán nản trách móc, chỉ lo tự cải tạo lấy nghiệp nhân bất thiện để được hưởng kết quả chân chánh thanh tịnh mà thôi.
5. ***Người Hiểu Lý Nhân Quả Chỉ Lo Tạo Nhân Lành Và Nghi Đến Kết Quả Trước Khi Hành Động:*** Đã hiểu rõ những sự hưởng thọ hiện tại đều do nghiệp nhân đã tạo ra trong quá khứ, nếu muốn được kết quả tốt đẹp, cần phải siêng năng tạo những hành động có lợi cho mình, cho người, cho chúng sanh, và đúng theo lời Phật dạy.

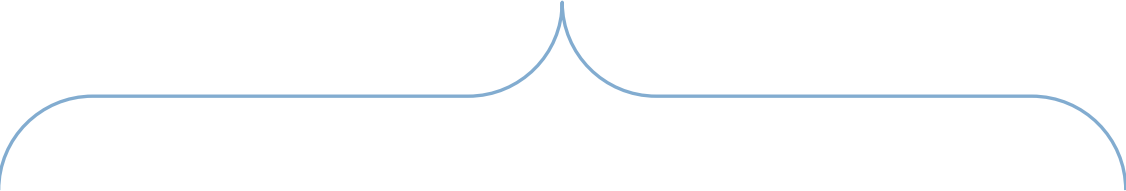
## **VIII. Kết Luận:**

*Lý Nhân Quả là một định lý tất nhiên, dựa vào Lý Nhân Quả chúng ta hiểu rằng: Mọi sự hưởng thọ dù tốt đẹp hay xấu xa của kiếp người ở hiện tại đều do nghiệp nhân đã làm trong quá khứ. Vì con người làm chủ chính mình, không ai có quyền can thiệp vào sự thưởng hay phạt của chính bản thân mình. Định Lý Nhân Quả giúp ta tin tưởng ở sự kết quả của những hành động mà chúng ta gây ra. Áp dụng Lý Nhân Quả vào*

## ***VII. The applications of the Law of Cause and Effect:***

- 1. The Law of Cause and Effect helps us understand the truth:*** Once we understood what the Law of Cause and Effect is all about, we are then capable of understanding the characteristics of all matters correctly, not absurdly.
- 2. Reject the idea that “God creates everything”:*** Based on the Law of Cause and Effect, Buddhism denies the idea that God created the universe, and is opposed to the idea of punishment and reward from God. A Buddhist understanding The Law of Cause and Effect should not be superstitious and should not depend on the authority of others.
- 3. A person who understands the Law of Cause and Effect believes and trust in himself:*** Knowing that a person's life depends upon his own actions and decisions, he is his own king in making decisions that affect his own life in the present time.
- 4. A person who understands the Law of Cause and Effect will not be pessimistic and reproached:*** Knowing the effect is germinated from the cause that we created, a person with an understanding of the Law of Cause and Effect should not be discouraged and blamed himself or others for the adversity. Instead he should improve his behavior in order to attain good results.
- 5. A person who understands the Law of Cause and Effect should create good effects and think of the results before committing actions:*** We know that how we are today is the result from past actions. Therefore, to have good results, we need to have perseverance in committing actions that benefit not only

*cuộc sống sẽ giúp chúng ta trừ đi những bi quan, yếm thế, bất hạnh trong cuộc đời. Định Lý Nhân Quả của đạo Phật đem lại cho chúng ta một đức tính can đảm, chịu đựng, và chịu trách nhiệm về những hành động của mình không oán hận than trách. Lý nhân quả mở rộng tầm nhìn về giải thoát giác ngộ cho mọi loài chúng sinh.*



*Meditation brings wisdom;  
lack of mediation leaves  
ignorance. Know well what  
leads you forward and what  
hold you back, and choose  
the path that leads to wisdom*


*Gautama Buddha*



*ourselves but also other beings. These actions need to be in compliance with Buddha's teachings.*

### ***VIII. Conclusion:***

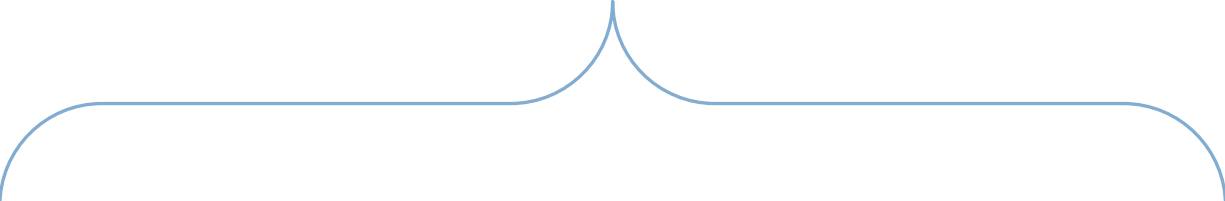
*The Law of Cause and Effect is a natural theory. Based on it, we understand the following: Anything one received, either good or bad in the present life, is the results from the past lives. One is in control of oneself. No one has any rights to interfere with the results that one receives. The Law of Cause and Effect helps one to have faith in whatever one does. Practicing the Law of Cause and Effect in one's daily life will help one to eliminate pessimistic and misfortunes in one's life. The Law of Cause and Effect in Buddhism provides courage, endurance, and understanding about the true characteristic of existence which opens up the road to enlightenment for all beings.*



*Those who are free of resentful  
thoughts surely find peace*

*Gautama Buddha*





*It is easy to see the faults of  
others, but difficult to see one's  
own faults. One shows the faults  
of others like chaff winnowed in  
the wind, but one conceals  
one's own faults as a cunning  
gambler conceals his dice*

*Gautama Buddha*





Huynh Trưởng Phụ Trách\_\_\_\_\_

Ngày:\_\_\_\_\_

Handwriting practice area with 20 horizontal dotted lines.

# *Lý Luân Hồi*

## *I. Lời nói đầu:*

*Con người do ai sinh ra? Sinh ra rồi để làm gì và sẽ đi về đâu? Những câu hỏi này thường làm nhân loại băn khoăn, thắc mắc.*

*Rất nhiều tôn giáo và chủ thuyết từ trước đến nay cũng đã tìm tòi và trình bày nhiều giả thuyết khác nhau nhưng hiện tại vẫn chưa thỏa mãn được tính hiếu kỳ của nhân loại. Vấn đề nhân sinh quan vẫn còn đè nặng trong trí óc của con người. Đạo Phật dùng đạo lý Luân Hồi để trả lời những câu hỏi trên và chỉ rõ địa vị con người trong đạo Phật như thế nào.*

## *II. Những hiểu lầm về nhân sanh:*

*Những hiểu lầm về nhân sanh quan bao gồm bốn thứ kiến chấp:*

- 1. **Chấp đoạn:** Cho rằng con người chết là hết ‘đời sống chỉ bắt đầu từ khi sinh ra và chấm dứt ở cái chết’.*
- 2. **Chấp thường:** cho rằng sau khi chết tuy thân thể tiêu tan nhưng vẫn có một linh hồn bất tử, linh hồn ấy sẽ được lên cõi thiên đàng và mãi mãi hưởng những an vui khoái lạc (nếu tạo nhân lành trong hiện tại), hay sẽ bị đọa vào cõi địa ngục chịu khổ mãi mãi (nếu tạo việc ác).*
- 3. **Chấp thân trước không can hệ đến thân sau:** Có người cho rằng đầu thân này chết sanh ra thân sau, nhưng thân sau ấy không liên can gì với thân trước.*
- 4. **Chấp luân hồi theo luật tiến hóa:** cho rằng sự vật luân hồi theo luật tiến hóa, nghĩa là càng ngày càng lên cao, ví dụ: con người sau khi chết thì lên cõi trời.*

# ***The Re-birth***

## ***I. Forewords:***

*Where do people come from? What are their missions? Where will they end? These questions are often asked by people. Many religions and societies sought answers to these questions. Different religions and societies had different answers to these questions, yet none of the answers satisfied human curiosities. Human relations still play an important role in human's mind. Buddhism carefully explains the questions above using the Law of Reincarnation and also clearly defines human position with respect to all other beings in the universe.*

## ***II. Misconception about human relationship:***

*Four misconception about human relationship:*

- 1. **Life is short:** Belief that humans only exist in the present life, live for a lifespan, and everything will disappear after death.*
- 2. **Eternity:** Belief that the physical form will deteriorate and there is an everlasting spirit. The spirit of a person will be either in the Heaven or Hell depending on the actions of that person committed in one life.*
- 3. **No relationship between lives:** Belief that there is a life after death, yet there is no relationship between the previous life and the next.*
- 4. **Upward-reincarnation:** Belief that everything reincarnates upward.*

## ***III. Definition of Re-birth:***

*It's the evolution composed of six eras in which beings naturally evolve.*

### **III. Định Nghĩa Luân Hồi:**

**Luân :** Bánh xe

**Hồi :** Quay tròn

*Luân Hồi là sự thăng trầm mãi mãi của chúng sanh trong sáu cõi: trời, người, Atula, súc sanh, địa ngục, ngạ quỷ.*

### **IV. Sự Luân Hồi của mọi vật:**

*Lý luân hồi là một định luật chung của tất cả sự vật.*

- 1. Thực vật:** *Như cây cam, do hạt cây cam gieo xuống đất, mọc thành cây cam, và sanh ra trái có hạt, đem hạt ấy trồng thành cây cam; mãi mãi như vậy không bao giờ dừng nghỉ.*
- 2. Mưa:** *Nước biển do khí nóng mặt trời bốc hơi lên, hơi gặp khí lạnh đọng lại thành mây, rồi rơi xuống thành mưa, nước mưa chảy ra biển, và bốc hơi lên; cứ tuần hành như vậy không bao giờ mất.*
- 3. Sức nóng:** *Sức nóng chứa trong cây, tìm chẳng gặp, trông chẳng thấy, nhưng lấy hai cây cọ xát vào nhau một hồi lâu lại có lửa bật cháy. Lửa ấy đốt cây tạo thành thán khí, các cây khác hút lấy thán khí để chứa lại sức nóng như trước; cứ tuần tự như vậy thì lửa trong cây không bao giờ mất.*

### **V. Nguyên nhân của luân hồi:**

*Sự sanh tử luân hồi của con người do những nguyên nhân sau đây:*

- 1. Sức mạnh của nghiệp:** *Con người sống ở trên đời luôn luôn tạo các nghiệp về thân, miệng, ý. Nghiệp là những hành vi cố ý,*

#### ***IV. The re-birth of every existence:***

*The Law of Reincarnation is a law that applies to all existences.*

- 1. Ecology:*** For example: oranges, the orange tree germinates from the seed and then produces oranges. The same process repeats itself.
- 2. Rain:*** Rain is the result of the evaporation of water and the encounter with cold air; together they form clouds; the clouds are melted when encounter with hot air.
- 3. Heat:*** Heat is hidden in the trees, it is not recognizable by sight, but it can only be seen when friction takes place. The trees breathe CO<sub>2</sub> for heat restoration.

#### ***V. The cause of re-birth:***

*The re-birth of the human is based on the following factors:*

- 1. Strength of the action:*** Humans cause action through their body, speech, thought. These karmas eventually accumulate and become a major factor which leads to the next life of a person. This factor keeps building through life cycles, therefore humans can hardly escape the life cycle. There are 4 kinds of karma that usually guide the human loop through the life cycle.
  - a. Accumulation of Karma:*** Karma committed in many former births.
  - b. Habits Karma:*** Karma created bases upon habits and tradition.
  - c. Most Dominate Karma:*** This Karma has stronger effect than the previous two.
  - d. New Ending of Life Karma:*** Karma created when a person approaches death.

*những nghiệp này tiếp nối nhau tạo thành những sức mạnh dắt dẫn con người sau khi chết rồi phải đầu thai để sống một kiếp khác. Sức mạnh của nghiệp đó càng ngày được tăng cường nối tiếp, nên con người luôn luôn phải sống trong sanh tử luân hồi. Có bốn loại nghiệp dắt dẫn con người đi tái sanh:*

- a. **Tích lũy nghiệp:** Nghiệp tạo ra trong nhiều đời trước.*
- b. **Tập quán nghiệp:** Nghiệp tạo ra trong đời hiện tại do những thói quen.*
- c. **Cực trọng nghiệp:** Những nghiệp quan trọng có năng lực tác động mãnh liệt hơn hết.*
- d. **Cận tử nghiệp:** Nghiệp lực tạo ra ngay trước khi chết.*

*2. **Lòng tham sống sợ chết và sự luyến ái của con người:** Con người ai cũng tham sống sợ chết, nên khi lâm chung cố hết sức bám víu vào sự sống, tìm hết cách để dành lại sự sống. Vả lại tư tưởng chưa được thoải mái về những dự vọng thế gian nên khi chết lại muốn tìm một xác thân khác để thỏa mãn những ước muốn của mình.*

*3. **Do sự mê mờ chấp trước:** Không thấy rõ bản thể thực sự của chính mình. Nhận cái giả dối làm cái thật, và cho cái thật là cái giả. Vì sự nhận định sai lầm cho nên mãi mê chạy theo những cái giả dối để rồi tự làm khổ chính bản thân mình.*

## **VI. Hành tướng luân hồi:**

*Lối thọ sanh tùy theo hạnh nghiệp tác động khác nhau, tùy tâm sở thích, tùy nghiệp tạo tác mà thành những năng lực dắt dẫn con người đi đầu thai. Như huân tập những chủng tử thiện thì sẽ được dắt dẫn về những cõi sung sướng. Ngược lại nếu huân tập những chủng tử bất thiện thì sẽ bị sa đọa vào những cõi như địa ngục, ngạ quỷ, hoặc bàng sanh.*

2. ***Life and Desire:*** Nobody wants to die, therefore they will try to do anything to save themselves from death. In addition, their mind are not fully satisfied with desires and this will force a person to reincarnate to satisfy his/her desires.
3. ***Ignorance:*** We see ourselves as permanent, and have misconceptions about things. Therefore, we, as humans are willing to do anything for ourselves without consideration of the end effect. This is why humans can not escape the cycle of re-birth.

## ***VI. Characteristics of Re-birth:***

*Depending on one's karma in the past, it decides where one ends up in the next life. If one's karma in the past was good then one will end up in a happy situation or otherwise one will end up with a life of difficulty.*

## ***VII. Facts about Re-birth***

1. ***We can be at a different place in the reincarnation cycle at any moment depending on our thought:*** If we are thinking about good deeds then we are on the bright side but if we are thinking about wrong-deeds then we are on the dark side.
2. ***There are six different levels of re-birth cycle can be seen in this world:*** The prison, punishment, war, etc..., are the scenes that represent Hell.
3. ***Prodigies:*** Pascal famous in astronomy at the age of eight. Bạch Cư Di knew how to make poems at the age of five. These evidences did not occur by coincidence, but they are the karmas from many former births.

## ***VII. Sự chứng nghiệm của Luân Hồi:***

- 1. Chính trong từng niệm, con người có thể trải qua trạng thái của sáu loài:*** Nếu nghĩ điều lành thì tâm đang ở trong cảnh giới thiện, khi nghĩ điều ác thì cảnh địa ngục hiện khởi.
- 2. Cảnh giới của sáu loài có thể lường được qua những hành động hiện tại:*** Trên cõi đời này, những ngục hình, những phòng tra tấn, những trại giam có những hình phạt như tra tấn, đổ nước sôi, giết điện, chiến tranh tàn phá, v.v... thì đó chính là cái lý của cảnh giới địa ngục.
- 3. Thần đồng:*** Trường hợp của Pascal (Pháp), mới lên tám mà đã thông thạo về toán học; Mozart mới 5 tuổi đã soạn nhạc; Bạch Cư Dị (Trung Hoa) mới lên năm mà đã biết làm thơ v.v.... Những sự kiện ấy không thể gọi là ngẫu nhiên được, mà đó là sự hiểu biết của nhiều kiếp trước cho nên khi sanh ra thì đã giỏi xuất chúng.
- 4. Các chuyện tiền thân:*** Các chuyện tiền thân do Đức Phật hay các vị Bồ Tát thuật lại, một vài câu chuyện của một vài người nhớ lại kiếp trước. Điều đó cho chúng ta hiểu rằng con người đã từng sống qua nhiều trạng thái khác nhau trong lục đạo. Như ở Ấn Độ có người con gái mới lên tám mà đã biết được chồng con, gia-quyến, xú sở của cô đời trước, như các vị Lạt Ma Tây Tạng tái sinh v.v...
- 5. Sự thông cảm giữa người và người:*** Có người mới gặp đã sanh lòng yêu thương, có người lại sanh lòng ghét bỏ. Những hiện tượng này cho chúng ta thấy ở trong quá khứ đã từng thương ghét nhau cho nên ở đời này vừa gặp nhau liền có những thiện ác cảm mãnh liệt như vậy.



4. ***Stories of many former births:** There are stories of former births told by Buddha, the Bhoddisatta, and a few came from people who remembered about their past lives.*
5. ***Relationship among people:** There are occasions where one can easily make an acquaintance with a new person who one has not meet previous. However, there are times that one hates a person when one sees him/her one has never met. These occurrences prove there are connections in which two people have met in a past life and there is a like or dislike between the two. Therefore, in this life there is a strong effect from the past acquaintances.*

### ***VIII. Conclusion:***

*Based on The Law of Reincarnation, Buddha has taught:*

1. *The main origin of suffering is ignorance. Because of ignorance, many bad karmas had been created and these lead human to the cycle of reincarnation.*
2. *People evolve in the re-birth cycle, and depending upon their actions they will know where they will end up. The value of a person depends on his/her thought at any moment.*
3. *Because humans evolve in the re-birth cycle, everyone can be a relative of the other. Buddhism introduces the Law of Reincarnation to help humans escape the cycle of reincarnation.*

## **VIII. Kết luận:**

*Qua đạo lý luân hồi, Đức Phật dạy rằng:*

- 1. Nguyên nhân chính của sự đau khổ là mê mờ. Chính vì mê mờ cho nên tạo ra các nghiệp nhân để phải chịu sanh tử luân hồi.*
- 2. Con người luân chuyển trong sáu nẻo, tùy nghiệp nhân mà thọ quả báo. Giá trị cao thấp của con người dựa vào tâm niệm hiện tại mà biết được.*
- 3. Chính vì con người luân hồi trong lục đạo cho nên chúng sanh có thể đều là bà con họ hàng với nhau, điều ở trong mạng lưới nhân duyên của nhau.*
- 4. Mục đích tối hậu của Phật Giáo là giải thoát sinh tử luân hồi.*

*\*Ghi chú: xem thêm bài “Cái gì đi tái sanh?” ở sách Đức Phật và Phật Pháp.*

*Neither fire nor wind, birth nor  
death can erase our good deeds*

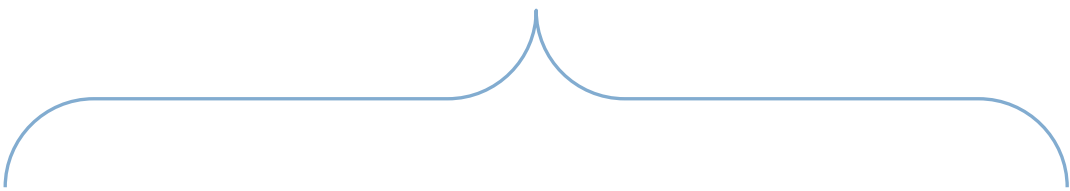
*Gautama Buddha*

4. ***Stories of many former births:** There are stories of former births told by Buddha, the Bhoddisatta, and a few came from people who remembered about their past lives.*
5. ***Relationship among people:** There are occasions where one can easily make an acquaintance with a new person who one has not meet previous. However, there are times that one hates a person when one sees him/her one has never met. These occurrences prove there are connections in which two people have met in a past life and there is a like or dislike between the two. Therefore, in this life there is a strong effect from the past acquaintances.*

### ***VIII. Conclusion:***

*Based on The Law of Reincarnation, Buddha has taught:*

1. *The main origin of suffering is ignorance. Because of ignorance, many bad karmas had been created and these lead human to the cycle of reincarnation.*
2. *People evolve in the re-birth cycle, and depending upon their actions they will know where they will end up. The value of a person depends on his/her thought at any moment.*
3. *Because humans evolve in the re-birth cycle, everyone can be a relative of the other. Buddhism introduces the Law of Reincarnation to help humans escape the cycle of reincarnation.*



*“There is nothing more dreadful than the habit of doubt. Doubt separates people. It is a poison that disintegrates friendships and breaks up pleasant relations. It is a thorn that irritates and hurts; it is a sword that kills.”*

*Gautama Buddha*



*Huynh Trưởng Phụ Trách* \_\_\_\_\_

*Ngày:* \_\_\_\_\_

Handwriting practice area with 20 horizontal dotted lines.

# **Mười Điều Thiện**

## **I. Định Nghĩa:**

Mười điều thiện là mười việc lành về thân (thân nghiệp), về lời nói (khẩu nghiệp), về ý nghĩ (ý nghiệp), có tánh cách lợi mình, lợi người ở hiện tại và tương lai. Mười điều thiện này là căn bản làm người, và nấc thang đầu tiên để tiến đến Phật quả.

## **II. Mười điều thiện bao gồm 3 phần chính:**

1. **Thân Nghiệp:** Những hành động liên quan về thân: Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm.
2. **Khẩu Nghiệp:** Những lời nói tốt lành có 4 cách: Không nói dối, không nói lời độc ác, không nói lời hung dữ, không nói hia hởi.
3. **Ý Nghiệp:** Những ý nghĩ sáng suốt gồm có: Không tham lam, không sân hận, không si mê.

## **III. Sự lợi ích tu mười điều thiện:**

Nếu tu mười điều thiện sẽ được lợi ích như sau: Thân không tật bệnh, sống được lâu dài, không bị ác mộng, tiêu diệt những oán thù ngày trước, sau khi chết sanh lên cõi trời, hưởng các sự vui, được mọi người thương mến, không bị ai lường gạt, ở chỗ đông người không sanh lòng sợ hãi, tâm luôn luôn thanh tịnh, người đời kính phục, lời nói không bị sai lầm, trí huệ sáng suốt, bà con sum vầy, người dữ không hại, gặp nhiều bạn tốt, nói ra được nhiều người hưởng ứng, đầy đủ các vật quý báu, muốn gì đều được như ý, không bị người dèm chê, tướng tốt đẹp, không bị các tai họa, gặp lý tưởng chân chánh.

## **IV. Sức mạnh mười điều thiện:**

1. **Sửa đổi bản thân:** Tánh tình và trí thức của con người đều do nghiệp nhân chi phối. Sự thực hành mười điều thiện sẽ hoàn cải hoàn toàn

# ***Ten Good Deeds***

*(Ten virtuous acts)*

## ***I. Definition:***

*The ten good deeds are the ten virtuous acts caused by the body (Body Karma), the speech (Speech Karma), and the mind (Mental Karma) benefiting oneself and others in the present as well as in the future. These virtuous acts are the foundation to becoming a good, beneficial person and are the first steps towards enlightenment.*

## ***II. The Ten Virtuous Acts have three main parts:***

- 1. Body Karma:*** *The actions concerning or in connection with the body include these: Not killing, even the tiniest creature which crawls at one's feet, not stealing, and not committing any improper sexual acts.*
- 2. Oral Karma:*** *The good spoken words consist of: Do not be lie, do not say harmful things, do not distort the truth, and do not set someone against someone else.*
- 3. Mental Karma:*** *The right, conscious thoughts consist of: Do not be greedy, do not be angry, do not be ignorant.*

## ***III. The benefits of practicing the Ten Virtuous Acts:***

*When practicing the ten virtuous acts, the benefits gained are as follows: One will not endure much illness, will enjoy longevity, have no nightmares, and will exterminate all past hatreds and animosities. Such person would be born into “cõi trời” after death, would enjoy all good things in life, gain respect from everyone, not be victimized by tricksters, and will not be frightened by anything or anyone.*

*tâm tánh, trí thức và sắc thân của mình. Ví dụ như không sát sanh mà lại phóng sanh thì lòng từ bi tăng trưởng và trí óc minh mẫn sang suốt.*

- 2. **Thay đổi hoàn cảnh:** Mười điều thiện có thể hoán cải mọi hoàn cảnh, ví dụ với lời nói ôn hòa, không sân hận oán thù thì cộng đồng không có đồ kỵ gây gổ; nói rộng ra trong tập thể tương thân tương ái vui vẻ thật sự và đùm bọc thương yêu...*
- 3. **Sanh vào cõi trời:** Nếu thực hành mười điều thiện này thì mới sanh lên các cõi trời an vui, đẹp đẽ hơn hẳn cõi người. Nếu lên các cõi trời thì phước đức rất đầy đủ, sống thanh tịnh, sống lâu v.v...*
- 4. **Những điều căn bản để chứng Phật quả:** Mười phương ba đời các vị hiền thánh thoát khỏi sanh tử, chứng quả vô thượng đều lấy mười điều thiện làm căn bản, vì mười điều thiện này có công năng ngăn chặn các hành vi độc ác, đối trị các điều không lành và làm ba nghiệp thanh tịnh. Khi ba nghiệp được thanh tịnh thì khỏi sanh tử, chứng quả niết bàn, và đem mười điều thiện này hồi hướng cho toàn thể chúng sanh, tức thành tựu được Phật quả.*

## **V. Kết Luận:**

*Mười điều thiện cho chúng ta biết những việc làm rõ ràng thiết thực để chúng ta theo đó mà thi hành. Mười điều thiện này nêu rõ chỉ có việc làm mới có giá trị, chứ nói suông không có lợi ích gì. Mười điều thiện giúp chúng ta cải thiện đời sống của chúng ta và của mọi loài, làm cho xã hội trở thành thiện mỹ và nhất là hướng dẫn chúng ta đến Phật quả hoàn toàn.*

*Chúng ta cần phải thực hành, cần phải bắt tay vào việc làm và nhất là theo đúng mười điều thiện mà hành động. Có vậy chúng ta mới xứng đáng là một Phật tử chân chính và thấy tất cả sự lợi ích thiết thực của đạo Phật.*

*In practicing these good deeds, one matures spiritually to where one's mind is purified and wisdom is expanded to all levels. Due to one's*



*integrity one will make good friends and people will listen to one. Anything one wishes will come true. Such person will have attractive physical features. One will not experience disasters. By practicing these ten virtuous acts with all sincerity and honesty, one is a step closer to attaining enlightenment.*

#### ***IV. The power of the ten virtuous acts:***

- 1. Self-improvement:*** *The personality and the intellect of a person are controlled by the karmas. Practicing the ten virtuous acts will completely improve one's intelligence, personality behaviors, and characters. For example, when one does not kill but instead pardon the living being, one's nature will become compassionate and wisdom is broadened.*
- 2. Changes in Situation:*** *Practicing these ten virtuous acts can change completely all bad situations. For example, if people do not hold grudges or stay angry at one another or anything, but instead always patiently practice good deeds, the environment around them will be peaceful. Thus, wars would not be started and people will not be killed. Therefore, the world is joyous, people live in harmony, and society is filled with love and security.*
- 3. Re-birth Will Be in “Cõi Trời”:*** *When these ten virtuous acts are practice frequently, a person will be born into “cõi trời” where it is more peaceful and happier than life on earth. One will also enjoy such things as longevity, pure life, and etc...*
- 4. The Basics to Reach Enlightenment:*** *In the past, all Buddhas and future Buddhas, who had transcended the reincarnation cycle, practiced and used the ten virtuous acts as the foundation of their*

Huynh Trưởng Phụ Trách \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Handwriting practice area with 20 horizontal dotted lines.

*actions. These acts have the power to prevent evil actions or thoughts and to suppress any wrong doings. These acts also have the power to purify the three karmas. When the three karmas are purified, the reincarnation cycle will end and enlightenment is reached.*

## ***V. Conclusion:***

*The Principle of the ten virtuous acts introduces clearly and realistically the good deeds one needs to follow and practice. These principles point out that only actions--not words of the mouth - have value. These principles help a person improve his life and the lives of all beings. Therefore, the morality is increased and the society will be beautiful. Hence, a true Buddhist needs to start practicing in accordance with the principles of the ten virtuous acts to realize the true advantages of Buddhism.*

*To awaken suddenly to the fact  
that your own Mind is the  
Buddha, that there is nothing to  
be attained or a single action to  
be performed. This is the  
Supreme Way*

*Huang Po*

# ***An Cư Kiết Hạ***

## ***I. Lời nói đầu:***

*An-cư kiết hạ là pháp tu hành của các vị xuất-gia trong ba tháng Hạ, bắt đầu từ Phật Đản (rằm Tháng Tư âm lịch) cho đến Vu Lan (rằm Tháng 7). Trong ba tháng ấy, Tăng chúng tập hợp trong một ngôi chùa, trong một tòng lâm hay ở một chỗ thanh vắng để chuyên lo tu học, không làm một việc gì ngoài sự tu học để tinh tấn đạo nghiệp.*

## ***II. Nguyên nhân của pháp an-cư kiết hạ:***

- 1. Mùa Hạ vì hay mưa gió nên cũng là mùa sanh sản các loại sâu bọ. Để khỏi dẫm đạp tàn hại các loài vi sanh trái hạnh từ-bi, trong ba tháng Hạ, các vị xuất-gia không đi ra ngoài.*
- 2. Người xuất-gia là phải tu-hành, nhưng muốn tu-hành cần phải tìm chỗ an-tĩnh, chuyên tu thiền quán mới mong có kết quả. Trong một năm để 9 tháng truyền bá chánh pháp, ba tháng còn lại hoàn toàn dành cho sự tu học.*
- 3. An-cư kiết hạ còn có ý-nghĩa là tụ-hợp Tăng chúng ở chỗ thanh-tĩnh để cùng nhau tu hành, kiểm điểm hành vi, cử chỉ, y theo luật Phật mà hành trì.*

## ***III. Ý nghĩa và lợi ích của an-cư kiết hạ:***

- 1. Tôn trọng sự sống: Sự sống chỉ có một nên không thể xâm phạm sinh mạng của bất cứ loài nào, dù là của loài vi sinh. Đức Phật khuyến-khích an-cư là muốn Tăng chúng không dẫm đạp giết hại các loài vi-sanh sinh trưởng rất nhiều trong 3 tháng mùa hạ.*

# ***The Summer Retreat***

## ***I. Foreword:***

*The summer retreat is a method for Buddhist monks to practice during the three months in the summer. During this period, the Sangha gather at a pagoda or in an undisturbed forest to study Buddhism in solitude.*

## ***II. Reasons to practice the summer retreat:***

- 1. Summer is a rainy season in India. It is also a time when many different kinds of insects give birth. Therefore, to avoid stepping on the insects, the Buddhist preachers stay inside throughout these summer months.*
- 2. Besides preaching the religion, Buddhist monks must also practice Buddhism themselves. Especially when practicing meditation, Buddhist monks need a quiet place in order to fully achieve this goal. The Buddhist monks spend 9 months out of a year travelling to different places propagating and preaching Buddhism, and spend the other three months concentrating only on their studies.*
- 3. The summer retreat provides an occasion for the Sangha to join at a quiet place to practice together and review their actions and behavior within the Buddhist regulations. It is a time of self-correction.*

## ***III. The meanings and benefits of the summer retreat:***

- 1. **Respect the lives of all beings:** Everyone presently has only one life; therefore, one should not violate others' right to live (even that of bacteria).*

2. **Thường tưởng đồ chúng:** Vì thường tưởng đồ chúng, nên đức Phật chú trọng tăng trưởng phước đức trí-huệ cho đồ chúng bằng cách bắt buộc Tăng chúng mỗi năm phải thanh tịnh tu hành trong 3 tháng; có vậy sự học mới tăng tiến.
3. **Chú trọng thực hành và duy trì giới luật:** Chỉ có sự thực hành mới thiết thực hiểu đạo và chứng đạo. Ba tháng an-cư kiết hạ là 3 tháng Tăng chúng triệt để tuân theo những giới luật của đức Phật. Mọi cử chỉ và hành động phải đúng như lời Phật dạy.

#### **IV. An cư kiết hạ là dịp thọ tuổi của Chư Tăng:**

Người đời lấy năm sanh mà kể tuổi. Người xuất-gia trong đạo Phật lấy số kiết-hạ làm tuổi. Một người chưa kiết-hạ là xem như chưa sinh ra thì chưa có tuổi nào. Người kiết-hạ 2 lần thì được hai tuổi. Ngày rằm tháng bảy là ngày thọ tuổi của người xuất-gia, người nào tuổi đạo cao thì được tôn trọng, được ngôi thứ cao trong Tăng chúng, được làm Pháp-Sư, được nuôi dạy đồ chúng, được truyền giáo giới pháp.

#### **V. Kết luận:**

Đức Phật dạy rằng bốn phạm người xuất-gia là phải an-cư kiết-hạ mỗi năm một lần. Dù đến 60 tuổi cũng vẫn phải an-cư kiết-hạ. Lời dạy này nêu rõ đức Phật rất chú trọng đến sự thanh-tịnh tu-hành, sự hành trì giới luật một cách triệt để.

*Buddha sets up the Peaceful-Summer- Religious Life session to allow His followers to be aware of all beings and not overlook the chances of stepping on insects during the summer season.*

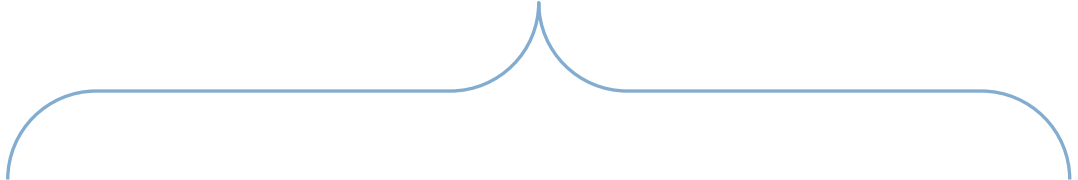
- 2. **Love His disciples:** In loving His disciples, the Buddha helps them build up good deeds and wisdom by encouraging them to take advantage of the summer retreat to purely concentrate on their studies and practices.*
- 3. **Apply and Maintain the Precepts:** Practicing Buddhism is the best way to truly understand and attain the enlightenment. Throughout the summer retreat, the Shangas strictly obey the precepts. Every behavior and action carried out must be in accordance to Buddha's teachings.*

#### ***IV. The summer retreat: an occasion for the Buddhist monks to earn their religious age:***

*A person gains another “life” age on his birthday, while all Buddhist monks earn another “religious” age during the summer retreat. A Buddhist monk who has not attended any summer retreat is considered religiously ageless. Anyone who attends a summer retreat will earn one religious year of age, and so on. On the Veska day of every year (July 15th on Lunar calendar), the monks are determined to earn their religious age. Whoever attended many summer retreat will be presented the highest rank entitled as the Master of Dharma in the Shangas, and greatly respected by all. He also gains the right to accept disciples.*

#### ***V. Conclusion:***

*According to Buddha's teachings, the Buddhist monk should live in the summer retreat every year. Even at the age of sixty, he still has to do so. This shows that Buddha greatly emphasizes the importance of a purified life and the maintaining of the precepts of His disciples.*



*Learning to let go should  
be learned before learning  
to get. Life should be  
touched, not strangled.  
You've got to relax, let it  
happen at times, and at  
others move forward with it*

*Ray Bradbury*





*Huynh Trưởng Phụ Trách* \_\_\_\_\_

*Ngày:* \_\_\_\_\_

Handwriting practice lines consisting of 30 horizontal dotted lines.

# Năm Uẩn

## I. Con người là gì?

Để trả lời câu hỏi này có rất nhiều cách, tùy theo cách nhìn của người trả lời:

1. Con người là do ngũ uẩn hợp lại
2. Con người là tập hợp của lục căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý)
3. Con người là tập hợp của tứ đại (đất, nước, gió, lửa)
4. Con người chính là do 12 nhân duyên (vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử).
5. Con người là tập hợp của các bộ máy: hô hấp, tuần hoàn, tiêu hóa, thần kinh hệ v.v..
6. Bài học của chúng ta hôm nay nhằm trả lời câu hỏi trên theo cách thứ nhất.

## II. Ngũ uẩn là gì?

Ngũ= năm; uẩn= nhóm, kết hợp

Ngũ uẩn là năm nhóm kết hợp với nhau tạo thành cái mà ta gọi là con người. Đó là: Sắc uẩn, Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn và Thức uẩn.

1. **Sắc uẩn:** đó chính là hình hài vật chất, là cơ thể (body). Sắc uẩn do 4 đại hợp thành (**đất**= chất cứng như thịt, xương, răng, tóc v.v..; **nước**: chất lỏng như mồ hôi, nước mắt, nước bọt v.v..; **gió**: hơi thở vào, ra; **lửa**: hơi nóng, nhiệt độ của cơ thể).
2. **Thọ uẩn:** những **cảm giác** về thân và tâm, như đau, nhức, êm ái, ngứa, vui, buồn, v.v.. Có 3 loại thọ uẩn: lạc thọ (cảm giác vui sướng); khổ thọ (cảm giác đau khổ); xả thọ (cảm giác không vui sướng, không khổ đau).

# ***The Five AGGREGATES***

## *(5 SKANDHAS)*

### ***I. What makes a human being?***

*There are many angles to look while attempting to answer this question:*

- 1. Human being is comprised of 5 skandhas or aggregates or heaps.*
- 2. Human being is comprised of 6 components: eyes, ears, nose, tongue, body, and mind.*
- 3. Human being is comprised of 4 elements: earth, water, wind/breath, fire*
- 4. Human being comes from 12 causes.*
- 5. Human being is comprised of lungs, heart, nervous system, kidneys, stomach, and blood. Our focus of this lesson is to answer the previous question using the first angle.*

### ***II. What Are the five Aggregates?***

*The 5 skandhas/aggregates are: form, feelings, perception, mental formation, and consciousness.*

- 1. **FORM:** This is the physical component or the body. Form consists of 4 elements:*
  - a. **Earth:** hard/solid components such as flesh, bone, teeth, hair ...*
  - b. **Water:** liquid components such as sweat, tear, blood, saliva ...*
  - c. **Wind:** breath, air, gas*
  - d. **Fire:** the body heat or temperature.*
- 2. **FEELINGS:** these are feelings or sensations we have while in contact with the world: pain, itch, joy, sadness... There are 3 kinds:*

3. **Tưởng uẩn:** *khả năng ghi nhận, nhớ lại những hình ảnh, âm thanh, mùi vị, cảm giác v.v.. do thân và tâm đem lại. Ví dụ: nghe -----> nhớ ----> vui (giận, buồn).*
4. **Hành uẩn:** *những việc cố ý của thân, miệng và ý (ví dụ lời nói định nói mà chưa nói ra thì cũng đã thành khẩu hành rồi).*
5. **Thức uẩn:** *cái biết của 6 giác quan (nhân thức, nhĩ thức, tỉ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức).*

*Nếu mắt nhìn mà không có mặt của nhân thức thì tuy nhìn mà không thấy gì cả. Tuy tai chăm chú nhưng không có nhĩ thức thì cũng không nghe gì cả v.v. Do đó muốn nhận biết một vật thì cần phải có 3 yếu tố : CĂN, CẢNH, THỨC (gọi là tam hòa hiệp).*

*Sắc uẩn là phần **vật lý**, 4 uẩn còn lại là phần **tâm lý**. Mỗi cá nhân là sự phối hợp của năm uẩn ấy.*

*Năm uẩn không tồn tại độc lập mà kết hợp với nhau. Ví dụ: thọ đi liền theo tưởng và tưởng đi liền theo thọ (nghe chê thì buồn, khi hết nghe rồi mà nhớ lại tiếng chê cũng buồn v.v..).*

*Năm uẩn thay đổi luôn, cái này kết hợp với cái kia, không theo thứ tự nào, hiện ra rồi biến đi tạo ra một biến cảm giác gồm những hiện tượng tâm-vật-lý sanh diệt không ngừng nghỉ. Do vậy ‘cái Ta’ (cái Tôi) chỉ là một tiến trình luôn biến đổi chứ không phải là một thực thể trường tồn bất biến.’*

### **III. Bài học rút ra từ ngũ uẩn:**

1. *Tất cả chúng sanh đều do ngũ uẩn kết hợp, cho nên mọi người đều giống nhau về vật chất (thân tứ đại) với sinh, già, bệnh, chết, và tinh thần (thọ tưởng, hành, thức) với ham vui sợ khổ, tham sống sợ chết.*

*feelings of happiness, feelings of suffering, and feelings of neither happiness nor suffering.*

3. **PERCEPTION:** *This is an ability to associate the current sensations with past experiences which is accompanied by feelings of happiness or sufferings.*
4. **MENTAL FORMATION:** *these are intentions of the body, mouth (words), and mind. Whether actions are taken or words spoken, mental formation may already be formed.*
5. **CONSCIOUSNESS:** *this is the ability to acknowledge the sensations behind our 6 senses: eye, ear, nose, tongue, body, and mind. Consciousness turns what we look at into what we see; what we listen to into what we hear ....*

*Human being comprises of 5 skandhas. These 5 are not independent but are interdependent on each other. Their coexistence gives rise to the human experience: praise makes us happy, disapproval makes us sad.*

*The 5 skandhas combine then separate then combine in unpredictable ways and give us seas of sensations which are endless. What we call “the human being” or “individuality” or “self” is actually a temporary instance of these 5 skandhas; it is being different from the immediately previous one and also the next one. (The whole process of these psycho-physical phenomena which are constantly becoming and passing away, is at times called, in conventional terms, the self or attā by the Buddha; but it is a process and not an identity that is thus termed).*

### ***III. What We Learn From the 5 Skandhas:***

1. *Mankind consists of 5 skandhas. Everyone is alike in physical characteristic which go through cycle: birth, aging, sickness, death*

*Vậy ta phải học để thực hành từ bi và hỷ xả; thương yêu chúng sanh như người thân của mình. Không làm cho người khác những gì mình không muốn người ta làm cho mình.*

- 2. Con người với những ngũ uẩn rất vô thường. Có đó rồi mất đó (1 hơi thở ra không vào hay vào không ra là chết). Mặc dù vậy ta không chán nản hay than khóc cho số phận ngắn ngủi của con người, mà phải tinh tấn tu học, trau dồi lòng từ bi và trí tuệ, làm lợi mình lợi người để mỗi phút giây đều sống tỉnh thức và xứng đáng là người Phật Tử.*
- 3. Đức Phật dạy: Ngũ uẩn tụ, phiền não kết. Vậy, cố gắng ‘tách rời 5 uẩn’ để được an lạc. Ví dụ: nghe chê thì buồn lúc đó thôi, đừng nhớ nghĩ để rồi cứ nhớ tới và mỗi lần nhớ là mỗi lần buồn lại.*
- 4. Cố gắng giảm bớt sự kết tụ của 5 uẩn, ví dụ:*
  - a. Khi vui đừng húa (để tránh những điều khó khăn sau này khi tỉnh táo lại).*
  - b. Khi giận đừng nói (để đừng biến mình thành mồi lửa sân hận).*
- 5. Cố gắng tinh tấn ngồi thiền để theo dõi hơi thở, quán xét phản ứng của thân và tâm mình trước những cảm thọ và tập làm chậm lại những phản ứng ấy.*

*(Tài liệu tham khảo: Đức Phật & Phật Pháp + bài giảng của Sư Cô Trí Hải tại đạo tràng Tuệ Uyển)*

*and in mental characteristics with love, joy, fear, suffering and hold on to life, fear death. Knowing this, we should learn to practice compassion and forgiveness: love people as we love our family. Don't do unto others what we don't want done to ourselves.*

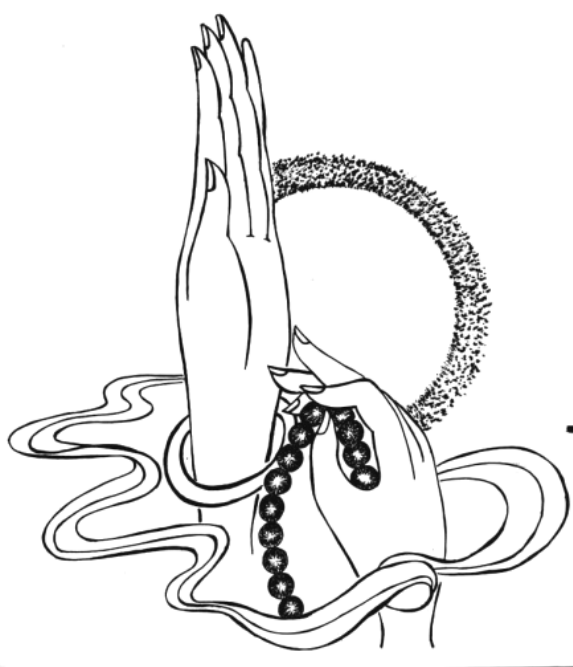
- 2. The 5 skandha life is impermanent. But we don't have to be depressed about life. On the contrary, we should persevere with our training in compassion and wisdom to help both ourselves and others to live each moment fully and with complete awareness. This makes us deserve to be disciples of the Buddha.*
- 3. The Buddha said: When the 5 skandhas combine, suffering exists. By preventing the skandhas from combining we reduce sufferings and enjoy more peace. For example we should control our perceptions so as not to relive past sufferings.*
- 4. When filled with feelings of happiness or sufferings, we should act responsibly and refrain from making promises or statements which cause sufferings for ourselves or others.*
- 5. Practice meditation and breathing exercise and apply control to reactions to stimulus.*

### ***Questions:***

- 1. What are the 5 skandhas/aggregates?*
- 2. Define: 5 skandhas, form, feelings, perception, mental formation, consciousness; 6 components: eyes/sight, ear/hearing, nose/smelling, tongue/taste, body, mind.*
- 3. Explain: “eyes are sea of man, ears are seas of man ...whoever reaches the other shore of the “6 seas of suffering” is called the man of highness*
- 4. The lessons learned from the 5 skandhas.*
- 5. Explain: “The 5 skandhas are empty of a separate self”.*

## **Câu hỏi:**

1. Ngũ uẩn là gì?
2. Định nghĩa: con người ngũ uẩn, sắc, thọ, tưởng, hành, thức; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.
3. Tại sao nói: mắt là biển của người, tai là biển của người v..v.. Ai vượt qua được 6 biển lớn này chính là bậc đại nhân (đại nhân = con người cao thượng, cao quý).
4. Những bài học rút ra từ Ngũ Uẩn.
5. Tại sao nói: ngũ uẩn giai không (5 uẩn không có tự tánh)? [nhắc lại: trong bài tụng Kinh Tinh Yếu Bát Nhã Ba La Mật, chúng ta thường nghe: Bồ tát Quán Tự Tại khi quán chiếu thâm sâu Bát Nhã Ba La Mật bỗng soi thấy năm uẩn đều không có tự tánh. Thực chứng điều ấy xong Ngài vượt thoát tất cả mọi khổ đau ách nạn].





Huynh Trưởng Phụ Trách\_\_\_\_\_

Ngày:\_\_\_\_\_

Handwriting practice lines consisting of 30 horizontal dotted lines.

# ***Lịch Sử Đạo Phật Ở Việt Nam***

*Từ Thời-Đại Du-Nhập Đến Đời Nhà Lý*

## ***I. Thời đại Phật Giáo du nhập:***

- 1. Con Đường Phật Giáo Du Nhập Vào Việt Nam:*** Phật-giáo khởi điểm từ Ấn-Độ rồi truyền rộng ra các nước lân cận, do hai đường thủy và bộ. Về đường bộ thì qua miền Trung-Á như Tây-Tạng, Mông-Cổ, Trung-Hoa, rồi từ Trung-Hoa truyền qua các nước Cao-Ly, Nhật-Bản và Việt-Nam. Về đường thủy thì qua đảo Tích-Lan, Mã-Lai, Nam-Dương và Việt Nam.
- 2. Địa thế nước Việt-Nam:*** Nước Việt-Nam ta nằm giữa hai nước Ấn-Độ và Trung-Hoa nên cùng chịu ảnh-hưởng văn minh của hai nước ấy. Ngoài ra về phương diện lịch-sử, nước Việt-Nam về thời bấy giờ hoàn toàn do người Tàu cai-trị; nên nước Việt-Nam chịu ảnh-hưởng văn-minh của Trung-Hoa nhiều hơn cả.
- 3. Thời đại du nhập:*** Những sử liệu về thời đại Phật giáo du nhập Việt-Nam gồm có:
  - a. Những thiên truyện ký của các Tăng sĩ Việt Nam viết từ thế kỷ XIII và XIV có chép:*** Chính đời nhà Hán thế kỷ thứ 2 và thứ 3 đã có các đạo sĩ ở Bắc như Ngài Ma Ha Kỳ Vực (Marījivaka), Khương Tăng Hội (K'ang Seng Houei) và Mâu Bác (Méou Pô).
  - b. Theo truyện Đàm Thuyên Pháp sư có chép:*** Vào thời Vua Cao Tổ nhà Tùy của Trung Hoa, Việt Nam đã có 20 ngọn bảo tháp và hơn 500 Tăng sĩ, dịch được hơn 15 bộ kinh rồi.
  - c. Theo sách Pháp Vụ Thực Lục:*** Vào thế kỷ thứ 3 một người Ấn Độ tên là Kaudra đã qua Việt Nam một lần với Ngài Ma Ha Kỳ Vực để truyền đạo.

# ***The History of Buddhism in Vietnam***

*From the beginning to the Ly Dynasty*

## ***I. The First Era Of Buddhism In Vietnam:***

- 1. The paths that Buddhism entered Vietnam:*** Buddhism was originated in India (Ấn Độ) and then spread to neighbor countries by two paths: land and sea. By land, Buddhism entered to the mid- Asian countries such as Tibet (Tây Tạng), Mongolia (Mông Cổ), China (Trung Hoa). From China, it spread to Korea (Cao Ly), Japan (Nhật Bản) and finally Vietnam. From Sir Lanka, Buddhism entered to Malaysia (Mã Lai), Indonesia (Nam Dương) then Vietnam by the sea path.
- 2. The cultural influence on Vietnam due to its geographical location:*** Vietnam lies between India and China; therefore, it was influenced by the cultures of these two countries. On the historical aspect, Vietnam was ruled by the Chinese at the time; therefore, Vietnam was more influenced by the Chinese civilization.
- 3. The introduction period of Buddhism:*** The following historical documents showed the Beginning Era of Buddhism:
  - a. In the biographies which were written by Vietnamese Buddhist monks in 13<sup>th</sup> and 14<sup>th</sup> centuries:*** “During the Han dynasty (Chinese) in the 2<sup>nd</sup> and 3<sup>rd</sup> centuries, several famous Buddhist monks came to introduce Buddhism in North Vietnam using sea and land routes. The Venerables Ma-Ha-Kỳ-Vực (Marijivaka), Khương-Tăng-Hội (K'and Seng Houei), Mâu Bác (Méou Pô), and The Venerable Chi-Cường-Lương.
  - b. According to the lectures of Đàm Thuyên:*** During the reign of King Cao Tổ of Tùy Dynasty (Chinese), 20 Buddhist towers

d. Theo những sử liệu trên cho chúng ta rõ: Đạo Phật Việt Nam đã có từ đời nhà Hán bên Tàu vào cuối thế kỷ thứ 2 và đầu thế kỷ thứ 3 và những vị truyền giáo đầu tiên ở Việt Nam là Ngài Ma Ha Kỳ Vực, Khương Tăng Hội, Chi Cương Lương, và Mâu Bác. Trong số 4 vị này chỉ có Ngài Mâu Bác là người Tàu, còn 3 vị kia đều là người Ấn Độ. Ngài Mâu Bác là người truyền Phật giáo đầu tiên ở đất Giao Châu vào năm 189 sau Tây lịch. Vậy ta có thể kết luận rằng: Phật giáo du nhập ở nước Việt Nam vào khoảng cuối thế kỷ thứ II.

4. Các môn phái được du nhập: Những tôn phái được ưa chuộng hơn hết cả lúc bấy giờ là Thuyền Tôn (Tôn tu thuyền trực chỉ). Tôn phái này lại được truyền vào Việt Nam trước hết, do Ngài Tỳ Ni Đa Lưu Chi (Vinītaruci) truyền đến năm 580 và chính Ngài là Sư tổ Thuyền tôn Việt Nam, sau lại có Ngài Pháp Hiền Thuyền sư được kế truyền và thành lập một phái. Đến đời Đường năm 820, Ngài Vô Ngôn Thông ở Tàu sang truyền giáo, lập thành phái Thuyền Tôn thứ 2, rồi kế đến phái Thảo Đường, Tào Động, Lâm Tế lần lượt truyền đến Việt Nam. Như vậy, trước sau chỉ có phái Thuyền Tôn là gây ảnh hưởng mạnh hơn cả.

## **II. Phật giáo qua các triều đại:**

1. **Phật giáo đời hậu Lý Nam Đế (571- 602) và đời Bắc thuộc thứ ba (602-939):** Từ khi Phật giáo truyền vào Việt Nam cho đến đời tiền Lý Nam Đế tính ra trên 300 năm (189 đến 544-548) nhưng vẫn còn nằm trong thời kỳ phôi thai, chưa có gì đáng gọi là thịnh hành lắm. Đến đời hậu Lý Nam Đế (571-602) và Bắc thuộc lần thứ ba (603-939) Phật giáo mới bắt đầu bước vào thời thịnh đạt, vì lúc bấy giờ có Ngài Tỳ Ni Đa Lưu Chi ở Trung Hoa sang (580) đem Thuyền Tôn truyền bá và được người Việt Nam hết sức ái mộ. Do đó ảnh hưởng

were built, and more than 500 Buddhist monks practiced and preached Buddhism in Vietnam. At the same time, 15 sets of sutras were translated.

- c. ***According to the documents of Pháp Vụ Thực Lục:*** In the 3rd century, a man named Kaudra from India came to Vietnam at the same time as the Venerable Ma-Ha-Kỳ-Vực to preach Buddhism.
  - d. ***By the historical sources mentioned above, we understand that:*** Buddhism entered in Vietnam during the Han Dynasty, at the end of 2nd century and the beginning of the 3rd century. The first Buddhist preachers in Vietnam were the Venerables: Ma-Ha-Kỳ-Vực, Khương-Tăng-Hội, Chi Cường-Lương and Mâu-Bác. Among these preachers, only Mâu-Bác was Chinese, the others were Indians. The Venerable Mâu-Bác was the first to preach Buddhism in Giao Châu Province (North Vietnam), 189 A.D. Therefore, we can conclude that Buddhism entered Vietnam at the end of the 2nd century.
4. ***Buddhist branches entering Vietnam:*** The most favored branch at the time was Thuyền Tôn Branch (emphasizing meditation). This was the first branch to enter Vietnam by The Venerable Tỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi (Vinitaruci) in 580 A.D. He was the first ancestor, and it was succeeded by Venerable Pháp Hiền.

*During the Duong's dynasty (820 A.D.), The Venerable Vô-Ngôn-Thông came to Vietnam from China to preach Buddhism and formed a second meditation branch. Later, other branches such as Thảo-Đường, Tào-Động, Lâm-Tế v.v. consecutively entered Vietnam. However, the Thuyền Tôn branch had the most influence on the people.*

*Phật giáo được lan rộng rất mạnh ở nước Việt Nam lúc bấy giờ. Điều đáng chú ý hơn hết là ba đoàn truyền giáo ở nước Việt Nam trong hai đoàn trước hầu hết là người Tàu, nhưng đoàn thứ ba lại hoàn toàn là 6 vị Pháp sư người Việt, bốn Ngài ở Giao Châu, Vân Ký Thuyền sư, Mộc Xoa Đề Bà, Khuy Sung Pháp sư, Huệ Diệm Pháp sư và hai người Ái Châu: Trí Hành Thuyền sư, Đại Thặng Đăng Thuyền sư.*

2. **Phật giáo đời Đinh (968- 980) và đời tiền Lê (980- 1009):** Đến đời Đinh, Phật giáo có thể là độc tôn. Tất cả văn hóa, triều chánh trong nước phần lớn được hàng Tăng sĩ hướng dẫn, cho nên đạo Phật được phổ biến dễ dàng trong quần chúng, mặc dầu Lão giáo và Nho giáo đã truyền vào từ lâu. Về triều chánh thì có Ngài Ngô Chân Lưu làm đến chức Khuôn Việt Thái sư, ngoài ra có Ngài Trương Ma Ni làm Tăng Lục Đạo sĩ và Pháp sư Đặng Huyền Quang làm Sùng Châu Uy Nghi.

*Đến khi nhà Đinh mất, nhà Tiền Lê (Lê Đại Hành) lên kế vị, chống lại quân nhà Tống (980). Trong giai đoạn này, các Tăng sĩ lại được biệt đãi hơn, vì chính Vua Lê Đại Hành vẫn còn triệu thỉnh các Tăng thống vào triều để bàn hỏi việc nước và việc truyền bá Phật giáo. Điều đáng chú ý hơn cả là trong khi nước ta đã hòa với nước Tống, Vua Đại Hành liền cho sứ thần qua thỉnh kinh “Đại Tạng” và “Cửu kinh” để đem về truyền bá. Đó là lần cầu kinh thứ nhất ở Việt Nam.*

### 3. **Phật-Giáo Đời Nhà Lý (1010-1225):**

- a. **Lý Thái Tổ (1010 - 1028)** - Tên thật là Lý Công Uẩn, con nuôi của sư Lý Khánh Vân, ở chùa Cổ-pháp, thọ giáo với Ngài Vạn-Hạnh Thuyền Sư. Sau khi vua Lê-Ngọa Triều mất, Ngài lên kế vị lấy hiệu Thuận Thiên, đóng đô ở thành Thăng Long (Hà-Nội). Lý thái-Tổ là một Phật tử thuần thành nên sau khi lên ngôi Ngài hết sức chú trọng đến việc truyền bá Phật giáo. Ngài đã dựng rất nhiều ngôi chùa và độ rất nhiều Tăng chúng. Điều đáng

## ***II. The Revolution of Buddhism:***

- 1. During the Last Ly-Nam-De's Dynasty (571-602) and The third Chinese dominations (602-939):*** Although Buddhism had been practiced in Vietnam for more than 300 years (189-548) from the time it first entered to the beginning of Lý-Nam-Đế Dynasty, the religion was still in its embryonical period, not yet well-known. Buddhism started to gain its popularity in the last Ly- Nam-De's ruling and the beginning of the third Chinese domination. At this time, The Venerable Ty-Ni-Da-Luu-Chi from China (580), brought in the Thuyền Tôn branch, which was most favored by the Vietnamese people, and Buddhism was widely spread throughout the country. Note that first two groups of Buddhist preachers were Chinese; whereas the third group consisted of all 6 Vietnamese preachers. Four of them were from Giao-Chau Province: Vân-Ký Thuyền sư, Mộc-Xoa-Đề-Bà, Khuy-Sung Pháp sư and Huệ-Điễm Pháp sư, and the other two were from Ai- Chau province: Trí-Hành Thuyền sư and Đại-Thặng-Đăng Thuyền sư.
- 2. Buddhism During Đinh's Dynasty (968-980) and First Le's Dynasty (980-1009):*** During Đinh dynasty, Buddhism became a major religion. Most government affairs were guided by Buddhist monks; therefore, Buddhism was easily publicized even though Taoism (Lão giáo) and Confucianism (Nho Giáo) had been practiced long before it. In the National Board of Affairs, The Venerable Ngô-Chân-Lưu held a position as National Advisor, and Venerable Trương-Ma-Ni and Dharma Master Đặng-Huyền-Quang held other important positions.

*When Đinh dynasty ended, the first Le (Lê Đại Hành) Dynasty took over the ruling and fought against the invasion of Tong (980).*

*In this period, Buddhist monks were in favor,*

*chú trọng hơn là đến năm thứ 9 (1019) Ngài sai sứ thần qua Tàu thỉnh kinh đem về cất tại kinh viện Đại hưng.*

*Triều đại này có thể nói rằng một triều đại hết sức thái bình. Nói đến Phật giáo thì xưa nay chưa bao giờ có một thời đại nào thịnh đạt như thế. Vả lại các vị Thuyền sư lúc bấy giờ như Ngài Vạn Hạnh Thuyền sư, Đa Bảo Thuyền sư, Sùng Phạm Thuyền sư là những bậc danh Tăng mà nhà Vua rất kính trọng. Cho nên việc truyền giáo của các Ngài rất dễ dàng mau chóng. Những vị danh Tăng này đều ở trong hai phái Tỳ-Ni-Đa Lưu Chi và Vô Ngôn Thông.*

- b. **Lý Thái Tôn (1028-1054)** - Lý Thái Tôn nối ngôi Thái Tổ lấy niên hiệu là Thuận Thành, Ngài cũng là người rất sùng bái đạo Phật. Sau khi đánh dẹp giặc Chiêm ở đất Hoan Châu (Nghệ- An) về, Thái Tôn sắc lập 95 ngôi chùa cử lễ khánh thành hạ chiếu miễn thuế cho dân trong nước một năm. Đến năm 1034 Thái Tôn đổi niên hiệu là Thông Thụy: lúc bấy giờ nước Việt Nam được nhà Tống ban Đại Tạng Kinh và tự sai sứ rước qua cho ta. Thật là một ảnh hưởng khả quan cho Phật giáo nước nhà, mà cũng là một vinh dự tốt đẹp của triều đình Việt Nam lúc bấy giờ.*

*Các vị cao Tăng như Ngài Huệ Sinh Thuyền sư, Định Hương Trưởng lão, Thuyền Lão Thuyền sư là những bậc danh đức tu hành và có công truyền bá đạo Phật nhất trong triều đại Lý Thái Tôn này.*

- c. **Lý Thánh Tôn (1054-1072):** Thánh Tôn nối ngôi Thái Tôn, đổi quốc hiệu là Đại Việt và lấy niên hiệu là Long Thụy Thái Bình. Ngài là một ông Vua rất sùng mộ đạo Phật. Năm Long Thụy thứ 5 (1059) Ngài dựng chùa xây tháp và đúc một quả chuông nặng 12.000 cân đồng, tại làng Bả- Thiên thuộc tỉnh Hà-Nội. Quả chuông ấy hiện nay vẫn còn. Đến năm 1069 phái Thảo Đường*



*and King Lê-Đại-Hành frequently invited the highly honored monks to his palace for advice and to discuss ways of Buddhism preachings. Note that when Vietnam and China (Tong dynasty) had signed the Peace Treaty, King Lê-Đại- Hành sent ministers to China requesting for Buddhist sutras such as “Đại Tạng” and “Cửu Kinh” for followers. This was a first request of Buddhist sutras in Vietnam.*

### **3. Buddhism During The Ly Dynasty (1010-1225):**

- a. *Lý-Thái-Tổ (1010-1028) - His true name was Lý-Công-Uẩn, who was adopted by a Buddhist monk named Lý-Khánh-Vân. As a child, he lived at the Cổ-Tháp Pagoda and learned from the teachings of The Venerable Vạn-Hạnh Thuyền sư. After the death of King Lê-Ngọa- Triều, Lý Thái-Tổ inherited the throne and named his term as “Thuận Thiên”, and lived at Thăng-Long citadel (Hà-Nội today). Lý-Thái-Tổ was a true Buddhist, therefore, during his reign, he emphasized the spreading of Buddhism. He built many temples and strongly supported monks in their studies and practices. One remarkable note was that in his 9th year (1019), he sent several ministers to China to request for Buddhist sutras.*

*This dynasty was described as Vietnam's most peaceful period. Many well known Buddhist monks such as Vạn-Hạnh Thuyền sư, Đa-Bảo Thuyền sư, and Sùng-Phạm Thuyền sư were highly respected by the King and citizens; therefore, Buddhism was easily and quickly spread. These monks studied and practiced Buddhism from the two branches of Meditation: Tỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi and Vô-Ngôn-Thông.*

- b. *Lý-Thái-Tôn (1028-1054) - Lý-Thái-Tôn was the successor of Lý-Thái-Tổ. He named his term as “Thuận Thành”.*

*lại xuất hiện ở Việt Nam, do Ngài Thảo Đường, đệ tử Ngài Tuyết Đậu Minh Giác bên Tàu truyền sang. Kế đó Lý Thánh Tôn thọ giáo với Ngài. Sau được truyền tâm pháp làm đệ tử đầu tiên của phái Thảo Đường. Phái Thảo Đường tức là phái Thuyền Tôn thứ 3 ở nước ta vậy.*

- d. **Lý Nhân Tôn (1072-1127):** Nhân Tôn nối ngôi Thánh Tôn lên làm Vua, mặc dầu nhà Vua tuổi còn nhỏ nhưng rất thông minh anh dũng. Ngài lại rất hâm mộ đạo Phật, cho nên ngoài công việc triều chánh ra, Ngài còn luôn luôn truyền bá Phật giáo. Vả lại lúc bấy giờ có nhiều vị danh Tăng lỗi lạc như Ngài Viên Chiếu Thuyền Sư soạn quyển Dục Sư Thập Nhị Nguyên Văn, Tân Viên Giác Kinh v.v... Còn Ngài Ngô Ấn Thuyền Sư thì chuyên môn diễn giảng, do đó Phật giáo rất được quần chúng hưởng mộ và ảnh hưởng lan rộng khắp nơi.*
- e. **Lý Thần Tôn (1128-1138), Lý Anh Tôn (1138-1175), Lý Cao Tôn (1176-1210) và Lý Huệ Tôn (1211-1225):** Trong bốn triều đại này, Phật giáo vẫn được thịnh\_đạt, nhưng không có gì được xuất sắc lắm. Có các vị cao Tăng như Ngài Minh Không Thuyền sư và Thông Biện Thuyền sư, thuộc đời Lý Thần Tôn, Ngài Bảo Giám Thuyền sư và Ngài\_Viên Thông Thuyền sư thuộc đời Lý Anh Tôn, Ngài Trương Tam Tạng Thuyền sư thuộc đời Lý Cao Tôn. Đến đời Lý Huệ Tôn thì vận nước suy đồi, triều đình đầy loạn, dân sự không an. Nhà vua sanh lòng chán nản, nên vào năm Kiến Gia thứ 14 (1224) Ngài truyền ngôi cho con gái là Công Chúa Phật Kim tức Lý Chiêu Hoàng, rồi xuất gia tu ở chùa Chân Giáo, tự xưng là Huệ Quang Đại sư.*

*Tóm lại, Phật Giáo được thịnh hành nhất ở Việt Nam chính là đời nhà Lý, vì trong 215 năm trời, trải qua 8 đời truyền kế, vua nào cũng sùng tín đạo Phật, lại được rất nhiều vị danh Tăng ra đời tận tâm vì Phật sự, cho nên ảnh hưởng của đạo Phật trong nhân gian được lan rộng và lợi lạc rất nhiều.*

*He was also a devoted Buddhist. After defeating the Chiêm's invasion at Hoan-Châu province (Nghệ-An today), he built 95 Buddhist temples and during the opening ceremony of the temples, he proclaimed a one year tax-free bill for all citizens throughout the country.*

*In 1034, he renamed his term as “Thông Thụy”. In this period, the Chinese (Tong dynasty) granted major volumns of Buddhist sutras (Đại Tạng Kinh), which were carried to Vietnam by the Chinese messengers. This was a favorable occasion for Buddhism in Vietnam. And it was also an honor to the Ly's dynasty at that time.*

*In this Dynasty, many well known Buddhist monks such as Huệ -Sinh Thuyền sư, Định- Hương elderly and Thuyền-Lão Thuyền sư had made valuable contributions in spreading Buddhism.*

*c. **Lý-Thánh-Tôn** (1054-1072) - Lý-Thánh-Tôn was the successor of Lý-Thái-Tôn. In his reign, he changed the name of the country from Giao-Châu to Đại-Việt (which is known as Vietnam today) and named his term as “Long Thụy Thái Bình”. He was also a devoted Buddhist. In his fifth year of ruling, he built several Buddhist temples and towers and molded a 12 thousand kilogram brass bell at Bả-Thiên village in Hà-Nội Province. This bell is still existing today.*

*In 1069, a branch of Meditation was brought into Vietnam from China by Venerable Thảo Đường, a disciple of Tuyết-Đậu-Minh-Giác. Thereafter, King Lý-Thánh-Tôn learned from his teachings and became the first disciple of this branch of Meditaion. Thảo-Đường was a third branch of meditation.*

*d. **Lý-Nhân-Tôn** (1072-1127) - Lý-Nhân-Tôn was the successor of Lý-Thánh-Tôn. Even though he was reigned such a oneng age,*

Huynh Trưởng Phụ Trách \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Handwriting practice area with 20 horizontal dotted lines.

*he was very intelligent and brave. Being impressed with Buddhism, he set aside from ruling, and spent most of his leisure time on spreading Buddhism. During this dynasty, there were many outstanding Buddhist monks such as Viên- Chiếu Thuyền sư who had written several valuable books called “Được Sư Thập Nhị Nguyên Văn”, “Tân Viên Giác Kinh”, etc... Whereas, Ngô-Ấn Thuyền sư concentrated on preaching the Buddha's Teachings. Therefore, Buddhism at this time was widely spread and mostly honor by the citizens.*

- e. **Lý-Thần-Tôn** (1128-1138), **Lý-Anh-Tôn** (1138-1175), **Lý-Cao-Tôn** (1176-1210) and **Lý-Huệ-Tôn** (1211-1225): During these four dynasties, Buddhism remained popular, but nothing was notable. In each of the first three dynasties there were several well known Buddhist monks such as Minh-Không and Thông-Biện Thuyền sư in Lý-Thần-Tôn's reign, Bảo-Giám and Viên-Thông Thuyền sư in Lý-Anh-Tôn's reign, and Trường-Tam-Tạng in Lý-Cao-Tôn's reign. But during Lý-Huệ-Tôn's reign, the country was in a state of declining, the kingdom was corrupted, and the citizens were living in an unsafe environment. Because of these corruptions, the King was very discouraged; therefore, during his 14th year, he passed down the throne to his daughter, Lý-Chiêu-Hoàng, who was known as Chúa-Phật-Kim princess, and then left the palace to become a Buddhist monk at Chân-Giáo Pagoda. He named himself as Huệ-Quang Đại sư.

*In summary, Buddhism was the most popular religion in Vietnam during the Ly dynasty. Throughout 215 years of ruling, all the kings honored Buddhism. Besides, they were helped by many well known Buddhist monks; therefore, the influence of Buddhism was widely spread and had brought many benefits to the country.*

## ***Đạo Phật Tại Hoa Kỳ***

*Đạo Phật được truyền bá đến Hoa Kỳ qua những sách vở của người Tây phương viết về Phật giáo và qua những nhà truyền giáo Á Châu.*

*Trong khi các nước Tây phương như Anh, Pháp ... đi xâm chiếm thuộc địa vào các thế kỷ trước, những người thực dân ấy, có một số trí thức muốn tìm hiểu về nền văn minh, văn hóa Á Đông, cho nên họ đã tìm hiểu về tôn giáo như Phật giáo, Khổng giáo, Ấn giáo ... Do đó, Phật giáo đã được truyền vào các nước Tây phương ở những thập niên đầu của thế kỷ 19.*

*Thời đó có những học giả Tây phương phục vụ trong ngành thuộc địa, là cơ hội đưa họ đến với Phật giáo, trong số đó có những người đáng kể như ông Wiliam Jones (người Iran), ông Charles Wilkens (dịch giả người Anh, ông đã dịch Bhagavad Gita - Chí Tôn Ca từ Sanskrit sang Anh văn), ông A. Csoma de Koros (1784-1842) là nhà ngôn ngữ học người Hungary, ông Houghton Hodgson (người Anh), ông Eugene Burnouf (dịch giả Pali người Pháp), ông Henry S. Olcott (1832-1907) là người Mỹ, tác giả Phật Giáo Vấn Đáp - The Buddhist Catechism - xuất bản lần đầu tiên năm 1881, Sir Edwin Arnold (1832-1904) thi hào người Anh, tác giả thi phẩm bất hủ Ánh Sáng Á Châu - The Light of Asia - Xuất bản lần đầu tiên năm 1879.*

*Người có nhiệt tâm nhất, để truyền bá Đạo Phật tại Anh quốc cũng như Hoa kỳ có lẽ là T. W. Rhys Davids (1843-1922), ông là người Anh, một viên chức của Hoàng Gia Anh, làm việc trong bộ máy thuộc địa của Nam Á, sau khi khám phá ra kho tàng Phật giáo ẩn tàng trong các bộ kinh Pali, ông quyết định chấm dứt con đường danh vọng, đi vào lãnh vực nghiên cứu kinh điển Phật giáo (ông có 4 bằng tiến sĩ: Triết học, Văn chương, Ngôn ngữ và Sử học). Năm 1882, ông cùng vợ là bà Caroline Augusta Davids thành lập tại Luân Đôn Hiệp Hội Thánh Điển*

## ***Buddhism In The United States***

*Buddhism was propagated into the United States through books and research written by Western or Asian missionaries.*

*Many centuries ago, a number of English and French people came to Asian countries in invasion wars. Some of them were interested in Asian culture so they studied Buddhism, Confucianism, Taoism and Hinduism. Buddhism was propagated into western countries in the first decades of the 19th century.*

*At that time, Western intellectuals severed the colonial forces in Asian countries where they had the opportunity to know Buddhism. Among them were William Jones (Iranian), Charles Wilken (English - he translated Bhagabad Gita - Chi-Ton-Ca from Sanskrit to English), A.C soma de Koros (Hungarian 1784-1842), Houghton Hodgson (English), Eugene Burnouf (French), Henry S. Olscott (American 1832-1907 author of The Buddhist Catechism published in 1881), and Sir Edwin Arnold (English poet - author of The Light of Asia published in 1879).*

*In England and in the United States, T.W Rhys Davids (1843-1922) was a missionary who devoted his heart and mind to his work. He was an officer of England Royal Government, working for South Asian Colonial Department. He had four Ph.D degrees in philosophy, literature, linguistics, and history. After recognizing a treasure of Buddhism in sutra-pitaka in Pali language, he then no longer pursued his career and began studying Buddhism. In 1882 he and his wife, Mrs. Caroline Augusta Davids, formed Pali Text Society in London. It was the first Buddhist association in England where a number of European and Asian researchers gathered together to study, write books, translate and publish sutrapitka in Pali and in English. The association published Nagasena Sutra (Kinh Na Tien) in 1890,*

*Pàli (Pàli Text Society), đây là một tổ chức Phật giáo đầu tiên tại Anh quốc, với sự tham gia của nhiều học giả nổi tiếng Âu châu và Á châu để nghiên cứu và biên soạn, chuyển ngữ và in ấn kinh điển bằng tiếng Pàli và Anh văn. Ông đã cho in Kinh Na Tiên năm 1890, Phật giáo lịch sử và văn học in năm 1896, Những pháp thoại của đức Phật in năm 1899, Phật giáo Ấn độ in năm 1903. Anagarika Dharmapala (1864-1933), người Tích Lan, môn đệ của Henry S. Olcott, đã thành lập Hội Maha Bodhi tại Ấn độ vào ngày 31-5-1891. Năm 1892, ông có xuất bản tờ Maha Bodhi, ông đã viết bài Một thế giới Phật giáo thống nhất - A United Buddhist World. Những bài khảo cứu về Phật giáo của những học giả kể trên, và những tác phẩm đã nói, dĩ nhiên là đã được truyền sang và ảnh hưởng đến lớp trí thức Mỹ.*

*Tại Hoa kỳ có Ralph Waldo Emerson vào năm 1820, ông đã chủ trương tờ báo Journal với những bài viết về Ấn độ và châu Á, vào thập niên 30, ông đã viết những bài về Phật giáo, như về nhận thức nhân quả ông đã viết: “Phật giáo là một triết thuyết siêu nghiệm, một hành vi tạo tác dù thiện, dù ác (nhân) đều tạo ra quả và không vượt khỏi luật nhân quả”. Một bài với tựa là Buddhism, ông viết: “Thực thể (hay chân ngã) là sự khẳng định bao la, không có tính phủ định, sự tự cân bằng, hóa giải hết mọi thứ quan hệ dính mắc ràng buộc ... Chân tâm không bị ràng buộc bởi tất cả mọi giới hạn. Trong con người nó luôn được xác định như sự lạc quan tích cực, ngược lại với sự bi quan tiêu cực.”*

*Còn Henry David Thoreau (1817-1862), ông đọc Bhagavad Gita do Charles Wilkens dịch rồi thấm nhuần tư tưởng, học thuật Ấn độ. Tháng 7 năm 1840, ông Emerson cùng bạn bè thành lập tờ báo Dial, ban biên tập có Thoreau làm phụ tá, năm ấy mới có 23 tuổi. Năm 1842, Thoreau làm phụ tá cho Emerson và năm 1844 ông đã giới thiệu cho độc giả Hoa Kỳ bộ Kinh Pháp Hoa Saddhamanpundarika, kinh này ông dịch từ L'Introduction à l'Histoire du Bouddhisme Indien của Eugene Burnouf xuất bản tại Paris. Có bài ông đã viết: “Những lời Phật nói là chân lý tối thượng mà người nghe có thể đạt đến chỗ đoạn diệt hoàn toàn mọi khổ*



*Buddhism History and Literature in 1896, Buddha Dharma Teachings in 1899, Buddhism in India on May 31st, 1891. In 1892 he published Maha Bodhi newspaper and wrote an article named "A United Buddhist World." Many researches, books, and articles about Buddhism spread by the organization had a significant influence on American studies.*

*In the United States, Ralph Waldo Emerson published Journal newspaper in 1820 in which there were many articles about India and Asia. In 1930's he did many researches about Buddhism, i.e. "Cause and Effect" Enlightenment, he wrote: "Buddhism is an outstanding teaching. An action definitely causes an effect no matter if it was an accidental or deliberate one." In writing about Buddhism, he stated, "Upadhi reality is an absolute eternity, not negation, self-balanced character, and self-resolver of all complicated relations. True hearted ego is not tied to any limitations. Inside every being, true hearted ego is defined as a good karma optimistic attitude, opposite to a bad karma pessimistic attitude."*

*After reading "Bhagavad Gita" translated by Charles Wilkens, Henry David Thoreau (1817-1862) became interested in Indian domain of learning. At the age of 23, Thoreau was an assistant editor staff of a newspaper where Emerson was working. In July 1840, Emerson and his friends established the Dial newspaper. In 1842 Thoreau became Emerson's secretary and two years later in 1844 he published Saddhamanpundarika which was translated from the original "L'introduction a L'Histoire du Bouddhisme Indien" by Eugene Burnouf published in Paris. He wrote, "Buddha teachings are extreme truth which leads the followers to nirvana where sufferers stop to achieve Buddha nature. The best way to achieve the Buddha nature is to practice meditation and concentration." He used to do walking meditation in a small cabin. He passed away in 1862. In 1866, John Weiss wrote about đạo; có thể đi theo con đường tốt nhất (Đạo Đế) để đạt được Phật tính và*

*có thể thành Phật. Con đường tốt nhất để đạt được Phật tính là con đường thực hành thiền định”. Ông đã có những lúc hành thiền trong một cabin nhỏ hẹp. Ông mất năm 1862. Năm 1866, John Weiss viết về ông như sau: “Sắc diện trầm tĩnh của Thoreau không có một vết hằn nào diễn tả sự khát vọng hay sự bất mãn; tình cảm và cảm xúc do ảnh hưởng bên ngoài không làm phiền và bào mòn được nó. Ông sống như một nhà sư Phật giáo với mong muốn sớm đạt được đỉnh cao của đời sống thiền định”.*

*Lại còn có nhà thơ Walt Whitman cũng tiếp nhận nhiều quan điểm của Phật giáo, họ cùng sanh hoạt trong Câu Lạc Bộ Tiên Nghiệm, họ đã truyền bá tư tưởng thiền của Phật giáo đến với quần chúng Mỹ thời bấy giờ, họ đã gieo mầm móng để người Mỹ ưa chuộng con đường thiền của Phật giáo sau này.*

*Về các nhà truyền giáo Á châu tại Hoa kỳ, ngày nay người ta được biết có pháp sư Hui Shan và bốn người gốc Kabul ở Afgantistan đã đến Canada, Mỹ và Mexico để truyền bá đạo Phật vào năm 458. Ở lại Canada 3 vị Tăng để hành đạo, còn Hui Shan và một vị Tăng nữa đã đến Trung Mỹ để truyền giáo trong 40 năm, sau đó vì gặp khó khăn với thổ dân, Hui Shan trở về Trung Hoa năm 499. Năm 502, ông được vua Lương Võ Đế tiếp kiến và giao cho Du Kỳ tiếp xúc với Hui Shan để ghi nhận sự kiện truyền bá đạo Phật ở nước ngoài. Sự kiện này sử gia đời Tống Mã Đoan Lâm có ghi lại trong Văn Hiến Thông Khảo. Nhưng công cuộc truyền bá Phật giáo của Hui Shan không có ảnh hưởng gì đến Phật giáo Hoa Kỳ ngày nay.*

*Vào tháng 9 năm 1893, tại Chicago có tổ chức lần đầu tiên một Đại Hội Tôn Giáo Thế Giới thuộc tổ chức The World Parliament of Religion do tiến sĩ J. H. Barrows làm chủ tịch đương thời, Tổ chức này đã mời Pháp sư Anagarika Dharmapala, người Tích Lan đang khôi phục thành tích Bồ*

*Thoreau as follows: “His calm attitude reflects no burning desire or any dissatisfaction; outside loves and emotions could not impact on his attitude. He lived his monk-like life to achieve the extreme result of a meditation life.”*

*Poet Walt Whitman studied Buddhism and propagated Buddhist Zen to Americans at Tien Nghiem Club. He was one of the first persons who set the first steps in introducing Zen to Americans later.*

*In 458, among four Asian monks (three Afghanistanian and one Chinese) coming to Canada to propagate Buddhism, two of the three Afghanistanian monks stayed in Canada and the other two left Canada to the Midwest of America. After forty years living and working as a missionary in the Midwest of America, Huishan - the Chinese monk - came back to China in 499 because of too many difficulties from Native Americans. In 502 Huishan was invited to meet King Luong Vo De to tell the King about his Buddhism propagation cause. A **TSung** historian Ma Doan Lam mentioned Huishan's propagation cause in Van Hien Thong Khai. However, Huishan's propagation work does not have any effect to Buddhism movement nowadays in the United States.*

*In Sempember 1893, in Chicago, the first International Religions Conference held by the World Parliament of Religion by J. H. Barrows, Ph.D, president. This organization invited Sri Lanka master, Anagarika Dharmapala and Zen master Soyen Shaku to restore Bodhimandala in India.*

### ***Anagarika Dharmapala (1864-1933):***

*In Sept. 1893 Anagarika Dharmapala was invited to The World Parliament of Religion (a world religion conference) in Chicago by Doctor J.H. Browns, the chairman of the conference. At the conference, Anagarika Dharmapala gave the committee one of Buddha's sarira,*

*Đề Đạo Tràng tại Ấn độ. Cũng mời Thiền sư Nhật bản Soyen Shaku, mặc dù thiền sư không biết nói tiếng Anh.*

*Anagarika Dharmapala (1864-1933):*

- Ông đến Hoa kỳ dự Đại Hội Tôn Giáo Thế Giới có mang theo một viên ngọc Xá Lợi, một tượng Phật nhỏ và 20 ngàn quyển Ngũ giới (Five Precepts) để tặng Đại Hội. Sau khi Đại Hội bế mạc ngày 26-9-1893, ông được mời giảng tại hội trường Athenaeum với chủ đề Phật Giáo và Thông Thiên Học, ngày 10-10-1893, ông xuống tàu về nước. Trên đường về ông có ghé thăm Nhật bản, Hawaii và Trung quốc.
- Năm 1896 Dharmapala trở lại Hoa kỳ theo lời mời của tiến sĩ Paul Carus, người Phật tử Đức, sống tại Hoa Kỳ. Lần này ông thuyết pháp tại các thành phố New York, Chicago, San Francisco, Grand Rapids, Cincinnati, Duluth, Minneapolis, Iowa City, Des Moines, Dayton và Columbus. Đề tài được yêu cầu thuyết trình nhiều lần là “Sự Hòa Giải của Phật Giáo và Thiên Chúa Giáo”.
- Năm 1897, lần đầu tiên Dharmapala tổ chức lễ Phật Đản đầu tiên trên đất Mỹ. Ba mươi bảy ngọc đèn tượng trưng cho 37 phẩm trợ đạo được thắp sáng và chừng 400 Phật tử người Mỹ đã thành kính lắng nghe Ngài tụng kinh Magala từ bản chép tay trên lá bối.
- Chuyến thứ ba trở lại Mỹ từ năm 1902 đến 1904, ngài đi thuyết pháp nhiều nơi. Đặc biệt đã cảm hóa được giáo sư William James thuộc đại học Harvard.
- Năm 1925 ngài đi Anh quốc, rồi ghé Mỹ cuối cùng. Ngài đã viên tịch ngày 16-1-1933 tại Ấn độ. Trước đó ngài đã xuất gia và thọ cụ túc giới ở Tích Lan. Do sự tranh đấu của Ngài, sau khi Ấn độ độc lập, Bồ Đề Đạo Tràng đã được trả lại cho Phật giáo.

- *a Buddha statue, and 20,000 books of Five Precepts. After the conference, in September 26th, 1893 he was invited to give a speech about Buddhism and Thong Thien Hoc at Athenaeum Hall. He left the U.S. to come back to India in October 10th, 1893. On the way home, he visited Japan, Hawaii, and China.*
- 
- *In 1896 Dr. Paul Carus invited Dharmapala to the U.S again. (Paul Carus was a German Buddhist living in the U.S.) Dharmapala gave speeches in New York, Chicago, San Francisco, Grand Rapids, Cincinnati, Duluth, Minneapolis, Iowa City, Des Moines, Dayton, and Columbus. One of his popular topics was “Buddhism and Catholic Conciliation.”*
- 
- *In 1897 Dharmapala held the first “Buddhist Birthday ceremony in the United States. In the ceremony. 37 lanterns represented for 37 Buddhist Assistant Chapters were lighted on, and about 400 American Buddhists attended the ceremony and respectfully listened to Dharmapala chanting Magala from a handwriting copy on Laboi (a Buddhist paper).*
- 
- *His third time to the U.S was from 1902 to 1904 and he also had speeches at many different places. He met and talked to Professor William Jones (at Harvard University) and made him become interested in Buddhism.*
- 
- *In 1925 he came to England and the U.S for the last time. He passed away in January 16th, 1933 in India. He became a Buddhist monk in Sri Lanka. After his death, Budhamandara Bo De Dao Trang was handed back to Buddhist, due to his contribution to Buddhism Movement in India.*
-

### *Thiền Sư Soyen Shaku (1851-1919):*

- Ông xuất gia năm 1871. Năm 1884 theo học tại Đại Học Keio. Năm 1887 sang Tích Lan học Pàli và tu hành như Tăng sĩ Tích Lan. Ngài đã gặp và quen biết với Đại tá Olcott, do đó ngài được mời tham dự Đại Hội Tôn Giáo Thế Giới năm 1893 tại Chicago. Vì không biết nói tiếng Anh nên ngài viết bài tham luận Luật Nhân Quả của Đạo Phật nhờ sinh viên Daisetz Teitaro Suzuki (sau này là tác giả Thiền Luận) dịch ra Anh văn và nhờ Tiến sĩ Barrows đọc hộ. Sau đại hội, tiến sĩ Carus mời ông và hai vị Tăng Nhật bản khác đến nhà nghỉ của ông ở Lasalle, Illinois. Ở đây, họ đã thảo luận về tôn giáo, triết học và Soyen giúp đọc lại bản thảo của Carus “Lời giáo huấn của Đức Phật”.
- Tháng 6 năm 1905, thiền sư Soyen trở lại Mỹ theo lời mời của thương gia Alexander Russel. Lần này có hai đệ tử đi theo ngài là D.T. Suzuki và Nyogen Senzaki. Sau chuyến hoằng pháp, ngài trở về Nhật bản và viên tịch tại chùa Engakuji vào năm 1919, thọ 68 tuổi.

### *Thiền Sư Daisetz Teitaro Suzuki (1870-1966):*

- Ông có bằng cấp tiến sĩ, là giáo sư của nhiều trường đại học Mỹ, Nhật và Âu châu, là tác giả, dịch giả của hơn 100 tác phẩm Anh ngữ hay Nhật ngữ, được xem là người có công đầu trong việc hoằng truyền thiền Lâm Tế tại Mỹ. Ông sinh trong một gia đình hành thiền Rinzai, theo học thiền công án với thiền sư Kosen, thiền sư tịch năm 1892, ông lại theo học thiền với thiền sư Soyen Shaku, người kế thừa sự nghiệp của thiền sư Kosen.
- Sau khi tốt nghiệp khoa triết ở đại học Tokyo, Suzuki được thiền sư Soyen khuyến khích sang Mỹ du học và phụ giúp tiến sĩ Paul Carus trong việc hoằng dương chánh pháp tại Mỹ, lúc đó Carus

### ***Master Soyen Shaku (1851-1919):***

- *Soyen Shaku became a monk in 1871. In 1884 he studied at Keio University. In 1887 he came to Sri Lanka to learn Pali and lived there as a Sri Lankan monk. In 1893 he was invited to “The World Parliament of Religion” because of this acquaintance with Colonel Olcott. Soyen did not speak English; so Daisetz Teitaro Suzuki, a student who was later the author of “Essays in Zen Buddhism,” translated Soyen's speech to English and Dr. Barrows read it at the conference. After the conference, Master Soyen Shaku and two Japanese monks were invited to stay at Dr. Carus's place in Lasalle, Illinois. They talked about religion, philosophy, and Dr. Carus asked Master Soyen to help him read the draft of Carus's book “Buddha's teachings” before it was published.*
- *In June 1905, Master Soyen and his disciples D.T. Suzuki and Nyogen Senzaki were invited to the U.S. again by Alexander Russel, a business man. Master Soyen came back to Japan and passed away at Engakuji pagoda in 1919, at the age of 68.*

### ***Master Daisetz Teitaro Suzuki (1870-1966):***

*Daisetz Teitaro Suzuki had a Ph.D. degree. He was a professor at many universities in Japan, Europe, and the U.S. He wrote books in Japanese and in English. He was considered as the founder of Lam Te Zen Chan Sect in the U.S.*

*Suzuki was born in a family where all family members practiced Zen Rinzai. He studied Zen with Zen Master Kosen. After Master Kosen passed away in 1892, he continued his study with Zen Master Soyen Shaku who was appointed to take the position after Master Kosen.*

đang làm chủ bút tờ báo *Open Court* ở Lasalle. Trước tiên, Suzuki giúp Carus trong việc dịch quyển *Đạo Đức Kinh*, tiếp theo là dịch phẩm *Sự Thức Tỉnh Của Niềm Tin* (*Awakening of Faith*) của Ashvaghoska. Ông bắt đầu viết tác phẩm đầu tiên là *Đại Cường về Phật Giáo Đại Thừa* (*Outlines of Mahayana Buddhism*), trong thời gian này ông vừa dịch sách vừa học Pàli và Sanaskri. Suzuki ở Lasalle trong thời gian 11 năm để học, dịch thuật, nghiên cứu, viết sách và thỉnh thoảng làm thông dịch cho thiền sư Soyen khi người đến Mỹ hoằng pháp. Năm 1902, ông trở về Nhật kết hôn với Beatrice Erskinelane, một hội viên Thông Thiên Học. Vợ chồng ông sống trong căn nhà nhỏ gần thiền viện Engaku cho đến khi Soyen viên tịch năm 1919, ông mới dọn đến Tokyo. Ông dạy triết học và tôn giáo học tại đại học Otari. Tại đây, ông thành lập hội Nonsectarian Mahayana và phát hành tờ báo *Phật Giáo Phương Đông*. Năm 1927 ông cho xuất bản quyển *Thiền Luận* (*Essays in Zen Buddhism*).

- Năm 1936, Suzuki được mời dạy tại Anh quốc. Tại đây ông gặp Alan Watts, một phụ nữ trẻ tuổi, về sau viết nhiều sách thiền và chủ trương tờ *Buddhism in England*. Ông đã hướng dẫn Alan đến Nhật học thiền.
- Năm 1949, ông đến Honolulu để tham dự Đại hội các Triết gia Đông và Tây lần thứ 2. Tại đây ông gặp Philip Kapleau, đã hướng dẫn vị này xuất gia và tu học tại Nhật bản từ năm 1953.
- Năm 1953, Suzuki được mời dạy tại đại học Columbia, New York. Lúc này ông nổi tiếng về sách thiền, các buổi giảng và hành thiền của ông. Phong trào học hỏi và hành thiền của người Mỹ bắt đầu từ đây.
- Năm 1957, Đại hội Thiền và Phân Tâm Học tổ chức tại Mỹ, Suzuki là một đại biểu nổi bật. Trong năm này ông nghỉ dạy ở



*After graduated in philosophy department at Tokyo University, Suzuki was encouraged by Master Soyen to come to the United States to study and to help Dr. Paul Carus propagating Buddhist Zen. Carus was the editor of “Open Court” newspaper in Lasalle at that time. Suzuki worked for Carus as a translator, and he translated “Dao Duc Kinh”, then “Awakening of Faith” originated by Ashvaghoska. He wrote his first book “Outlines of Mahayana Buddhism” while he was working as a translator and studying Pali and Sanskrit.*

*Suzuki lived in Lasalle for 11 years to study, to write books, and to be a translator for Soyen whenever he came to the U.S.*

*In 1902, Suzuki returned to Japan and married to Beatrice Erskine Lane, a member of Thong Thien Hoc Association. The couple lived in a small house close to Engaku temple. After Master Soyen passed away in 1919, they moved to Tokyo. Suzuki taught philosophy and religion at Otari University. He was also the founder of Nonsectarian Mahayana and published “Eastern Buddhism” (a newspaper), and “Essays in Zen Buddhism” (1927).*

*In 1936, Suzuki was invited to teach at England where he met young Alan Watts, and instructed her to study Zen in Japan. Alan Watts wrote many books of Zen and published “Buddhism in England”.*

*In 1949, Suzuki traveled to Honolulu to attend the second international conference of philosophers from East and West. At the conference he met Philip Kapleau who then became a monk and studied Zen in Japan from 1953.*

*In 1953, he was invited to lecture at Columbia University in New York. At that time he was well-known by his Zen books, lectures at universities, and courses of practicing Zen. His successful work established a foundation for his movement of studying and practicing Zen.*

*olumbia, sau đó được mời giảng ở các đại học Massachusettes, Cambridge, Harvard.*

- *Năm 1959, Hội Phật giáo Cambridge được thành lập, ông được mời giữ chức Chủ Tịch. Ba năm sau ông trở về Nhật Bản tiếp tục dịch và viết sách.*
- *Suzuki mất năm 1966 tại thiền viện Kamakura, hưởng thọ 96 tuổi. Ông là người có ảnh hưởng sâu rộng về Thiền ở Mỹ cũng như các nước khác. Sự nghiệp của ông là công nghiệp của vị Bồ Tát đã hoằng truyền Phật pháp tại Tây phương.*

#### *Pháp Sư Tuyên Hóa (1908-1995):*

- *Pháp sư được xem là nhà truyền bá Phật giáo Trung Hoa thành công nhất tại Mỹ vào cuối thế kỷ 20. Pháp sư sinh năm 1908 tại miền Đông Bắc Trung hoa, lên 11 tuổi xuất gia, năm 1947 cầu pháp với Hư Vân Hòa Thượng, được phú pháp là tổ thứ 9 của dòng thiền Quy Ngưỡng.*
- *Năm 1959, Ngài lên đường sang Mỹ để hoằng pháp tại San Francisco. Ngài thiết lập một thiền đường và tổ chức tu học cho Phật tử.*
- *Năm 1969, ngài nhận cho 5 người Mỹ xuất gia tu học. Đó là bước đầu ngài thành lập Tăng đoàn Tây phương. Cũng trong năm này, ngài lập hội Dịch Kinh, một tổ chức chuyên phiên dịch và in ấn kinh điển, đã xuất bản trên 200 dịch phẩm.*
- *Năm 1970, ngài kiến tạo tu viện Kim Sơn ở San Francisco là một kiến trúc có 3 tầng.*

*In 1957, a conference of Zen was held in the U.S. Suzuki attended the conference and was very distinguished. In this time, he resigned his position at Columbus University to teach at universities of Massachusetts, Cambridge, and Harvard.*

*In 1959, Cambridge Buddhist Association was established and Suzuki was appointed as a chairman. Three years later he returned to Japan and continued his translation work and writing books. Suzuki passed away in 1996 in Kamakura Zen Institute at the age of 96. He was a Zen Master whose influence of Zen practicing widely and deeply not only in American but also in other countries. His dedication was a Bodhisattva who spread Buddha's teachings to the West.*

#### ***Master Tuyen Hoa (1908-1995):***

*Master Tuyen Hoa is considered as the most successful missionary in the U.S. in the last couple decades of the 20<sup>th</sup> century. He was born in 1908 in the North east region of China. He became a monk at the age of 11. In 1917 he studied with Master Hu Van and then he was appointed to be the ninth master of Quy Nguong Chan Sect.*

*In 1959, he came to the U.S. to teach Buddhism in San Francisco. He built a small Zen school and helped the Buddhists to practice Zen.*

*In 1969, he taught five Americans and guided them to become monks. It was the first step for him to form the Western Shanga. Also in this year, he formed a Dharma Translation Association to translate and publish dharma books. The association has published more than 200 dharma books.*

*In 1970, he constructed Kim Son Buddhist Center, a three-story building, in San Francisco.*

- Năm 1972, ngài là Hòa Thượng đầu đàn truyền giới tại Mỹ đầu tiên, có 200 Tăng, Ni ở Mỹ và các nước khác đến thụ giới.
- Năm 1974, ngài đã mua một bệnh viện tâm thần cũ của Mỹ tại California, diện tích 488 mẫu, kiến trúc này được xây từ 1930, có 70 tòa nhà, 2000 phòng. Toàn khu có thể chứa 20 ngàn người. Đây là một tu viện Phật Giáo lớn nhất tại Mỹ, trang bị hiện đại, được ngài đặt tên là Vạn Phật Thánh Thành (City of Ten Thousand Buddhas).
- Pháp sư Tuyên Hóa cũng nổi danh về đức khiêm cung vô ngã và lòng từ bi vô biên đối với chúng sanh. Ngài viên tịch ngày 10 tháng 5 năm Ất Hợi (7-6-1995) tại Vạn Phật Thánh Thành, California, Hoa kỳ.

#### *Thiền Sư Soen Sa Nim:*

- Ngài là thiền sư Đại Hàn đầu tiên hoằng pháp tại Mỹ. Ngài xuất gia năm 1949, du học 9 năm ở Nhật bản và Hồng Kông. Năm 1972, ngài đến Los Angeles, nơi có cộng đồng người Đại Hàn sinh sống. Bước đầu tại Mỹ ngài phải sống vất vả, đi làm tại một cửa hàng giặt ủi để có tiền đi học Anh văn, trả tiền nhà và thức ăn. Ngài được giáo sư Leo Prudes, dạy ở phân khoa Phật học tại đại học Browns mời giảng cho sinh viên của ông. Dịp này, ngài được hai sinh viên Mỹ mời về nhà dạy thiền cho họ. Sau đó ngài thành lập trung tâm thiền Providence ở Rhode Island.
- Năm 1974, ngài đi giảng pháp ở khắp nước Mỹ, dạy cho người Mỹ tụng kinh, niệm Phật, niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm. Tiếp đó, ngài xây chùa Tah Mah Sahl ở Los Angeles; Trung tâm thiền Quốc tế ở New York, Trung tâm thiền ở Cambridge ... để có nơi cho người Đại Hàn và Mỹ tu học. Nhờ ngài mà nhiều người Mỹ tìm đến Đại hàn để tu học, nghiên cứu Phật giáo.

*In 1972, he was the first master in the U.S. to pass Buddha's Disciplines to more than 200 monks and nuns coming from all over America and other countries.*

*In 1974, he bought an old psychiatric hospital in California. This hospital was built on a 144 acre land in 1930, including 70 buildings with 2000 rooms, and it could host 20,000 people. It was the biggest modernized equipped Buddhist center in the U.S. He named the center "The City of Ten Thousand Buddhas".*

*Tuyen Hoa Master was famous by his modesty, unlimited compassion to living things. He passed away in May 10<sup>th</sup>, 1995 (Lunar Calendar) at the City of Ten Thousand Buddhas Center.*

### ***Master Soen Sa Nim:***

*Master Soen Sa Nim was the first Korean Zen Master teaching Buddhism in the U.S. He became a monk in 1949. He spent nine years abroad studying in Japan and Hong Kong. In 1972, he came to Los Angeles where a large Korean Community lived. His first few years in the U.S. he worked very hard in a laundry store to earn his lining and to study English. He was invited to teach Buddhism at Brown University by Leo Prudes, a professor of the Buddhism Department of Brown University. During this time, he taught Zen mediation to two American students; then, later he established Zen Studying Center Providence in Rhode Island.*

*In 1974, he traveled and taught Buddha's teachings all over America. Next, he built Tah Mah Sahl in Los Angeles, International Zen Center in New York, and Zen Center in Cambridge for Korean and American Budhists. Thanks to his work, many Americans came to Korea to study and practice Buddhism.*

*Lạt Ma Thubten Yeshe (1935-1984):*

- *Ngài sinh vào tháng 5 năm 1935 tại ngoại ô thủ đô Lhasa của Tây Tạng, lên 6 tuổi ngài xuất gia và trải qua 20 năm tu luyện tại tu viện Sera ở Lhasa.*
- *Năm 1959, ngài tị nạn sang vùng Đông Bắc Ấn Độ, tại đây ngài học Anh văn. Năm 1961, ngài thu nhận đệ tử đầu tiên là quận chúa Zina Rachevsky người Nga. Gia đình quận chúa này tị nạn ở California, giàu có, cô đã hư hỏng vì sự giàu sang đó, đã sống một thời bê tha, trác táng với nhóm nghệ sĩ và Hippie. Khi đến Ấn Độ, cuộc đời đã dần rũi cô gặp Lạt Ma Yeshe. Sau 9 tháng học hỏi giáo lý, cô xuất gia và đến Nepal tu học. Tại đây, sư cô Zina đã mua một khu đất và kiến tạo tu viện Kopan tại thủ phủ Kathmandu. Sau 3 năm nhập thất tu tập, sư cô Zina đã qua đời ở tuổi 42.*
- *Tháng 11 năm 1971, Lạt Ma Yeshe mở khóa tu Lam Rim (Tiệm Đạo) dành cho 250 người Tây phương đến tu học. Trong khóa này có cô Max Mathews (người Mỹ) và ông Nick Ribush (người Úc) xuất gia.*
- *Năm 1974, Lạt Ma Yeshe, Lạt Ma Zopa và sư cô Max Mathews đến Indiana (Mỹ) thăm nhóm thiền sinh Lois - Bois Wood (những người đã đến Ấn Độ tu học), sau đó đến Úc và lập tại Queensland một viện Quan Âm, đây là trung tâm Phật giáo Tây Tạng đầu tiên, khởi đầu cho các trung tâm khác ở Âu châu, Mỹ châu.*

*Tháng 11 năm 1975, tại California, Lạt Ma Yeshe tuyên bố thành lập Hội Bảo Tồn Phật Giáo Đại Thừa (Foundation for The Preservation of The Mahayana Teachings, viết tắt FPMT), tổ chức này phát triển rất nhanh, đến nay đã có trên 100 chi nhánh ở 20 quốc gia như Nepal, Ấn Độ, Anh, Mỹ, Pháp, Úc, Đức, Ý, Tây Ban Nha, Hà Lan, Ba Tây, Hy Lạp, Nhật Bản, Đài Loan... Ngoài ra còn*

***Latma Thubten Yeshe (1935-1984):***

*Thubten Yeshe was born in May 1935 in the countryside of Lhasa in Tibet. He became a monk when he was 6 years old and lived 20 years in Sera temple in Lhasa.*

*In 1959, he moved to northeast region of India. In 1961, he accepted Russian princess Zina Rachevsky as his first disciple. Rachevsky's family once lived in California where she spent all her youth in partying and other amusing activities with her Hippie friends. When she came to India, she met Yeshe. After nine months of studying Buddhism, she became a nun and moved to Nepal. She bought a piece of land to build Kopan Temple in Katmandu capital. After 3 years of self-studying in an isolated temple, Nun Zina passed away at the age of 42.*

*In November 1971, Master Yeshe held a Lam Rim practicing course for 250 American people. After the course, Max Mathews (American) and Nick Ribush (Australian) became nun and monk.*

*In 1974, Master Yeshe, Master Zopa and Max Mathews (a nun at that time) came to Indiana (U.S.) to meet Lois-Bois Wood, a group of Zen practitioners. Then they came to Australia and formed a Quan Am center in Queensland. It was the first Tibet Buddhist center setting the foundation for the spread of Tibet Buddhism in Europe and in the U.S.*

*In November 1975, Master Yeshe formed a “Foundation for The Preservation of The Mahayana Teachings” (FPMT) in California. The organization was growing rapidly with Wisdom Publication in Massachusetts, Buddhism Institution in Toulouse, France, and 100 branches of the organization in 20 countries such as Nepal, India, England, U.S., France, Australia, Germany, Italia, and so on.*

- có một nhà xuất bản rất thành công là *Wisdom Publication* ở *Massachusetts* và một *Phật học viện* ở *Toulouse, Pháp* cung cấp một chương trình tu học đa diện cho các Tăng sĩ phương Tây.
- Ngày 3-3-1984, ngài viên tịch vì bệnh tim tại *Los Angeles*, thọ 49 tuổi. Sự nghiệp của ngài giao lại cho *Lạt Ma Zopa*. Sau này người ta tìm được hóa thân của ngài là *Osel Hita Torres*, sinh ngày 12-2- 1985 tại *Bubion, Tây Ban Nha*. Hiện nay *Lạt Ma Osel* đang tu học tại tu viện *Sera* ở miền *Nam Ấn Độ*.

*Hòa Thượng Thích Thiên Ân (-1980):*

- Tên thật là *Đoàn Văn An*, người *Thừa Thiên*, con của *Thượng Tọa Thích Tiêu Diêu*, người đã tự thiêu trong cuộc pháp nạn năm 1963 tại *Huế*. Ngài xuất gia từ nhỏ, năm 1953 sang *Nhật bản* du học, tốt nghiệp tiến sĩ văn chương tại đại học *Waseda, Tokyo* vào năm 1963. Năm 1964, ngài về nước, làm giáo sư tại *Đại Học Văn Khoa* thuộc *viện Đại Học Saigon*, là *Khoa trưởng Phân Khoa Văn Học* và *Khoa Học Nhân Văn* đầu tiên của *Viện Đại Học Vạn Hạnh*.
- Năm 1966, trong chương trình trao đổi giáo sư giữa các Đại học Việt Nam và Hoa Kỳ, ngài sang dạy ngôn ngữ và triết học tại đại học *UCLA*, sau đó ngài là giáo sư chính thức tại *LACC*.
- Tại *Nhật Bản*, ngài học theo truyền thống *Rinza, Nhật bản*; nên ở Mỹ, do yêu cầu của sinh viên, ngài thuê một căn nhà ở *Hollywood* để hướng dẫn sinh viên Mỹ tu thiền. Năm 1970, ngài thành lập *Trung Tâm Thiền Học Quốc Tế (International Buddhist Meditation Center)* tại phía nam đại lộ *Vermont, Los Angeles*. Ngay từ đầu đã có nhiều sinh viên Mỹ xin xuất gia tu học, nổi bật có sư cô *Karuna Dharma*, tiến sĩ Phật học, sau này là một trong những người kế thừa sự nghiệp của ngài.



*In March 3<sup>rd</sup> 1984, Master Yeshe passed away in Los Angeles at the age of 64. Master Zopa was appointed to take over Master Yeshe's position. Later, we found his reincarnation that is Osel Hita Torres, born on 12-2-1985 in Bubion, Spain. Currently, latma Osel is studying at Sera temple in Southern India.*

***Most Venerable Thich Thien An( -1980):***

*Master Thien An, whose real name was Doan Van An, was born in Thua Thien, Vietnam. He was a son of Master Tieu Dieu who burned himself in Hue in 1963. He became a monk when he was very young. In 1953, he came to Japan to study. He earned a doctorate degree of Literature at Waseda University in Tokyo in 1963. In 1964, he returned to Vietnam and taught literature in Saigon University. He was the first Dean of Literature and Human Study Department of Van Hanh University.*

*In 1966, he came to the U.S. to teach linguistics and philosophy at UCLA under a professor's exchange program between Vietnam and the U.S. Later he became a professor at UCLA.*

*While living in Japan, he studied Zen Rinza; so when he came to the U.S. he rented a place in Hollywood and taught his students to practice Zen. In 1970 he formed an International Buddhist Meditation Center at Vermont Ave, Los Angeles. Among his American disciplines was nun Karuna Dharma (she had the doctorate degree in Buddhism) who later took over his position after he passed away.*

*In 1973, he held a Passing Buddha's Disciplines Course for monks and nuns. He also formed an Oriental university in Los Angeles, CA with some other scholars.*

*In 1975, the population of Vietnamese immigrants increased rapidly. Master Thien An, with the help of Vietnamese American Buddhist*

- Năm 1973, ngài tổ chức giới đàn để truyền giới Tỳ kheo (250 giới), Tỳ kheo ni (348 giới) và Pháp sư (25 giới) được trao cho y vàng và một tọa cụ. Cũng năm này, ngài cùng với các nhà giáo dục Mỹ, Nhật, Đại Hàn, Tây Tạng, Tích Lan thành lập Viện Đại Học Đông Phương tại Los Angeles, California, Hoa Kỳ.
- Năm 1975, làn sóng người Việt tỵ nạn tại Hoa kỳ, ngài cùng với hội Ái Hữu Phật Tử Việt Mỹ đã mua ngôi nhà để làm chùa Phật Giáo Việt Nam tại Los Angeles, đến năm 1976 ngài mua một cơ sở khác để làm chùa A Di Đà.
- Vào các ngày 29, 30 và 31 tháng 12 năm 1978, tại Los Angeles, dưới sự chủ trương của ngài, một Đại Hội Phật Giáo gồm 14 phái đoàn thuộc các tiểu bang tại Hoa Kỳ, một phái đoàn Phật Giáo Ấn Độ, qui tụ 50 đại biểu, đã thành lập Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam.
- Ngài chủ trương một tạp chí lấy tên Phật Giáo Việt Nam, đến nay tạp chí này vẫn còn tiếp tục ấn hành.
- Ngày 6 tháng 5 năm 1979, một Đại Hội Tăng Già Phật Giáo Việt Nam tổ chức tại chùa Giác Hoàng ở Washington DC, mặc dù ngài khiếm diện, Đại Hội cũng đã tôn vinh ngài lên ngôi vị Hòa Thượng.
- Năm 1980, ngài mua 80 mẫu đất ở đường Glandale và Fwy 5 tại Los Angeles để làm Đại Tông Lâm cho Phật Giáo Việt Nam.
- Do ung thư gan, Hòa Thượng Thích Thiên Ân đã viên tịch ngày 23-11-1980. Công nghiệp của ngài vẫn được nhiều người kế thừa và người ta tôn vinh ngài là một vị Sơ Tổ của Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ.

*Association, bought a house and remodeled it into a Vietnam Buddhist Temple in Los Angeles. In 1976, he bought another facility to build ADIDA temple.*

*From December 29<sup>th</sup> to 31<sup>st</sup> 1978, he held a Buddhist conference which included 14 Buddhist delegations from different states and one delegation from India, with the total of 50 delegates, and formed Vietnamese Buddhist General Congregation.*

*Buddhist Magazine, which was established by Master Thien An, is now still circulated in the U.S.*

*05/06/1979, Vietnamese Shanga Conference was held at Giac Hoang temple, Washington DC and he was appointed to a Most Venerable Thien An.*

*In 1980, he brought 80-acre land in Los Angeles to build a village for Vietnamese Buddhist monks.*

*Master Thien An passed away in November 23, 1980 because of a lung cancer. Master Thien An was considered the first founder of Vietnamese Buddhist in the U.S.*

*Vietnam Buddhist Congregation in the U.S. nowadays has more than 6 branches. The oldest branch is Vietnam Buddhist General Congregation which was formed in December 31<sup>st</sup> 1978 in Los Angeles and Master Man Giac is the chairman. The strongest branch is United Buddhist Congregation which was formed in September 27 1992 and Master Ho Giac is the chairman.*

*Vietnam Buddhist Congregation in the U.S. has more than 100 pagodas and temples in different states. In California, where Vietnamese*

*Phật giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ hiện nay có đến 6 Giáo Hội, chưa kể 3 Giáo Hội Thế Giới. Giáo Hội lâu đời nhất là Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam được thành lập ngày 31-12-1978 tại Los Angeles, nay do Hòa Thượng Thích Mãn Giác làm Hội Chủ, Giáo Hội mạnh nhất là Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ thành lập ngày 27-9-1992, do Hòa Thượng Thích Hộ Giác làm Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành.*

*Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ có hơn 100 ngôi chùa rải rác các tiểu bang, nhưng tập trung nhiều nhất là California, có chừng trên 300 Tăng Ni.*

*Cơ quan ngôn luận có tạp chí Phật Giáo Việt Nam, Phật Giáo Hải Ngoại, Trúc Lâm, Hoa Sen. Có nhà xuất bản Phật Học Viện Quốc Tế, Lá Bối, Sinh Thức. Có chương trình phát thanh Phật Giáo ở California. Trang nhà thuộc Phật Giáo Việt Nam trên Internet có rất nhiều.*

*Ngoài ra có cộng đồng người Thái, Lào, Miên đều có riêng tu viện và Tăng sĩ để họ tu học và hành lễ theo nghi thức riêng của Phật giáo nước họ.*

*Thiền sư người Mỹ Philip Kapleau (1912- ):*

- Ông sinh ra trong gia đình có đạo Tin Lành. Ông học luật. Sau khi tốt nghiệp, ông làm thư ký nhiều năm ở Tòa Án Liên Bang Mỹ. Sau thế chiến thứ hai (1939-1945), ông được chỉ định làm báo cáo viên tại hai Tòa Án Quốc Tế tại Nurember ở Đức và Tokyo ở Nhật Bản.*
- Ở các phiên tòa tại Tokyo, Kapleau nhận thấy người Nhật có thái độ chấp nhận hậu quả chiến tranh với sự điềm tĩnh, qua đó, ông thấy người Nhật chịu ảnh hưởng tôn giáo, chấp nhận cuộc đời, tất cả những thứ đó kích thích, thúc bách ông tìm hiểu. Sau khi gặp Suzuki, Phật giáo đã cuốn hút tâm hồn ông, vì giáo lý cao siêu, thực tiễn.*

*community is strong, there are a lot of Vietnamese Buddhist temples with about 300 monks and nuns.*

*The Congregation has its own press like Vietnamese Buddhist Magazine, Oversea Vietnamese Buddhism, Lotus, Truc Lam, International Institution of Buddhism Publisher, La Boi Publisher, Sinh Thuc Publisher, a Vietnamese Buddhist Radio in California, and many websites.*

*In addition, there are Thais, Laos, and Cambodia communities with many temples where native monks live, study and worship accordingly to each nation traditions.*

***Master Philip Kapleau (1912- ):***

*Philip Kapleau was born in a Baptist family. After getting a degree in laws, he worked as a secretary at Federal Court for many years. After the WWII, he was appointed as a reporter at International Court in Nuremburg, Germany and Tokyo, Japan.*

*While working at International Court in Japan, Kapleau admired Japanese people since they accepted their heavy lost in World War II with a calm attitude. He thought that Buddhism was a significant factor that built up the calmness in Japanese people. After meeting Suzuki, he was interested in Buddhism because of its practical teachings.*

*In 1953, at the age of 44, he quit his job to come to Japan to study Buddhism. In Japan, he faced a lot of difficulties because he did not speak Japanese. He was finally accepted to live in Master Soen's Hosshinji Pagoda.*

*He was the first American monk. After 13 years of studying Buddhism in Japan with Master Soen and then with Master Yasutani, he attained Năm 1953, ở tuổi 44, ông đã thôi việc. Theo lời hướng dẫn của Suzuki, ông đến Nhật Bản để tìm sư học đạo. Ông không biết tiếng Nhật nên việc thu nhận vào thiền viện gặp nhiều khó khăn. Cuối cùng, thiền sư Soen tiếp nhận ông vào tu tại thiền viện Phát Tâm (Hosshinji).*

- Đây là vị Tăng đầu tiên người Mỹ. Sau 13 năm tu học tại Tokyo với thiền sư Soen ở chùa Hosshinji, rồi học thiền với thiền sư Yasutani, năm 1958 ông đã ngộ đạo và được thiền sư Yasutani ấn chứng ban cho danh hiệu Lão sư (Roshi), một danh hiệu chỉ ban cho ai đã chứng ngộ. Ông đã ghi chép những lời giảng về thiền của Yasutani thành tác phẩm nổi tiếng là Ba Trụ Thiền (Three Pillars of Zen) in tại Nhật Bản năm 1965.
- Năm 1966 Kapleau trở về Mỹ thành lập trung tâm thiền Rochester ở New York. Thập niên 70, ông đi khắp nước Mỹ để truyền bá pháp tu thiền. Ông cũng được mời đến Canada, Mexico, Costa Rica, Đức, Pháp và Ba Lan. Phong cách bình dị, phẩm hạnh cao trội khẳng định thêm giá trị ba trụ thiền. Thiền đã được phổ biến rộng khắp và đi sâu vào từng tâm thức cá nhân. Người ta đổ xô đến trung tâm Rochester để tu thiền.
- Năm 1980, ông cho ấn hành tác phẩm nổi tiếng khác: Thiền, Ánh Bình Minh ở Phương Tây (Zen Dawn in the West).
- Ông là một thiền sư Mỹ nổi tiếng, ảnh hưởng của ông lan rộng vùng Đông Bắc Mỹ. Ngoài Kapleau ra, cũng còn nhiều vị Tăng Mỹ danh tiếng khác.

**Kết quả ngày nay đã mang đến cho nước Mỹ một nền Phật giáo như sau:**

Có hơn 30 hội đoàn Phật giáo lớn được thành lập tại Mỹ, nổi bật trong đó là Hội Thanh Niên Phật Tử (Young Men Buddhist Association), thành lập năm 1896; Hội Phật Giáo Bắc Mỹ (The the awakening level of mastering Buddhism. In 1958, Master Yasutani recognized his awakening and gave him the name of Roshi, a name for one who attains the awakening level of mastering Buddhism. Kapleau wrote and published “Three Pillars of Zen” (1965 in Japan) which based on Master Yasutani’s teachings about Zen.

*In 1966, Kapleau returned to the U.S. and formed Rochester Zen Center in New York. In 1970s he made a tour around the U.S. to teach Zen. During this time, he was also invited to come to Canada, Mexico, Costa Rica, Germany, France, and Poland to instruct people how to practice Zen. Practicing Zen became popular as well as Rochester Zen Center in New York.*

*In 1980, he published “Zen Ở Dawn in the West” which became a very famous book.*

*Kapleau was an American Zen Master whose influence of Zen practice was wide and deep in northeast region of America. In addition to Master Kapleau, there are many famous masters who contributed their lives and works into spreading Buddhism in the U.S.*

### ***Summary:***

*Nowadays, there are more than 30 Buddhist associations in the U.S. such as Young Men Buddhist Association formed in 1896, The North American Buddhist Mission formed in 1899, the Buddhist Churches of America formed in 1905, The Dharma Realm Buddhist Association formed in 1969, and The Foundation for The Preservation of Mahayana Teachings formed 1975.*

*There are more than a thousand temples, pagodas, Zen centers and about ten million Buddhists all over the U.S.*

*North American Buddhist Mission) thành lập năm 1899; Hội Phật Giáo Mỹ Quốc (The Buddhist Churches of America) thành lập năm 1905; Tổng Hội Pháp Giới Phật Giáo (The Dharma Realm Buddhist Association) ra đời năm 1969; Hội Bảo Tồn Phật Giáo Đại Thừa*

*(The Foundation for The Perservation of Mahayana Teachings)  
thành lập năm 1975 ...*

- *Có trên 1000 tự viện, tịnh thất, niệm Phật đường, trung tâm tu học trên khắp nước Mỹ và có khoảng 10 triệu Phật tử hay tự nhận mình là Phật giáo.*
- *Có trên 15 Đại học Hoa Kỳ có Phân khoa Phật học, cấp bằng Phật Học được cấp phát từ Cử nhân đến Tiến sĩ.*
- *Có 6 nhà xuất bản tại Hoa Kỳ: Snow Lion, Wisdom Publication, Asian Humanities Press, Motilai Banaridass, Harper & Row, Shambhala.*
- *Có hơn 10 tờ báo ấn hành tại Hoa Kỳ, nổi bật nhất có tạp chí Tricycle Buddhist Review, tạp chí Mandala, tạp chí Shambhala Sun, tạp chí Turning Wheel..*
- *Tài liệu giáo lý kinh sách đã được đưa vào Internet từ năm 1993.*

*Thiền như một luồng gió mát, mang đến cho người Mỹ sự thích hợp để tu tập, thêm vào đó trong những năm gần đây, người Mỹ đã nhen nhúm lòng tin rằng con người có luân hồi. Phật Giáo sẽ mang lại cho người Mỹ đầy ý nghĩa nhân sinh, giải quyết thỏa đáng cho họ mọi thắc mắc về cuộc đời trong tinh thần tự do và phù hợp với khoa học.*

*Không riêng gì tại Hoa Kỳ, Phật giáo ở các nước Tây phương có tiền đồ ngày càng sáng lạn.*

*(Chính Hạnh Phật Học 14/6/1998)*

*There are more than 15 universities, which have Buddhism Department where people can get B.A and Ph.D degree of Buddhism.*



*There are 6 Buddhist publishing firms in the U.S.: Snow Lion, Wisdom Publication, Asian Humanities Press, Motilai Banaridass, Harper & Row, and Shambhala.*

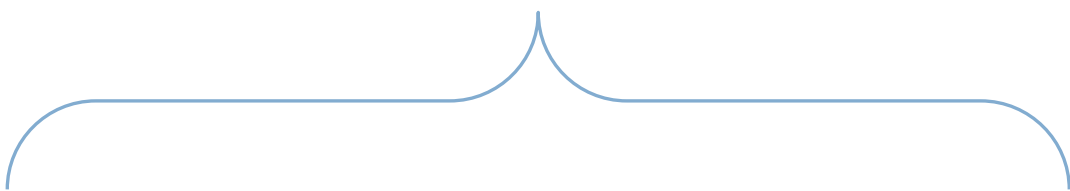
*Among ten Buddhist newspapers, which are still circulated in the U.S., the most popular ones are Tricycle Buddhist Review, Mandala, Shambhala Sun, and Turning Wheel.*

*From 1993, a lot of Buddha's teaching documents have been posted to the web.*

*Zen appears as a calm, comfortable breeze to the busy American who learned that practicing Zen meditation is appropriate with their lifestyles. Recently, the Americans start their belief in the cycle of rebirths. Buddhism might have shown the Americans the significant of mindful being, satisfied answers to life in term of freedom and scientific and technology reality.*

*Not just in the U.S., Buddhism grows its bright future in many other Western countries.*

*(Chinh Hanh, Phat Hoc 48, 1988)*



*Let us rise up and be  
thankful, for if we didn't  
learn a lot today, at least  
we learned a little, and if  
we didn't learn a little, at  
least we didn't get sick, and  
if we got sick, at least we  
didn't die; so, let us all be  
thankful*

*Gautama Buddha*



Huynh Trưởng Phụ Trách\_\_\_\_\_

Ngày:\_\_\_\_\_

Handwriting practice lines consisting of 30 horizontal dotted lines.

## ***Vua Trần Nhân Tông và Trúc Lâm Yên Tử***

*Năm 1299, vua Nhân Tông xuất gia tại chùa Hoa Yên núi Yên tử, lấy hiệu là Hương Vân Đầu Đà (sau này vua đổi hiệu là Trúc Lâm Đầu Đà). Vua được nhận là người truyền thừa chính thức của phái Yên Tử, thế hệ thứ sáu, tiếp nối vị tổ sư thứ năm là thiền sư Huệ Tuệ. Từ đó trở đi, phái Yên Tử trở thành nổi tiếng, thế lực lan rộng trong triều đình và giữa nhân gian. Một ông vua đã từng đánh bại cuộc xâm lăng của nhà Nguyên, một ông vua đã đem hòa bình và thịnh trị cho dân, một ông vua như thế khi đi xuất gia chắc chắn đã gây nên một tiếng vang lớn và khiến tất cả mọi người trong nước hướng nhìn về ngọn núi Yên Tử. Đạo Phật trở thành yếu tố tâm lý liên kết toàn dân lại trong một mục đích xây dựng và bảo vệ quốc gia. Nhân Tông và Anh Tông là những nhà chính trị giỏi, nhưng đồng thời cũng là những Phật tử thật sự. Nhà phê bình lịch sử có thể nói họ lợi dụng đạo Phật cho chính trị nhưng nhà phê bình văn hóa cũng có thể nói họ là những người Phật tử sùng đạo.*

*Phong trào Phật giáo nhập thế gọi là Trúc Lâm yên Tử chỉ hưng thịnh cho đến khoảng giữa thế kỷ thứ mười bốn. Sau đó, phong trào yếu dần. Từ đây cho đến cuối thế kỷ thứ mười sáu, thiếu sự nâng đỡ của những ông vua Phật tử, đạo Phật rút lui về căn cứ của mình ở chùa trên núi và nơi thôn quê. Các chùa ở thủ đô Thăng Long thôi đóng vai trò quan trọng về chính trị.*

*Một thời gian sau ngày xuất gia, vua Nhân Tông đã đổi pháp hiệu là Trúc Lâm. Ta biết rằng vị tổ thứ hai của thiền phái Yên Tử, thiền sư Đạo Viên (hay Viên Chứng) ngày xưa đã được ban hiệu là Trúc Lâm quốc sư. Nhân Tông đã xuất gia và đã trở nên một vị cao tăng, tổ sư thứ sáu của phái Yên Tử và là tổ sư thứ nhất của phái Trúc Lâm: ta gọi vua bằng pháp hiệu Trúc Lâm của vua, trong khi không quên rằng Trúc Lâm quốc sư Đạo Viên là một vị tiền bối của vua.*

## ***KING TRAN NHAN TONG AND TRUC LAM YEN TU CHAN SECT***

*In 1299 King Tran Nhan Tong became a monk having the name of Huong Van Dau Da (then had another name Truc Lam Dau Da). He lived in Hoa Yen Pagoda. He was the sixth founder of Yen Tu Chan Sect after Master Hue Tue O the fifth founder. Yen Tu Chan Sect became popular and since then had its influence on the Tran Dynasty as well as ordinary people's lives. King Tran Nhan Tong was a King who had defeated the Mongol invaders, bringing peace and happiness to his people. His resigning the throne and becoming a monk made people admire him and Yen Tu Mountain where the King lived after becoming a monk was considered as a symbol of a spiritual life. Buddhism then became a significant factor that united people's heart and mind to build and to protect the nation. Tran Nhan Tong and Tran Anh Tong were not only talented politicians but faithful Buddhists. From historians' viewpoint, Tran Nhan Tong and Tran Anh Tong were excellent politicians who made use of Buddhism for their political purposes; however, they were seen as faithful Buddhist by cultural researchers.*

*The movement of applying Buddhism to daily life named Truc Lam Yen Tu had been popularized until the middle of the 14<sup>th</sup> century, and then the movement gradually slowed down. From this time to the 16<sup>th</sup> century, because there were not significant supports like before, Buddhism remained only in small pagodas in the mountains or in the countryside. Pagodas in Thang Long capital no longer played their political role as they did previously.*

*After becoming a monk, King Tran Nhan Tong had himself another name as Truc Lam. Truc Lam was once the name of Master Dao Vien or Vien Chung, the second founder of Yen Tu Chan Sect, who was given the title "National Advisor" by the king of that period of time.*

*Trúc Lâm Đầu Đà tên tục là Trần Khâm, con của vua Trần Thánh Tông, sinh năm 1258, lên ngôi vua năm 20 tuổi, xuất gia năm 41 tuổi và tịch năm 1308 vào lúc 51 tuổi. Tác giả Đại Việt Sử Ký Toàn Thư viết: “Vua được tinh anh của thánh nhân, đạo mạo thuần túy, nhan sắc như vàng, thể chất hoàn toàn, thần khí tươi sáng, hai cung đều cho là lạ, gọi là Kim Tiên Đồng Tử; ở vai bên tả có nốt ruồi đen, cho nên có thể cáng đáng được việc lớn: ở ngôi 14 năm, nhường ngôi 5 năm, xuất gia 8 năm, thọ 51 tuổi, băng ở am Ngọa Vân núi Yên Tử. Hòa nhã, cố kết lòng dân, sự nghiệp phục hưng làm vẻ vang đời trước, thực là vua hiền của nhà Trần. Song vui lòng ở kinh Phật, tuy bảo là đến siêu thoát, nhưng không phải là đạo trung dung của thánh nhân”. Sử thần Ngô Sĩ Liên còn nói: “Nhân Tông trên thờ Từ Cung tỏ rõ hiếu đạo, dưới dùng người hiền lập nên võ công, nếu không phải bậc nhân minh anh vũ thì sao được như thế? Duy có việc xuất gia là không hợp với đạo trung dung”. Đó là những lời phê bình về vua Nhân Tông của các sử thần theo Nho Giáo.*

*Hồi còn nhỏ tuổi, Trúc Lâm đã có ý không muốn làm vua, và muốn nhường địa vị đông cung thái tử cho em. Sách Tam Tổ Thực Lục nói: “Một đêm vào giờ Tý, vua vượt thành mà đi, muốn đến núi Yên Tử. Đến chùa ở núi Đông Cứu thì trời sáng, liền vào ẩn nấp trong tháp. Vị tăng trụ trì thấy tướng mạo dị thường liền đem thức ăn khoản đãi. Hôm ấy thái hậu và vua Thánh Tông sai quần thần đi tìm tử tán, bắt đắc dĩ vua phải về. Khi lên ngôi, tuy ngồi trên chín bệ vinh quang nhưng sinh hoạt rất thanh tịnh. Một hôm ngủ trưa tại chùa Tu Phúc trong đại nội, vua mộng thấy trên rốn mình nở ra một hoa sen lớn như bánh xe, trên đó có đức Phật vàng. Bên cạnh, có người chỉ vào vua mà hỏi: biết đức Phật này không? Đó là đức Biến Chiếu Tôn đấy! Vua tỉnh thức, đem giấc mộng nói lại cho Thánh Tông nghe, ai cũng lấy làm lạ. Từ đó thường ăn chay tránh thịt cá, long nhan gầy mòn. Thánh Tông thấy thế lấy làm lạ, hỏi. Điều Ngự (tức Nhân Tông) cứ thực trình bày. Thánh Tông khóc nói: Ta đã già, trông cậy vào một mình người, nếu người như thế thì làm sao nối được thịnh nghiệp của tổ tông?*

*Truc Lam Dau Da, whose real name was Kham Tran, was the eldest son of King Tran Thanh Tong. Kham Tran was born in 1258, took the throne at the age of 20, became a monk at 41, and passed away in 1308 at the age of 51. “Dai Viet Su Ky Toan Thu” (The Complete History of the Great Viet) wrote: “the King was very smart, talented, and good-looking. There was a black dot on his right shoulder that was a sign of a national leader. He was on the throne for 14 years, abdicating for 5 years, leaving his royal life for a monk for 8 years, and passed away at the age of 51 at Ngoa Van Pagoda in Yen Tu Mount. He was a very gentle man who always tried to unify all people for a noble cause of building the nation. His success of rebuilding the nation honored his forefathers. He was a good king of the Tran Dynasty and also a person who admired and thoroughly mastered Buddhism.” Historian Ngo Si Lien wrote: “The fact that King Tran Nhan Tong worshipped Tu Cung to show his respect and that he chose good and faithful people to serve and help him showed that he was an outstanding person. However, only becoming to a monk was not in the Midway theory.” That was also comments from Confucian historian.*

*When Tran Nhan Tong was very young, he was chosen to be the king, but he did not want to become a king and was willing for his brother to take the position instead of him. Tam To Thuc Luc (book of the Tran Dynasty) wrote: “One night, the King escaped the castle and went to Yen Tu Mountain. At dawn the King got into a small temple at Dong Cuu Mount and hid himself in a tower. Seeing a very smart and gentle man in the young man (the King), the master of the temple offered him a meal. However the escape was not successful since the King was escorted back to the castle by King Thanh Tong’s order. On the throne, the King still had a very simple life. It is said that one afternoon, when taking a nap at Tu Phuc pagoda, the King had a nice dream of a lotus with a gold Buddha status blooming on his belly button. There was someone who pointed to the status and said that it was Bien Chien Ton Buddha.*

*Điều Ngự cũng khóc. Điều Ngự thánh tính thông minh, hiếu học, nhiều tài, đọc khắp các loại sách, thông suốt cả nội điển (Phật học) lẫn ngoại điển, thường mời các vị thiền khách tới cùng giảng cứu Thiền học. Điều Ngự cũng tìm tới tham khảo với Tuệ Trung thượng sĩ, và do đó thâm nhập được cốt tủy của Thiền học, cho nên thường lấy tư cách đệ tử để đối đãi với Tuệ Trung”.*

*Đã đành Trúc Lâm thờ Tuệ Trung làm thầy, nhưng khi xuất gia thọ 250 giới của một vị tỳ kheo thì Tuệ Trung vốn là cư sĩ, không thể truyền giới cho vua được. Ai là hòa thượng trao truyền giới pháp cho Trúc Lâm, và vua thọ giới ở đâu? Hẳn người làm Hòa thượng đầu đàn truyền giới là thiền sư Huệ Tuệ, lúc ấy đang lãnh đạo sơn môn Yên Tử, tổ sư thứ năm của thiền phái. Và lễ thọ giới xuất gia của Trúc Lâm chắc chắn được tổ chức trên núi Yên Tử.*

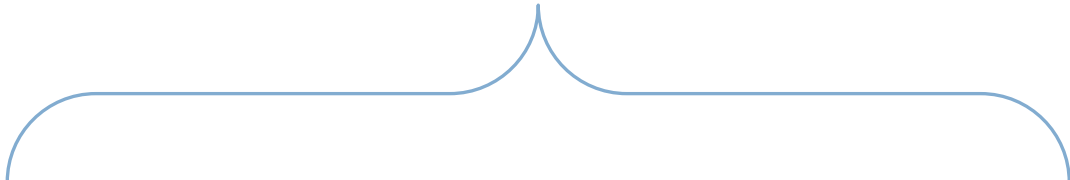
*Trúc Lâm tuy học với Tuệ Trung nhưng khác với Tuệ Trung ở chỗ vua rất chú trọng về mặt hình tướng của sự việc. Trúc Lâm xứng đáng là vị sáng tổ của một môn phái, người lãnh đạo của một giáo hội. Vua có ý định xuất gia rất sớm nhưng ý định này chỉ được thực hiện vào năm 1299.*



*The King woke up and told King Thanh Tong (his father) that dream. Since then the King often had vegetarian meal and his health was getting bad and worse. Being worried about the King's health, King Thanh Tong said: "I am already old, so you are the person who will be in charge of the country. If you are not in good health, you cannot be able to take over the responsibility."*

*King Tran Nhan Tong cried. At his present time, the King was very talented, fond of studying and reading. He mastered Buddhism, thoroughly understood many things from military strategies to ordinary things in life. He usually invited Zen masters to his palace to discuss about Zen. He also came to learn more about Zen at Tue Trung Thuong Si was not a monk. Then Hue Tue Master, who was the leader and also the fifth founder of Yen Tu Chan Sect, was the master of the ceremony that took place in Yen Tu Mount.*

*Truc Lam followed Master Tue Trung to study Buddhism; however, he found his different methodology of focusing on the characteristics of forms. Truc Lam was a great founder of a chan sect, a leader of a religious organization. The King intended to leave his royal palace and become a monk in early years; finally, his dream became reality in 1299.*



*The external world is only  
a manifestation of the  
activities of the mind itself,  
and the mind grasps it as  
an external world simply  
because of its habit of  
discrimination and false-  
reasoning. The disciple  
must get into the habit of  
looking at things truthfully*

*Gautama Buddha*



*Huynh Trưởng Phụ Trách* \_\_\_\_\_

*Ngày:* \_\_\_\_\_

Handwriting practice area with 20 horizontal dotted lines.

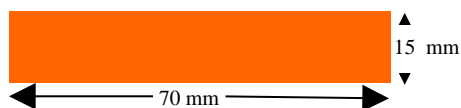
# PHÙ HIỆU GIA ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM-HOA KỲ

## A. Phù Hiệu Chức Vụ :

*Dành cho Huynh Trưởng, Đội, Chúng, Đoàn Trưởng và Phó thay cho Gia Đình Hiệu :*

### I. Ban Hướng Dẫn Trung Ương:

#### 1. Hình Dáng & Kích Thước:



a. *Biểu tượng bằng vạch và chữ (Trung Ương hay tên Miền nếu là phụ tá tại Miền). Chức vụ càng lớn càng nhiều vạch:*

#### 1. Trưởng Ban: 3 vạch



#### 2. Phó Trưởng Ban: 2 vạch



#### 3. Ban Viên: 1 vạch



#### 4. Phụ Tá Ban Viên (không có vạch)



b. *Hình chữ nhật (70 mm x 15 mm). Vạch cách cạnh ngang 2 mm, rộng 2 mm và cách nhau 2 mm.*

c. *Chữ Trung Ương (hay tên Miền) cao 5 mm, rộng 1 mm.*

## 2. *Màu Sắc:*

- a. *Vạch và Chữ: màu đà gỗ*
- b. *Nền: màu Hồ Hoàng (màu cam)*

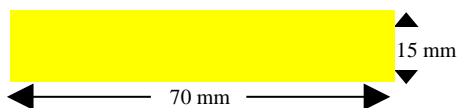
## 3. *Nơi Đeo:*

- a. *Nam: Trên sát nắp túi áo phía trái*
- b. *Nữ: Dưới huy hiệu Hoa Sen, phía dưới vai mặt (xem vị trí huy hiệu và phù hiệu trên mẫu lễ phục của Nữ). Riêng trại phục thì đeo giống Nam.*

## II. *Ban Hướng Dẫn miền:*

### 1. *Hình Dáng & Kích Thước:*

- a. *Biểu tượng bằng vạch và chữ (tên Miền). Chức vụ càng lớn càng nhiều vạch:*



#### 1. *Trưởng Ban: 3 vạch*



#### 2. *Phó Trưởng Ban: 2 vạch*



#### 3. *Ban Viên: 1 vạch*



#### 4. *Phụ Tá Ban Viên (không có vạch)*



- b. Hình chữ nhật (70 mm x 15 mm). Vạch cách cạnh ngang 2 mm, rộng 2 mm và cách nhau 2 mm.
- c. Chữ tên địa phương (hay tên Miền) cao 5 mm, rộng 1 mm.

2. Màu Sắc:

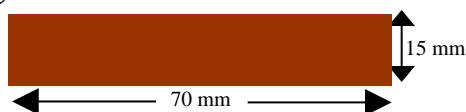
- a. Vạch và Chữ: màu đà gỗ
- b. Nền: màu vàng tươi

3. Nơi Đeo:

- a. Nam: Trên sát nắp túi áo phía trái
- b. Nữ: Dưới huy hiệu Hoa Sen, phía dưới vai mặt (xem vị trí huy hiệu và phù hiệu trên mẫu lễ phục của Nữ). Riêng trại phục thì đeo giống Nam.

### III. Ban Huynh trưởng gia đình:

1. Hình Dáng & Kích Thước:



- a. Biểu tượng bằng vạch và chữ (tên Gia Đình). Vạch thay đổi theo chức vụ:

1. Gia Trưởng: Viên chung quanh



2. Liên Đoàn Trưởng: 3 vạch, đứng



3. Liên Đoàn Phó: 2 vạch đứng lớn, 1 vạch nhỏ 1 ly ở giữa



4. Đoàn Trưởng: 2 vạch



5. *Đoàn Phó: 1 vạch*



6. *Thư Ký & Thủ Quỹ : 1 vạch đứng*



7. *Phụ Tá (không có vạch)*



- b. *Hình chữ nhật (70 mm x 15 mm). Vạch cách cạnh ngang 2 mm, rộng 2 mm và cách nhau 2 mm.*
- c. *Chữ tên gia đình cao 5 mm, rộng 1 mm.*

2. *Màu Sắc:*

- a. *Gia Trưởng, Liên Đoàn Trưởng, Liên Đoàn Phó, Thư Ký, Thủ Quỹ: nền màu đà gỗ, chữ và vạch màu trắng*
- b. *Đoàn Trưởng, Đoàn Phó ngành Thanh: nền màu nâu đỏ, chữ và vạch màu trắng*
- c. *Đoàn Trưởng, Đoàn Phó ngành Thiếu: nền màu xanh nước biển, chữ và vạch màu trắng*
- d. *Đoàn Trưởng, Đoàn Phó ngành Oanh: nền màu xanh lá non, chữ và vạch màu trắng*

3. *Nơi Đeo:*

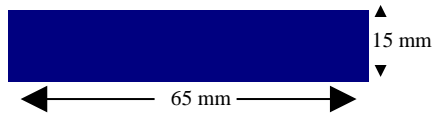
- a. *Nam: Trên sát nắp túi áo phía trái*
- b. *Nữ: Dưới huy hiệu Hoa Sen, phía dưới vai mặt (xem Vị trí huy hiệu và phù hiệu trên mẫu lễ phục của Nữ). Riêng trại phục thì đeo giống Nam*

#### IV. *Đội chúng trưởng và đội chúng phó:*

##### 1. *Hình Dáng & Kích Thước:*

a. *Biểu tượng bằng chữ (tên Gia Đình) và chấm hình tròn. Trưởng 2 chấm, Phó 1 chấm.*

b. *Hình chữ nhật:*



1. *Ngành Thanh: 70 mm x 15 mm. Chữ cao 5 mm, rộng 1mm*



2. *Ngành Thiếu: 65 mm x 15 mm. Chữ cao 5 mm, rộng 1mm*



##### 2. *Màu Sắc:*

a. *Ngành Nam, Nữ Phật tử (Thanh): nền màu nâu đỏ, chữ và chấm màu trắng*

b. *Ngành Thiếu Nam, Thiếu Nữ: nền màu xanh nước biển, chữ và chấm màu trắng*

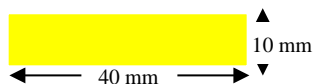
##### 3. *Nơi Đeo:*

a. *Nam: Trên sát nắp túi áo phía trái*

b. *Nữ: Dưới huy hiệu hoa sen, phía dưới vai mặt (xem Vị trí huy hiệu và phù hiệu trên mẫu lễ phục của Nữ). Riêng trại phục thì đeo giống Nam.*

#### V. *Đầu đàn, thú đàn:*

##### 1. *Hình Dáng & Kích Thước:*

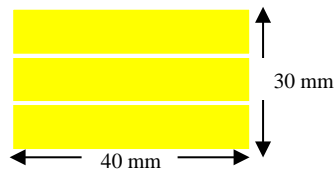


a. *Biểu tượng bằng vạch hình chữ nhật 40 mm x 10 mm khoảng cách nhau 5 1/2 mm chiều rộng của vạch*

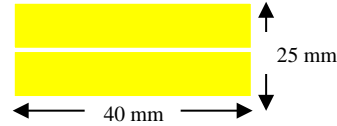
b. *Chức vụ càng lớn, vạch càng nhiều:*



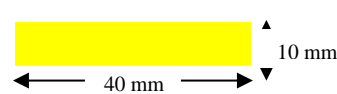
1. Đầu Đàn Nhất: 3 vạch



2. Đầu Đàn: 2 vạch



3. Thứ Đàn: 1 vạch



2. Màu Sắc:

a. Vạch hình chữ nhật, màu vàng lợt

3. Nơi Đeo:

a. Ngang trên dây treo (quần) trái, sát dưới huy Hiệu Hoa sen.

c. Bảng Tên Ngành Oanh: hình chữ nhật 40 ly x 10 mm. Tên Gia Đình ở giữa, chữ cao 5 mm, rộng 1 mm. nền màu xanh lá non, chữ màu trắng



II. Bảng Tên: Dành cho Huỳnh Trưởng

1. Hình Dáng & Kích Thước:



- a. *Hình chữ nhật 70 mm x 15 mm. Phía trên ghi pháp danh, dưới ghi họ và tên.*
  - b. *Chữ họ và tên cao 5 mm, rộng 1 mm. Chữ họ và tên nhỏ bằng nửa chữ pháp danh*
2. *Màu Sắc:*
- a. *Nền màu trắng, chữ màu đỏ*
3. *Nơi Đeo:*
- a. *Nam: Trên sát nắp túi áo phía phải*
  - b. *Nữ: Dưới huy hiệu Hoa Sen và phù hiệu chức vụ, phía dưới vai mặt (xem vị trí huy hiệu và phù hiệu trên mẫu lễ phục của Nữ). Riêng trại phục thì đeo giống Nam*

*If with a pure mind a person  
speaks or acts happiness  
follows him like his never-  
departing shadow*

*Gautama Buddha*

**CƠ CẤU TỔ CHỨC**  
**BAN HƯỚNG DẪN GIA ĐÌNH PHÁT TỬ MIỀN QUẢNG ĐỨC**  
**NHIỆM KỲ VI – 2009 - 2013**

